

**UBND XÃ TÂN ĐỊNH**

**PHƯƠNG ÁN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT**

Thực hiện dự án: **Cụm Công Nghiệp Đại Lâm 2**

Địa điểm thực hiện dự án tại **thôn: Thôn Dầu, xã Tân Định, tỉnh Bắc Ninh**

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND ngày

/ 5/2026 của Chủ tịch UBND xã)

| STT         | Họ và tên Chủ sử dụng đất              | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                                    |                        |                                  |                                  | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m <sup>2</sup> )                  |  |  |               | Loại đất  | Bồi thường đất: đ (Đất lúa: 70.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000đ/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 đ/m <sup>2</sup> ) | BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT         |                |         |   |  |                  | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000đ/m <sup>2</sup> | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: đ (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000đ/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từng thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |                |
|-------------|--|-------------------------|------------------------|--------------|------------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------|---|--|--|---------------|-----------|---|--|---|----------------|---------|---|--|------------------|--|--|--|---|----------------|
|             |  |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m <sup>2</sup> ) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi                |                                  |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán thả |           |   |  | Đơn vị tính   | số lượng       | Đơn giá | Tỷ lệ% của tài sản đúng mục đích hoặc vượt mục đích | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích | Thành tiền: đồng |  |  |  |   |                |
|             |  |                         |                        |              |                                    |                        | Trong chỉ giới (m <sup>2</sup> ) | Ngoài chỉ giới (m <sup>2</sup> ) |                   |   |  |  |               |           |   |  |   |                |         |   |  |                  |  |  |  |   |                |
|             |  |                         |                        |              | 136.437,3                          | 133.447,8              | 133.242,8                        | 205,0                            | 2.989,5           | 31.484,1  | 16.766,3   | 84.040,6   | 1.156,8       | 0,0       | 8.668.314.000   | 80.976.000                             |   |                |         |   |  |                  | 3.675.370.056                                  | 1.984.365.000  | 37.473.365.000   | 51.882.390.056  | 51.882.390.056 |
| 0           | Bùi Thị Viên chồng là Ngô Văn Hòa      | Dầu                     | 62                     | 4            | 80,4                               | 80,4                   | 80,4                             | 0,0                              | 0,0               |   |  | 80,4   | 0,0           | LUK       | 5.628.000   | 0                                      | Lúa   | m <sup>2</sup> | 80,4    | 9.000   | 100%   | 100%             | 723.600  | 1.206.000  | 28.140.000   | 35.697.600  | 540.193.300    |
|             | Bùi Thị Viên chồng là Ngô Văn Hòa      | Dầu                     | 44                     | 2            | 524,7                              | 524,7                  | 524,7                            | 0,0                              | 0,0               |   |  | 524,7  | 0,0           | LUK       | 36.729.000  | 0                                      | Lúa   | m <sup>2</sup> | 524,7   | 9.000   | 100%   | 100%             | 4.722.300                                      | 7.870.500  | 183.645.000  | 232.966.800   |                |
|             | Bùi Thị Viên chồng là Ngô Văn Hòa      | Dầu                     | 103                    | 5            | 306,6                              | 306,6                  | 306,6                            | 0,0                              | 0,0               |   |  | 306,6  | 0,0           | LUK       | 21.462.000  | 0                                      | Ngô   | m <sup>2</sup> | 306,6   | 9.000   | 100%   | 100%             | 2.759.400                                      | 4.599.000  | 107.310.000  | 136.130.400   |                |
|             | Bùi Thị Viên chồng là Ngô Văn Hòa      | Dầu                     | 287                    | 5            | 184,0                              | 184,0                  | 121,6                            | 62,4                             | 0,0               |   |  | 184,0  | 0,0           | LUK       | 12.880.000  | 0                                      | Lúa   | m <sup>2</sup> | 184,0   | 9.000   | 100%   | 100%             | 1.656.000                                      | 2.760.000  | 64.400.000   | 81.696.000  |                |
|             | Bùi Thị Viên chồng là Ngô Văn Hòa      | Dầu                     | 19                     | 1            | 121,1                              | 121,1                  | 121,1                            | 0,0                              | 0,0               |   |  | 121,1  | 0,0           | LUK       | 8.477.000   | 0                                      | Bạch đàn cao >3m; Đk gốc <5cm                       | cây            | 24,0    | 40.000  | 100%   | 80%              | 768.000  | 1.816.500  | 42.385.000   | 53.446.500  |                |
|             | Bùi Thị Viên chồng là Ngô Văn Hòa      |                         |                        |              |                                    |                        |                                  |                                  |                   |   |  |  |               |           | 0   | 0                                      | Vượt mật độ dưới 100% Bạch đàn cao >3m; ĐK gốc <5cm | cây            | 16,0    | 40.000  | 50%  | 80%              | 256.000  | 0  | 0  | 256.000   |                |
| 1           | Chu Đình Hy                            | Dầu                     | 77                     | 2            | 238,2                              | 238,2                  | 238,2                            | 0,0                              | 0,0               |   |  | 238,2  | 0,0           | LUK       | 16.674.000  | 0                                      | Ôi Đk gốc 13-15cm                                   | cây            | 25,0    | 810.000   | 100%   | 80%              | 16.200.000                                     | 3.573.000  | 83.370.000   | 119.817.000   | 607.344.200    |
|             | Chu Đình Hy                            | Dầu                     | 61                     | 4            | 244,7                              | 244,7                  | 244,7                            | 0,0                              | 0,0               |   |  | 244,7  | 0,0           | LUK       | 17.129.000  | 0                                      | Lúa   | m <sup>2</sup> | 244,7   | 9.000   | 100%   | 100%             | 2.202.300                                      | 3.670.500  | 85.645.000   | 108.646.800   |                |
|             | Chu Đình Hy                            | Dầu                     | 171                    | 4            | 356,6                              | 356,6                  | 356,6                            | 0,0                              | 0,0               |   |  | 356,6  | 0,0           | LUK       | 24.962.000  | 0                                      | Lúa   | m <sup>2</sup> | 356,6   | 9.000   | 100%   | 100%             | 3.209.400                                      | 5.349.000  | 124.810.000  | 158.330.400   |                |
|             | Chu Đình Hy                            | Dầu                     | 383                    | 4            | 240,7                              | 240,7                  | 240,7                            | 0,0                              | 0,0               |   |  | 240,7  | 0,0           | LUK       | 16.849.000  | 0                                      | Lúa   | m <sup>2</sup> | 240,7   | 9.000   | 100%   | 100%             | 2.166.300                                      | 3.610.500  | 84.245.000   | 106.870.800   |                |
|             | Chu Đình Hy                            | Dầu                     | 328                    | 5            | 120,2                              | 120,2                  | 120,2                            | 0,0                              | 0,0               |   |  | 120,2  | 0,0           | LUK       | 8.414.000   | 0                                      | Lúa   | m <sup>2</sup> | 120,2   | 9.000   | 100%   | 100%             | 1.081.800                                      | 1.803.000  | 42.070.000   | 53.368.800  |                |
|             | Chu Đình Hy                            | Dầu                     | 2                      | 5            | 160,8                              | 160,8                  | 160,8                            | 0,0                              | 0,0               |   |  | 0,0  | 160,8         | LUK       | 0   | 11.256.000                             | Táo ĐK gốc >20cm                                    | cây            | 10,0    | 2.565.000   | 100%   | 50%              | 12.825.000                                     | 0  | 0  | 24.081.000  |                |
|             | Chu Đình Hy                            |                         |                        |              |                                    |                        |                                  |                                  |                   |   |  |  |               |           | 0   | 0                                      | Vượt mật độ dưới 100% Táo ĐK gốc >20cm              | cây            | 2,0     | 2.565.000   | 100%   | 50%              | 2.565.000                                      | 0  | 0  | 2.565.000   |                |
|             | Chu Đình Hy                            |                         |                        |              |                                    |                        |                                  |                                  |                   |   |  |  |               |           | 0   | 0                                      | Vượt mật độ dưới 100% Ôi Đk gốc 8-11cm              | cây            | 10,0    | 508.000   | 100%   | 50%              | 2.540.000                                      | 0  | 0  | 2.540.000   |                |
| Chu Đình Hy | Dầu                                    | 315                     | 4                      | 70,1         | 70,1                               | 70,1                   | 0,0                              | 0,0                              |                   | 0,0   | 70,1   | 0,0  | BHK           | 4.907.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                                      | 70,1           | 9.000   | 100%  | 100%   | 630.900          | 1.051.500                                      | 24.535.000   | 31.124.400   |   |                |
| 2           | Chu Thị Thơm                           | Dầu                     | 98                     | 2            | 242,3                              | 242,3                  | 242,3                            | 0,0                              | 0,0               |   |  | 242,3  | 0,0           | LUK       | 16.961.000  | 0                                      | Ôi Đk gốc 11-13cm                                   | cây            | 26,0    | 659.000   | 100%   | 80%              | 13.707.200                                     | 3.634.500  | 84.805.000   | 119.107.700   | 237.738.920    |
|             | Chu Thị Thơm                           | Dầu                     | 125                    | 2            | 84,3                               | 84,3                   | 84,3                             | 0,0                              | 0,0               |   |  | 84,3   | 0,0           | LUK       | 5.901.000   | 0                                      | Lúa   | m <sup>2</sup> | 84,3    | 9.000   | 100%   | 100%             | 758.700  | 1.264.500  | 29.505.000   | 37.429.200  |                |
|             | Chu Thị Thơm                           | Dầu                     | 202                    | 5            | 175,8                              | 175,8                  | 175,8                            | 0,0                              | 0,0               |   |  | 175,8  | 0,0           | LUK       | 12.306.000  | 0                                      | Khoai tây   | m <sup>2</sup> | 175,8   | 26.900  | 100%   | 100%             | 4.729.020                                      | 2.637.000  | 61.530.000   | 81.202.020  |                |
| 3           | Chu Thị Vương chồng là Ngô Văn Trường  | Dầu                     | 121                    | 2            | 370,4                              | 370,4                  | 370,4                            | 0,0                              | 0,0               |   |  | 370,4  | 0,0           | LUK       | 25.928.000  | 0                                      | Hoa lay on  | m <sup>2</sup> | 370,4   | 61.800  | 100%   | 100%             | 22.890.720                                     | 5.556.000  | 129.640.000  | 184.014.720   | 451.036.320    |
|             | Chu Thị Vương chồng là Ngô Văn Trường  | Dầu                     | 178                    | 5            | 601,4                              | 601,4                  | 601,4                            | 0,0                              | 0,0               |   |  | 601,4  | 0,0           | LUK       | 42.098.000  | 0                                      | Lúa   | m <sup>2</sup> | 601,4   | 9.000   | 100%   | 100%             | 5.412.600                                      | 9.021.000  | 210.490.000  | 267.021.600   |                |
| 4           | Giáp Thị Liên chồng là Nguyễn Công Vào | Dầu                     | 247                    | 5            | 155,1                              | 155,1                  | 155,1                            | 0,0                              | 0,0               |   |  | 155,1  | 0,0           | LUK       | 10.857.000  | 0                                      | Khoai lang  | m <sup>2</sup> | 155,1   | 26.900  | 100%   | 100%             | 4.172.190                                      | 2.326.500  | 54.285.000   | 71.640.690  | 299.194.490    |
|             | Giáp Thị Liên chồng là Nguyễn Công Vào | Dầu                     | 90                     | 4            | 95,6                               | 95,6                   | 95,6                             | 0,0                              | 0,0               |   |  | 95,6   | 0,0           | LUK       | 6.692.000   | 0                                      | Lúa   | m <sup>2</sup> | 95,6    | 9.000   | 100%   | 100%             | 860.400  | 1.434.000  | 33.460.000   | 42.446.400  |                |
|             | Giáp Thị Liên chồng là Nguyễn Công Vào | Dầu                     | 437                    | 4            | 149,0                              | 149,0                  | 149,0                            | 0,0                              | 0,0               |   | 149,0  | 0,0  | 0,0           | LUK       | 10.430.000  | 0                                      | Lúa   | m <sup>2</sup> | 149,0   | 9.000   | 100%   | 100%             | 1.341.000                                      | 2.235.000  | 0  | 14.006.000  |                |
|             | Giáp Thị Liên chồng là Nguyễn Công Vào | Dầu                     | 252                    | 5            | 207,3                              | 207,3                  | 207,3                            | 0,0                              | 0,0               |   |  | 207,3  | 0,0           | LUK       | 14.511.000  | 0                                      | Lúa   | m <sup>2</sup> | 207,3   | 9.000   | 100%   | 100%             | 1.865.700                                      | 3.109.500  | 72.555.000   | 92.041.200  |                |
|             | Giáp Thị Liên chồng là Nguyễn Công Vào | Dầu                     | 121                    | 4            | 78,1                               | 78,1                   | 78,1                             | 0,0                              | 0,0               |   | 78,1   | 0,0  | 0,0           | LUK       | 5.467.000   | 0                                      | Cà chua   | m <sup>2</sup> | 78,1    | 41.000  | 100%   | 100%             | 3.202.100                                      | 1.171.500  | 0  | 9.840.600   |                |
| 5           | Giáp Thị Liên chồng là Nguyễn Công Vào | Dầu                     | 50                     | 5            | 280,7                              | 155,9                  | 155,9                            | 0,0                              | 124,8             |   |  | 155,9  | 0,0           | LUK       | 10.913.000  | 0                                      | Lúa   | m <sup>2</sup> | 155,9   | 9.000   | 100%   | 100%             | 1.403.100                                      | 2.338.500  | 54.565.000   | 69.219.600  |                |
| 6           | Giáp Thị Liên chồng là Nguyễn Công Vào |                         | 276                    | 5            | 1.157,2                            | 240,0                  | 240,0                            | 0,0                              | 917,2             |   |  | 240,0  |               | LUK       | 16.800.000  | 0                                      | Lúa   | m <sup>2</sup> | 240,0   | 9.000   | 100%   | 100%             |  | 3.600.000  | 84.000.000   | 104.400.000   |                |

| STT | Họ và tên Chủ sử dụng đất  | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                       |                        |                     |                     | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m2)                               |  |  |                | Loại đất | Bồi thường đất: đ (Đất lúa: 70.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000đ/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 đ/m <sup>2</sup> )              | BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT |                |           |           |  |  | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000đ/m2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: đ (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000đ/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từ thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |                  |
|-----|--|-------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|---------------------|-------------------|---|--|--|----------------|----------|---|---|---|----------------|-----------|-----------|--|--|------------------------------------|--|--|---|------------------|
|     |  |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m2) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi   |                     |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán trâu |          |   |   |   |                |           |           |  |  |                                    |  |  |   |                  |
|     |  |                         |                        |              |                       |                        | Trong chỉ giới (m2) | Ngoài chỉ giới (m2) |                   |   |  |  |                |          |   |   | Loại tài sản trên đất                       | Đơn vị tính    | số lượng  | Đơn giá   | Tỷ lệ% của tài sản đúng hoặc vượt mật độ | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích |                                    |  |  |   | Thành tiền: đồng |
| 7   | Giáp Thi Liên chồng là Nguyễn Công Vào                           | Dầu                     | 85                     | 5            | 310,4                 | 120,0                  | 120,0               | 0,0                 | 190,4             |   |  | 120,0  | 0,0            | LUK      | 8.400.000   | 0   | Khoai lang                                  | m <sup>2</sup> | 120,0     | 26.900    | 100%                                     | 100%   | 3.228.000                          | 1.800.000  | 42.000.000   | 55.428.000  | 155.028.000      |
| 8   | Giáp Thi Thi chồng là Ngô Hồng Chính; Ngô Hồng Sứ; Giáp Văn Sinh | Dầu                     | 30                     | 2            | 620,0                 | 620,0                  | 620,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 620,0  | 0,0            | LUK      | 43.400.000  | 0   | Cà chua                                     | m <sup>2</sup> | 620,0     | 41.000    | 100%                                     | 100%   | 25.420.000                         | 9.300.000  | 217.000.000  | 295.120.000   | 295.120.000      |
| 9   | Giáp Thi Xuyên chồng là Phạm Văn Tuyết                           | Dầu                     | 164                    | 5            | 417,7                 | 417,7                  | 417,7               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 417,7  | 0,0            | LUK      | 29.239.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 417,7     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 3.759.300                          | 6.265.500  | 146.195.000  | 185.458.800   | 768.462.030      |
|     | Giáp Thi Xuyên chồng là Phạm Văn Tuyết                           | Dầu                     | 179                    | 5            | 49,0                  | 49,0                   | 49,0                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 49,0   | 0,0            | LUK      | 3.430.000   | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 49,0      | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 441.000                            | 735.000  | 17.150.000   | 21.756.000  |                  |
|     | Giáp Thi Xuyên chồng là Phạm Văn Tuyết                           | Dầu                     | 180                    | 5            | 176,4                 | 176,4                  | 176,4               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 176,4  | 0,0            | LUK      | 12.348.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 176,4     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 1.587.600                          | 2.646.000  | 61.740.000   | 78.321.600  |                  |
|     | Giáp Thi Xuyên chồng là Phạm Văn Tuyết                           | Dầu                     | 238                    | 5            | 567,3                 | 567,3                  | 567,3               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 567,3  | 0,0            | LUK      | 39.711.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 567,3     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 5.105.700                          | 8.509.500  | 198.555.000  | 251.881.200   |                  |
|     | Giáp Thi Xuyên chồng là Phạm Văn Tuyết                           | Dầu                     | 244                    | 5            | 255,3                 | 255,3                  | 255,3               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 255,3  | 0,0            | LUK      | 17.871.000  | 0   | Khoai lang                                  | m <sup>2</sup> | 255,3     | 26.900    | 100%                                     | 100%   | 6.867.570                          | 3.829.500  | 89.355.000   | 117.923.070   |                  |
|     | Giáp Thi Xuyên chồng là Phạm Văn Tuyết                           | Dầu                     | 40                     | 2            | 227,7                 | 227,7                  | 227,7               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 227,7  | 0,0            | LUK      | 15.939.000  | 0   | Hoa lay on                                  | m <sup>2</sup> | 227,7     | 61.800    | 100%                                     | 100%   | 14.071.860                         | 3.415.500  | 79.695.000   | 113.121.360   |                  |
| 10  | Giáp Văn Bình  | Dầu                     | 104                    | 2            | 370,0                 | 370,0                  | 370,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 370,0  | 0,0            | LUK      | 25.900.000  | 0   | Ngô   | m <sup>2</sup> | 370,0     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 3.330.000                          | 5.550.000  | 129.500.000  | 164.280.000   | 837.916.800      |
|     | Giáp Văn Bình  | Dầu                     | 413                    | 4            | 114,6                 | 114,6                  | 114,6               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 114,6  | 0,0            | LUK      | 8.022.000   | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 114,6     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 1.031.400                          | 1.719.000  | 40.110.000   | 50.882.400  |                  |
|     | Giáp Văn Bình  | Dầu                     | 239                    | 5            | 1.110,9               | 1.110,9                | 1.110,9             | 0,0                 | 0,0               |   |  | 1.110,9  | 0,0            | LUK      | 77.763.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 1.110,9   | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 9.998.100                          | 16.663.500   | 388.815.000  | 493.239.600   |                  |
|     | Giáp Văn Bình  | Dầu                     | 241                    | 5            | 291,7                 | 291,7                  | 291,7               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 291,7  | 0,0            | LUK      | 20.419.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 291,7     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 2.625.300                          | 4.375.500  | 102.095.000  | 129.514.800   |                  |
| 11  | Giáp Văn Cẩn (Tổng Thị Nhường)                                   | Dầu                     | 29                     | 2            | 299,6                 | 299,6                  | 299,6               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 299,6  | 0,0            | LUK      | 20.972.000  | 0   | Hoa lay on                                  | m <sup>2</sup> | 299,6     | 61.800    | 100%                                     | 100%   | 18.515.280                         | 4.494.000  | 104.860.000  | 148.841.280   | 272.594.160      |
|     | Giáp Văn Cẩn (Tổng Thị Nhường)                                   | Dầu                     | 105                    | 2            | 249,1                 | 249,1                  | 249,1               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 249,1  | 0,0            | LUK      | 17.437.000  | 0   | Hoa lay on                                  | m <sup>2</sup> | 249,1     | 61.800    | 100%                                     | 100%   | 15.394.380                         | 3.736.500  | 87.185.000   | 123.752.880   |                  |
| 12  | Giáp Văn Cẩn vợ là Ngô Thị Mỹ                                    | Dầu                     | 2                      | 1            | 275,6                 | 275,6                  | 275,6               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 275,6  | 0,0            | LUK      | 19.292.000  | 0   | Bạch đàn cao >3m; Đk gốc <5cm               | cây            | 55,0      | 40.000    | 100%                                     | 80%  | 1.760.000                          | 4.134.000  | 96.460.000   | 121.646.000   | 122.366.000      |
|     | Giáp Văn Cẩn vợ là Ngô Thị Mỹ                                    |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0        | 0   | Vượt mật độ dưới 100% Bạch đàn cao >3m; Đk gốc <5cm | cây   | 45,0           | 40.000    | 50%       | 80%                                      | 720.000  | 0                                  | 0  | 720.000  |   |                  |
| 13  | Giáp Văn Gờ  | Dầu                     | 381                    | 4            | 241,8                 | 241,8                  | 241,8               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 241,8  | 0,0            | LUK      | 16.926.000  | 0   | Hoa lay on                                  | m <sup>2</sup> | 241,8     | 61.800    | 100%                                     | 100%   | 14.943.240                         | 3.627.000  | 84.630.000   | 120.126.240   | 171.743.760      |
|     | Giáp Văn Gờ  | Dầu                     | 29                     | 5            | 103,9                 | 103,9                  | 103,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 103,9  | 0,0            | LUK      | 7.273.000   | 0   | Hoa lay on                                  | m <sup>2</sup> | 103,9     | 61.800    | 100%                                     | 100%   | 6.421.020                          | 1.558.500  | 36.365.000   | 51.617.520  |                  |
| 14  | Giáp Văn Mật, vợ là Ngô Thị Gat                                  | Dầu                     | 69                     | 5            | 513,0                 | 513,0                  | 513,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 513,0  | 0,0            | LUK      | 35.910.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 513,0     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 4.617.000                          | 7.695.000  | 179.550.000  | 227.772.000   | 355.732.800      |
|     | Giáp Văn Mật, vợ là Ngô Thị Gat                                  | Dầu                     | 44                     | 5            | 288,2                 | 288,2                  | 288,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 288,2  | 0,0            | LUK      | 20.174.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 288,2     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 2.593.800                          | 4.323.000  | 100.870.000  | 127.960.800   |                  |
| 15  | Giáp Văn Mườì  | Dầu                     | 87                     | 2            | 103,9                 | 103,9                  | 103,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 103,9  | 0,0            | LUK      | 7.273.000   | 0   | Hoa lay on                                  | m <sup>2</sup> | 103,9     | 61.800    | 100%                                     | 100%   | 6.421.020                          | 1.558.500  | 36.365.000   | 51.617.520  | 371.727.020      |
|     | Giáp Văn Mườì  | Dầu                     | 88                     | 2            | 605,0                 | 605,0                  | 605,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 605,0  | 0,0            | LUK      | 42.350.000  | 0   | Hoa lay on                                  | m <sup>2</sup> | 605,0     | 61.800    | 100%                                     | 100%   | 37.389.000                         | 9.075.000  | 211.750.000  | 300.564.000   |                  |
|     | Giáp Văn Mườì  | Dầu                     | 20                     | 5            | 118,8                 | 118,8                  | 118,8               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 0,0  | 118,8          | LUK      | 0   | 8.316.000   | Táo ĐK gốc >20cm                            | cây            | 4,0       | 2.565.000 | 100%                                     | 50%  | 5.130.000                          | 0  | 0  | 13.446.000  |                  |
|     | Giáp Văn Mườì  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0        | 0   | Táo ĐK gốc >20cm                                    | cây   | 3,0            | 2.565.000 | 100%      | 50%                                      | 3.847.500  | 0                                  | 0  | 3.847.500  |   |                  |
|     | Giáp Văn Mườì  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0        | 0   | Vượt mật độ dưới 100% Ôi Đk gốc 8-11cm              | cây   | 8,0            | 508.000   | 100%      | 50%                                      | 2.032.000  | 0                                  | 0  | 2.032.000  |   |                  |
|     | Giáp Văn Mườì  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0        | 0   | Vượt mật độ dưới 100% Mít ĐK gốc 10-15cm            | cây   | 1,0            | 440.000   | 100%      | 50%                                      | 220.000  | 0                                  | 0  | 220.000  |   |                  |
| 16  | Giáp Văn Sang  | Dầu                     | 19                     | 9            | 213,5                 | 213,5                  | 213,5               | 0,0                 | 0,0               | 213,5   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK      | 14.945.000  | 0   | Táo ĐK gốc >20cm                            | cây            | 12,0      | 2.565.000 | 100%                                     | 80%  | 24.624.000                         | 3.202.500  | 74.725.000   | 117.496.500   | 614.263.000      |
|     | Giáp Văn Sang  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0        | 0   | Vượt mật độ dưới 100% Táo ĐK gốc >20cm              | cây   | 2,0            | 2.565.000 | 100%      | 80%                                      | 4.104.000  | 0                                  | 0  | 4.104.000  |   |                  |
|     | Giáp Văn Sang  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0        | 0   | Vượt mật độ dưới 100% Ôi ĐK 2-5cm                   | cây   | 5,0            | 206.000   | 100%      | 80%                                      | 824.000  | 0                                  | 0  | 824.000  |   |                  |
|     | Giáp Văn Sang  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0        | 0   | Vượt mật độ dưới 100% Bưởi ĐK gốc 6-10cm            | cây   | 4,0            | 575.000   | 100%      | 80%                                      | 1.840.000  | 0                                  | 0  | 1.840.000  |   |                  |
|     | Giáp Văn Sang  | Dầu                     | 126                    | 4            | 359,9                 | 359,9                  | 359,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 359,9  | 0,0            | LUK      | 25.193.000  | 0   | Cà chua                                     | m <sup>2</sup> | 359,9     | 41.000    | 100%                                     | 100%   | 14.755.900                         | 5.398.500  | 0  | 45.347.400  |                  |
|     | Giáp Văn Sang  | Dầu                     | 304                    | 4            | 210,1                 | 210,1                  | 210,1               | 0,0                 | 0,0               | 120   | 90,1   | 0,0  | 0,0            | LUK      | 14.707.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 120,0     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 1.080.000                          | 3.151.500  | 42.000.000   | 60.938.500  |                  |

| STT | Họ và tên Chủ sử dụng đất                     | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                       |                        |                     |                     | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m2)                               |  |  |                |                       | Loại đất   | Bồi thường đất: đ (Đất lúa: 70.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000đ/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 đ/m <sup>2</sup> ) | BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT |          |         |  |  |                  | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000đ/m2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: đ (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000đ/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từ thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |
|-----|---|-------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|---------------------|-------------------|---|--|--|----------------|-----------------------|------------|---|--|---|----------|---------|--|--|------------------|------------------------------------|--|--|---|
|     |   |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m2) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi   |                     |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán trâu |                       |            |   |  |   |          |         |  |  |                  |                                    |  |  |   |
|     |   |                         |                        |              |                       |                        | Trong chỉ giới (m2) | Ngoài chỉ giới (m2) |                   |   |  |  |                | Loại tài sản trên đất |            |   |  | Đơn vị tính                                 | số lượng | Đơn giá | Tỷ lệ% của tài sản đúng hoặc vượt mặt độ | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích | Thành tiền: đồng |                                    |  |  |   |
|     | Giáp Văn Sang                                 | Dầu                     | 373                    | 4            | 490,9                 | 490,9                  | 490,9               | 0,0                 | 0,0               | 490,9   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 34.363.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 490,9    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 4.418.100        | 7.363.500                          | 171.815.000  | 217.959.600  |   |
|     | Giáp Văn Sang                                 | Dầu                     | 551                    | 4            | 104,2                 | 104,2                  | 104,2               | 0,0                 | 0,0               | 96  | 8,2  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 7.294.000  | 0   | Cây Ôi ĐK gốc 11-13cm                  | cây   | 5,0      | 659.000 | 100%                                     | 80%  | 2.636.000        | 1.563.000                          | 33.600.000   | 45.093.000   |   |
|     | Giáp Văn Sang                                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Cây Ôi ĐK gốc 5-8cm                    | cây   | 5,0      | 357.000 | 100%                                     | 80%  | 1.428.000        | 0                                  | 0  | 1.428.000  |   |
|     | Giáp Văn Sang                                 | Dầu                     |                        |              |                       | 240,0                  | 240,0               | 0,0                 | 0,0               | 240,0   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 16.800.000 | 0   | Hoa lay on                             | m <sup>2</sup>                              | 240,0    | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 14.832.000       | 3.600.000                          | 84.000.000   | 119.232.000  |   |
| 17  | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bốn        | Dầu                     | 240                    | 4            | 306,4                 | 66,4                   | 66,4                | 0,0                 | 0,0               | 66,4  | 0,0  |  |                | LUK                   | 4.648.000  | 0   | Hoa lay on                             | m <sup>2</sup>                              | 66,4     | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 4.103.520        | 996.000                            | 23.240.000   | 32.987.520   | 32.987.520  |
| 18  | Giáp Văn Sinh                                 | Dầu                     | 59                     | 2            | 208,1                 | 208,1                  | 208,1               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 208,1  | 0,0            | LUK                   | 14.567.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 208,1    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.872.900        | 3.121.500                          | 72.835.000   | 92.396.400   | 128.470.790   |
|     | Giáp Văn Sinh                                 | Dầu                     | 46                     | 5            | 78,1                  | 78,1                   | 78,1                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 78,1   | 0,0            | LUK                   | 5.467.000  | 0   | Khoai lang                             | m <sup>2</sup>                              | 78,1     | 26.900  | 100%                                     | 100%   | 2.100.890        | 1.171.500                          | 27.335.000   | 36.074.390   |   |
| 19  | Giáp Văn Tinh                                 | Dầu                     | 92                     | 5            | 430,3                 | 430,3                  | 430,3               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 430,3  | 0,0            | LUK                   | 30.121.000 | 0   | Hoa lay on                             | m <sup>2</sup>                              | 430,3    | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 26.592.540       | 6.454.500                          | 150.605.000  | 213.773.040  | 213.773.040   |
| 20  | Giáp Văn Trỗi                                 | Dầu                     | 128                    | 2            | 355,3                 | 355,3                  | 355,3               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 355,3  | 0,0            | LUK                   | 24.871.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 355,3    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 3.197.700        | 5.329.500                          | 124.355.000  | 157.753.200  | 157.753.200   |
| 21  | Giáp Văn Tuyên                                | Dầu                     | 91                     | 4            | 862,6                 | 862,6                  | 862,6               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 862,6  | 0,0            | LUK                   | 60.382.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 862,6    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 7.763.400        | 12.939.000                         | 301.910.000  | 382.994.400  | 657.519.600   |
|     | Giáp Văn Tuyên                                | Dầu                     | 382                    | 4            | 80,9                  | 80,9                   | 80,9                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 80,9   | 0,0            | LUK                   | 5.663.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 80,9     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 728.100          | 1.213.500                          | 28.315.000   | 35.919.600   |   |
|     | Giáp Văn Tuyên                                | Dầu                     | 254                    | 5            | 127,3                 | 127,3                  | 127,3               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 127,3  | 0,0            | LUK                   | 8.911.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 127,3    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.145.700        | 1.909.500                          | 44.555.000   | 56.521.200   |   |
|     | Giáp Văn Tuyên                                | Dầu                     | 265                    | 5            | 410,1                 | 410,1                  | 410,1               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 410,1  | 0,0            | LUK                   | 28.707.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 410,1    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 3.690.900        | 6.151.500                          | 143.535.000  | 182.084.400  |   |
| 22  | Giáp Văn Tuyên                                | Dầu                     | 74                     | 2            | 163,6                 | 163,6                  | 163,6               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 163,6  | 0,0            | LUK                   | 11.452.000 | 0   | Hoa lay on                             | m <sup>2</sup>                              | 163,6    | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 10.110.480       | 2.454.000                          | 57.260.000   | 81.276.480   | 186.498.720   |
|     | Giáp Văn Tuyên                                | Dầu                     | 102                    | 2            | 211,8                 | 211,8                  | 211,8               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 211,8  | 0,0            | LUK                   | 14.826.000 | 0   | Hoa lay on                             | m <sup>2</sup>                              | 211,8    | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 13.089.240       | 3.177.000                          | 74.130.000   | 105.222.240  |   |
|     | Giáp Văn Tuyên                                | Dầu                     |                        |              |                       | 120,5                  | 120,5               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 120,5  | 0,0            | LUK                   | 8.435.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 120,5    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.084.500        | 1.807.500                          | 42.175.000   | 53.502.000   | 53.502.000  |
| 22  | Ngô Thị Chín                                  |                         | 253                    | 5            | 381,5                 | 166,0                  | 166,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 166,0  | 0,0            | LUK                   | 11.620.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 166,0    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.494.000        | 2.490.000                          | 58.100.000   | 73.704.000   | 73.704.000  |
| 23  | Nguyễn Thị Dăng (Răng)                        |                         |                        |              | 95,0                  | 95,0                   | 95,0                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 95,0   | 0,0            | LUK                   | 6.650.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 95,0     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 855.000          | 1.425.000                          | 33.250.000   | 42.180.000   | 42.180.000  |
| 24  | Hà Thị Luận chồng là Ngô Đức Thiệu            | Dầu                     | 15                     | 2            | 114,4                 | 114,4                  | 114,4               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 114,4  | 0,0            | LUK                   | 8.008.000  | 0   | Bạch đàn ĐK gốc từ trên 13-<20cm       | cây   | 1        | 163.000 | 100%                                     | 80%  | 130.400          | 1.716.000                          | 40.040.000   | 49.894.400   | 275.049.320   |
|     | Hà Thị Luận chồng là Ngô Đức Thiệu            |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Tre già ĐK<7cm                         | cây   | 61,0     | 32.000  | 100%                                     | 80%  | 1.561.600        | 0                                  | 0  | 1.561.600  |   |
|     | Hà Thị Luận chồng là Ngô Đức Thiệu            |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 89,5     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 805.500          | 0                                  | 0  | 805.500  |   |
|     | Hà Thị Luận chồng là Ngô Đức Thiệu            | Dầu                     | 129                    | 2            | 258,8                 | 258,8                  | 258,8               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 258,8  | 0,0            | LUK                   | 18.116.000 | 0   | Khoai lang                             | m <sup>2</sup>                              | 258,8    | 26.900  | 100%                                     | 100%   | 6.961.720        | 3.882.000                          | 90.580.000   | 119.539.720  |   |
|     | Hà Thị Luận chồng là Ngô Đức Thiệu            | Dầu                     | 18                     | 2            | 66,3                  | 66,3                   | 66,3                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 66,3   | 0,0            | LUK                   | 4.641.000  | 0   | Chuối đã có quả, khóm từ 2 cây trở lên | Khóm  | 13       | 132.500 | 100%                                     | 80%  | 1.378.000        | 994.500                            | 23.205.000   | 30.218.500   |   |
| 25  | Hà Thị Luận chồng là Ngô Đức Thiệu            | Dầu                     |                        |              | 489,0                 | 147,0                  | 147,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 147,0  | 0,0            | LUK                   | 10.290.000 | 0   | Hoa lay on                             | m <sup>2</sup>                              | 147,0    | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 9.084.600        | 2.205.000                          | 51.450.000   | 73.029.600   | 169.905.600   |
|     | Ngô Văn Hậu                                   |                         |                        |              | 342,0                 | 342,0                  | 342,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 342,0  | 0,0            | LUK                   | 23.940.000 | 0   | Hoa lay on                             | m <sup>2</sup>                              | 342,0    | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 21.135.600       | 5.130.000                          | 119.700.000  | 169.905.600  | 169.905.600   |
| 26  | Hoàng Thị Thiện (chồng là Ngô Văn Trung)      | Dầu                     | 99                     | 2            | 177,4                 | 177,4                  | 177,4               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 177,4  | 0,0            | LUK                   | 12.418.000 | 0   | Hoa lay on                             | m <sup>2</sup>                              | 177,4    | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 10.963.320       | 2.661.000                          | 62.090.000   | 88.132.320   | 584.386.520   |
|     | Hoàng Thị Thiện (chồng là Ngô Văn Trung)      | Dầu                     | 16                     | 2            | 34,1                  | 34,1                   | 34,1                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 34,1   | 0,0            | LUK                   | 2.387.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 34,1     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 306.900          | 511.500                            | 11.935.000   | 15.140.400   |   |
|     | Hoàng Thị Thiện (chồng là Ngô Văn Trung)      | Dầu                     | 25                     | 2            | 292,8                 | 292,8                  | 292,8               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 292,8  | 0,0            | LUK                   | 20.496.000 | 0   | Bạch đàn ĐK gốc từ trên 13-<20cm       | cây   | 15,0     | 163.000 | 100%                                     | 80%  | 1.956.000        | 4.392.000                          | 102.480.000  | 129.324.000  |   |
|     | Hoàng Thị Thiện (chồng là Ngô Văn Trung)      |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Bạch đàn ĐK gốc 5-10cm                 | cây   | 30,0     | 118.000 | 100%                                     | 80%  | 2.832.000        | 0                                  | 0  | 2.832.000  |   |
|     | Hoàng Thị Thiện (chồng là Ngô Văn Trung)      | Dầu                     | 152                    | 5            | 481,9                 | 481,9                  | 481,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 481,9  | 0,0            | LUK                   | 33.733.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 481,9    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 4.337.100        | 7.228.500                          | 168.665.000  | 213.963.600  |   |
|     | Hoàng Thị Thiện chồng là Ngô Văn Trung        | Dầu                     | 9                      | 2            | 163,3                 | 163,3                  | 163,3               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 163,3  | 0,0            | LUK                   | 11.431.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 163,3    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.469.700        | 2.449.500                          | 57.155.000   | 72.505.200   |   |
|     | Hoàng Thị Thiện; Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) | Dầu                     | 34                     | 2            | 138,2                 | 138,2                  | 138,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 138,2  | 0,0            | LUK                   | 9.674.000  | 0   | Bạch đàn ĐK gốc từ trên 13-<20cm       | cây   | 15,0     | 163.000 | 100%                                     | 80%  | 1.956.000        | 2.073.000                          | 48.370.000   | 62.073.000   |   |

| STT | Họ và tên Chủ sử dụng đất                          | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                       |                        |                     |                     | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m2)                               |  |  |               |                       | Loại đất | Bồi thường đất: đ (Đất lúa: 70.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000đ/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 đ/m <sup>2</sup> ) | BÔI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT |                               |                |  |  |                  | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000đ/m2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: đ (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000đ/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từ thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |             |             |
|-----|--|-------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|---------------------|-------------------|---|--|--|---------------|-----------------------|----------|---|--|---|-------------------------------|----------------|--|--|------------------|------------------------------------|--|--|---|-------------|-------------|
|     |  |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m2) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi   |                     |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán thả | Loại tài sản trên đất |          |   |  | Đơn vị tính                                 | Số lượng                      | Đơn giá        | Tỷ lệ% của tài sản đúng hoặc vượt mật độ | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích | Thành tiền: đồng |                                    |  |  |   |             |             |
|     |  |                         |                        |              |                       |                        | Trong chỉ giới (m2) | Ngoài chỉ giới (m2) |                   |   |  |  |               |                       |          |   |  |   |                               |                |  |  |                  |                                    |  |  |   |             |             |
|     | Hoàng Thị Thiên (chồng là Ngô Văn Trung)           |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0        | Bạch đàn cao >3m; Đk góc <5cm   | cây                                    | 13,0  | 40.000                        | 100%           | 80%                                      | 416.000  | 0                | 0                                  | 416.000  |  |   |             |             |
| 27  | Lê Mạnh Cường                                      | Dầu                     | 26                     | 5            | 210,5                 | 210,5                  | 210,5               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 210,5                 | 0,0      | LUK   | 14.735.000                             | 0   | Lúa                           | m <sup>2</sup> | 210,5                                    | 9.000  | 100%             | 100%                               | 1.894.500  | 3.157.500  | 73.675.000  | 93.462.000  | 516.503.540 |
|     | Lê Mạnh Cường                                      | Dầu                     | 61                     | 5            | 193,8                 | 193,8                  | 193,8               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 193,8                 | 0,0      | LUK   | 13.566.000                             | 0   | Cây Bưởi ĐK gốc 14-18cm       | cây            | 2,0                                      | 1.355.000  | 100%             | 80%                                | 2.168.000  | 2.907.000  | 67.830.000  | 86.471.000  |             |
|     | Lê Mạnh Cường                                      |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0        | Cây Ôi ĐK gốc 11-13cm   | cây                                    | 7,0   | 659.000                       | 100%           | 80%                                      | 3.690.400  | 0                | 0                                  | 3.690.400  |  |   |             |             |
|     | Lê Mạnh Cường                                      | Dầu                     | 71                     | 5            | 220,9                 | 220,9                  | 220,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 220,9                 | 0,0      | LUK   | 15.463.000                             | 0   | Cây Bưởi ĐK gốc 14-18cm       | cây            | 3,0                                      | 1.355.000  | 100%             | 80%                                | 3.252.000  | 3.313.500  | 77.315.000  | 99.343.500  |             |
|     | Lê Mạnh Cường                                      | Dầu                     | 93                     | 5            | 153,4                 | 153,4                  | 153,4               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 153,4                 | 0,0      | LUK   | 10.738.000                             | 0   | Khoai lang                    | m <sup>2</sup> | 153,4                                    | 26.900   | 100%             | 100%                               | 4.126.460  | 2.301.000  | 53.690.000  | 70.855.460  |             |
|     | Lê Mạnh Cường                                      | Dầu                     | 221                    | 5            | 352,2                 | 352,2                  | 352,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 352,2                 | 0,0      | LUK   | 24.654.000                             | 0   | Khoai lang                    | m <sup>2</sup> | 352,2                                    | 26.900   | 100%             | 100%                               | 9.474.180  | 5.283.000  | 123.270.000   | 162.681.180 |             |
| 28  | Lê Văn Bắc   | Dầu                     | 97                     | 2            | 345,2                 | 345,2                  | 345,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 345,2                 | 0,0      | LUK   | 24.164.000                             | 0   | Lúa                           | m <sup>2</sup> | 345,2                                    | 9.000  | 100%             | 100%                               | 3.106.800  | 5.178.000  | 120.820.000   | 153.268.800 | 414.583.470 |
|     | Lê Văn Bắc   | Dầu                     | 60                     | 5            | 251,2                 | 251,2                  | 251,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 251,2                 | 0,0      | LUK   | 17.584.000                             | 0   | Cây Bưởi ĐK gốc 14-18cm       | cây            | 3,0                                      | 1.355.000  | 100%             | 80%                                | 3.252.000  | 3.768.000  | 87.920.000  | 112.524.000 |             |
|     | Lê Văn Bắc   |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0        | Ôi ĐK gốc 11-13cm   | cây                                    | 20,0  | 659.000                       | 100%           | 80%                                      | 10.544.000   | 0                | 0                                  | 10.544.000   |  |   |             |             |
|     | Lê Văn Bắc   | Dầu                     | 329                    | 5            | 299,3                 | 299,3                  | 299,3               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 299,3                 | 0,0      | LUK   | 20.951.000                             | 0   | Khoai lang                    | m <sup>2</sup> | 299,3                                    | 26.900   | 100%             | 100%                               | 8.051.170  | 4.489.500  | 104.755.000   | 138.246.670 |             |
| 29  | Ngô Hồng Sức (Ngô Thị Ngoi)                        | Dầu                     | 44                     | 1            | 141,3                 | 141,3                  | 141,3               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 141,3                 | 0,0      | LUK   | 9.891.000                              | 0   | Lúa                           | m <sup>2</sup> | 141,3                                    | 9.000  | 100%             | 100%                               | 1.271.700  | 2.119.500  | 49.455.000  | 62.737.200  | 200.998.800 |
|     | Ngô Hồng Sức (Ngô Thị Ngoi)                        | Dầu                     | 46                     | 1            | 311,4                 | 311,4                  | 311,4               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 311,4                 | 0,0      | LUK   | 21.798.000                             | 0   | Lúa                           | m <sup>2</sup> | 311,4                                    | 9.000  | 100%             | 100%                               | 2.802.600  | 4.671.000  | 108.990.000   | 138.261.600 |             |
| 30  | Ngô Thị Chín                                       | Dầu                     | 174                    | 5            | 342,0                 | 342,0                  | 342,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 342,0                 | 0,0      | LUK   | 23.940.000                             | 0   | Lúa                           | m <sup>2</sup> | 342,0                                    | 9.000  | 100%             | 100%                               | 3.078.000  | 5.130.000  | 119.700.000   | 151.848.000 | 205.261.200 |
|     | Ngô Thị Chín                                       | Dầu                     | 17                     | 1            | 120,3                 | 120,3                  | 120,3               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 120,3                 | 0,0      | LUK   | 8.421.000                              | 0   | Lúa                           | m <sup>2</sup> | 120,3                                    | 9.000  | 100%             | 100%                               | 1.082.700  | 1.804.500  | 42.105.000  | 53.413.200  |             |
|     | Ngô Thị Chín                                       | Dầu                     | 170                    | 4            | 447,1                 | 447,1                  | 447,1               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 447,1                 | 0,0      | LUK   | 31.297.000                             | 0   | Hoa lay on                    | m <sup>2</sup> | 447,1                                    | 61.800   | 100%             | 100%                               | 27.630.780   | 6.706.500  | 156.485.000   | 222.119.280 |             |
|     | Ngô Thị Chín                                       | Dầu                     | 105                    | 5            | 205,7                 | 205,7                  | 205,7               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 205,7                 | 0,0      | LUK   | 14.399.000                             | 0   | Ngô                           | m <sup>2</sup> | 205,7                                    | 9.000  | 100%             | 100%                               | 1.851.300  | 3.085.500  | 71.995.000  | 91.330.800  |             |
| 31  | Ngô Thị Liên                                       | Dầu                     | 127                    | 2            | 189,0                 | 189,0                  | 189,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 189,0                 | 0,0      | LUK   | 13.230.000                             | 0   | Lúa                           | m <sup>2</sup> | 189,0                                    | 9.000  | 100%             | 100%                               | 1.701.000  | 2.835.000  | 66.150.000  | 83.916.000  | 83.916.000  |
| 32  | Ngô Thị Nga (chồng là Giáp Văn Thái)               | Dầu                     | 259                    | 5            | 372,3                 | 372,3                  | 372,3               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 372,3                 | 0,0      | LUK   | 26.061.000                             | 0   | Lúa                           | m <sup>2</sup> | 372,3                                    | 9.000  | 100%             | 100%                               | 3.350.700  | 5.584.500  | 130.305.000   | 165.301.200 | 165.301.200 |
| 33  | Ngô Văn Bón  | Dầu                     | 65                     | 5            | 361,8                 | 361,8                  | 361,8               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 361,8                 | 0,0      | LUK   | 25.326.000                             | 0   | Hoa lay on                    | m <sup>2</sup> | 361,8                                    | 61.800   | 100%             | 100%                               | 22.359.240   | 5.427.000  | 126.630.000   | 179.742.240 | 179.742.240 |
| 34  | Ngô Văn Dung                                       | Dầu                     | 53                     | 2            | 166,7                 | 166,7                  | 166,7               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 166,7                 | 0,0      | LUK   | 11.669.000                             | 0   | Hoa lay on                    | m <sup>2</sup> | 166,7                                    | 61.800   | 100%             | 100%                               | 10.302.060   | 2.500.500  | 58.345.000  | 82.816.560  | 319.740.480 |
|     | Ngô Văn Dung                                       | Dầu                     | 54                     | 2            | 307,3                 | 307,3                  | 307,3               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 307,3                 | 0,0      | LUK   | 21.511.000                             | 0   | Hoa lay on                    | m <sup>2</sup> | 307,3                                    | 61.800   | 100%             | 100%                               | 18.991.140   | 4.609.500  | 107.555.000   | 152.666.640 |             |
|     | Ngô Văn Dung                                       | Dầu                     | 66                     | 2            | 169,6                 | 169,6                  | 169,6               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 169,6                 | 0,0      | LUK   | 11.872.000                             | 0   | Hoa lay on                    | m <sup>2</sup> | 169,6                                    | 61.800   | 100%             | 100%                               | 10.481.280   | 2.544.000  | 59.360.000  | 84.257.280  |             |
|     | Ngô Văn Dũng vợ là Tổng Thị Đà bố là Ngô Văn Ngồng | Dầu                     | 58                     | 2            | 709,2                 | 709,2                  | 709,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 709,2                 | 0,0      | LUK   | 49.644.000                             | 0   | Lúa                           | m <sup>2</sup> | 709,2                                    | 9.000  | 100%             | 100%                               | 6.382.800  | 10.638.000   | 248.220.000   | 314.884.800 |             |
|     | Ngô Văn Dũng vợ là Tổng Thị Đà bố là Ngô Văn Ngồng | Dầu                     | 194                    | 4            | 349,7                 | 349,7                  | 349,7               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 349,7                 | 0,0      | LUK   | 24.479.000                             | 0   | Lúa                           | m <sup>2</sup> | 349,7                                    | 9.000  | 100%             | 100%                               | 3.147.300  | 5.245.500  | 0   | 32.871.800  |             |
|     | Ngô Văn Dũng vợ là Tổng Thị Đà bố là Ngô Văn Ngồng | Dầu                     | 1                      | 1            | 215,8                 | 215,8                  | 215,8               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 215,8                 | 0,0      | LUK   | 15.106.000                             | 0   | Bạch đàn cao >3m; Đk góc <5cm | cây            | 43,0                                     | 40.000   | 100%             | 80%                                | 1.376.000  | 3.237.000  | 75.530.000  | 95.249.000  |             |
|     | Ngô Văn Dũng vợ là Tổng Thị Đà bố là Ngô Văn Ngồng |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0        | Vượt mật độ Từ 100% trở lên Bạch đàn cao >3m; ĐK góc <5cm                               | cây                                    | 57,0  | 40.000                        | 30%            | 80%                                      | 547.200  | 0                | 0                                  | 547.200  |  |   |             |             |
|     | Ngô Văn Dũng vợ là Tổng Thị Đà bố là Ngô Văn Ngồng | Dầu                     | 4                      | 1            | 211,9                 | 211,9                  | 211,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 211,9                 | 0,0      | LUK   | 14.833.000                             | 0   | Bạch đàn cao >3m; Đk góc <5cm | cây            | 42,0                                     | 40.000   | 100%             | 80%                                | 1.344.000  | 3.178.500  | 74.165.000  | 93.520.500  |             |
|     | Ngô Văn Dũng vợ là Tổng Thị Đà bố là Ngô Văn Ngồng |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0        | Vượt mật độ Từ 100% trở lên Bạch đàn cao >3m; ĐK góc <5cm                               | cây                                    | 58,0  | 40.000                        | 30%            | 80%                                      | 556.800  | 0                | 0                                  | 556.800  |  |   |             |             |
|     | Ngô Văn Dũng vợ là Tổng Thị Đà bố là Ngô Văn Ngồng | Dầu                     | 10                     | 1            | 156,2                 | 156,2                  | 156,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 156,2                 | 0,0      | LUK   | 10.934.000                             | 0   | Bạch đàn cao >3m; Đk góc <5cm | cây            | 32,0                                     | 40.000   | 100%             | 80%                                | 1.024.000  | 2.343.000  | 54.670.000  | 68.971.000  |             |
|     | Ngô Văn Dũng vợ là Tổng Thị Đà bố là Ngô Văn Ngồng | Dầu                     | 11                     | 1            | 54,3                  | 54,3                   | 54,3                | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 54,3                  | 0,0      | LUK   | 3.801.000                              | 0   | Lúa                           | m <sup>2</sup> | 54,3                                     | 9.000  | 100%             | 100%                               | 488.700  | 814.500  | 19.005.000  | 24.109.200  |             |
|     | Ngô Văn Dũng vợ là Tổng Thị Đà bố là Ngô Văn Ngồng | Dầu                     | 13                     | 1            | 1.082,1               | 1.082,1                | 1.082,1             | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |               | 1.082,1               | 0,0      | LUK   | 75.747.000                             | 0   | Lúa                           | m <sup>2</sup> | 1.082,1                                  | 9.000  | 100%             | 100%                               | 9.738.900  | 16.231.500   | 378.735.000   | 480.452.400 |             |

| STT  | Họ và tên Chủ sử dụng đất                          | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                       |                        |                     |                     | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m2)                               |  |  |               |                       | Loại đất  | Bồi thường đất: d (Đất lúa: 70.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000đ/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 đ/m <sup>2</sup> ) | BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT |          |         |  |  |                  | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000đ/m2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: d (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000đ/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từ thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |
|--|--|-------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|---------------------|-------------------|---|--|--|---------------|-----------------------|---|---|--|---|----------|---------|--|--|------------------|------------------------------------|--|--|---|
|  |  |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m2) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi   |                     |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán thả | Loại tài sản trên đất |   |   |  | Đơn vị tính                                 | Số lượng | Đơn giá | Tỷ lệ% của tài sản đúng hoặc vượt mặt độ | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích | Thành tiền: đồng |                                    |  |  |   |
|  |  |                         |                        |              |                       |                        | Trong chỉ giới (m2) | Ngoài chỉ giới (m2) |                   |   |  |  |               |                       |   |   |  |   |          |         |  |  |                  |                                    |  |  |   |
| 35   | Ngô Văn Dũng vợ là Tổng Thị Đã bỏ là Ngô Văn Ngông | Dầu                     | 93                     | 4            | 314,8                 | 314,8                  | 314,8               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 314,8  | 0,0           | LUK                   | 22.036.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 314,8    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 2.833.200        | 4.722.000                          | 110.180.000  | 139.771.200  | 2.385.677.580   |
|  | Ngô Văn Dũng vợ là Tổng Thị Đã bỏ là Ngô Văn Ngông | Dầu                     | 173                    | 4            | 256,8                 | 256,8                  | 256,8               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 256,8  | 0,0           | LUK                   | 17.976.000  | 0   | Vỏ ĐK góc 3cm-5cm                      | cây   | 1,0      | 75.000  | 100%                                     | 80%  | 60.000           | 3.852.000                          | 89.880.000   | 111.768.000  |   |
|  | Ngô Văn Dũng vợ là Tổng Thị Đã bỏ là Ngô Văn Ngông |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0   | Cây Keo ĐK 13-<20cm   | cây                                    | 6,0   | 163.000  | 100%    | 80%                                      | 782.400  | 0                | 0                                  | 782.400  |  |   |
|  | Ngô Văn Dũng vợ là Tổng Thị Đã bỏ là Ngô Văn Ngông |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0   | Tre già ĐK<7cm  | cây                                    | 80,0  | 32.000   | 100%    | 80%                                      | 2.048.000  | 0                | 0                                  | 2.048.000  |  |   |
|  | Ngô Văn Dũng vợ là Tổng Thị Đã bỏ là Ngô Văn Ngông |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0   | Tre non ĐK<7cm  | cây                                    | 40,0  | 19.000   | 100%    | 80%                                      | 608.000  | 0                | 0                                  | 608.000  |  |   |
|  | Ngô Văn Dũng vợ là Tổng Thị Đã bỏ là Ngô Văn Ngông | Dầu                     | 151                    | 5            | 1.216,5               | 1.216,5                | 1.216,5             | 0,0                 | 0,0               |   |  | 1.216,5  | 0,0           | LUK                   | 85.155.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 1.216,5  | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 10.948.500       | 18.247.500                         | 425.775.000  | 540.126.000  |   |
|  | Ngô Văn Dũng vợ là Tổng Thị Đã bỏ là Ngô Văn Ngông | Dầu                     | 286                    | 5            | 168,5                 | 168,5                  | 162,6               | 5,9                 | 0,0               |   |  | 168,5  | 0,0           | LUK                   | 11.795.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 168,5    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.516.500        | 2.527.500                          | 58.975.000   | 74.814.000   |   |
|  | Ngô Văn Dũng vợ là Tổng Thị Đã bỏ là Ngô Văn Ngông | Dầu                     | 289                    | 5            | 182,3                 | 182,3                  | 148,6               | 33,7                | 0,0               |   |  | 182,3  | 0,0           | LUK                   | 12.761.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 182,3    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.640.700        | 2.734.500                          | 63.805.000   | 80.941.200   |   |
|  | Ngô Văn Dũng vợ là Tổng Thị Đã bỏ là Ngô Văn Ngông | Dầu                     | 412                    | 4            | 401,0                 | 401,0                  | 401,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 401,0  | 0,0           | LUK                   | 28.070.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 401,0    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 3.609.000        | 6.015.000                          | 140.350.000  | 178.044.000  |   |
| Ngô Văn Dũng vợ là Tổng Thị Đã bỏ là Ngô Văn Ngông | Dầu  | 82                      | 5                      | 293,1        | 293,1                 | 293,1                  | 0,0                 | 0,0                 |                   |   | 293,1  | 0,0  | LUK           | 20.517.000            | 0   | Hoa lay on  | m <sup>2</sup>                         | 293,1                                       | 61.800   | 100%    | 100%                                     | 18.113.580   | 4.396.500        | 102.585.000                        | 145.612.080  |  |   |
| 36   | Ngô Văn Hậu  | Dầu                     | 36                     | 2            | 453,6                 | 453,6                  | 453,6               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 453,6  | 0,0           | LUK                   | 31.752.000  | 0   | Bạch đàn ĐK góc từ trên 13-<20cm       | cây   | 9,0      | 163.000 | 100%                                     | 80%  | 1.173.600        | 6.804.000                          | 158.760.000  | 198.489.600  | 204.672.000   |
|  | Ngô Văn Hậu  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  | 0             | 0                     | Bạch đàn ĐK góc 5-10cm                                    | cây   | 40,0                                   | 118.000                                     | 100%     | 80%     | 3.776.000                                | 0  | 0                | 3.776.000                          |  |  |   |
|  | Ngô Văn Hậu  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  | 0             | 0                     | Bạch đàn cao >3m; Đk góc <5cm                             | cây   | 41,0                                   | 40.000                                      | 100%     | 80%     | 1.312.000                                | 0  | 0                | 1.312.000                          |  |  |   |
|  | Ngô Văn Hậu  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  | 0             | 0                     | Vượt mặt độ từ 100% trở lên Bạch đàn cao >3m; ĐK góc <5cm | cây   | 114,0                                  | 40.000                                      | 30%      | 80%     | 1.094.400                                | 0  | 0                | 1.094.400                          |  |  |   |
| 37   | Ngô Văn Khoa vợ là Giáp Thị Thỉnh                  | Dầu                     | 35                     | 2            | 475,2                 | 475,2                  | 475,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 475,2  | 0,0           | LUK                   | 33.264.000  | 0   | Bạch đàn ĐK góc từ trên 13-<20cm       | cây   | 15,0     | 163.000 | 100%                                     | 80%  | 1.956.000        | 7.128.000                          | 166.320.000  | 208.668.000  | 2.150.639.330   |
|  | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  | 0             | 0                     | Bạch đàn ĐK góc 5-10cm                                    | cây   | 33,0                                   | 118.000                                     | 100%     | 80%     | 3.115.200                                | 0  | 0                | 3.115.200                          |  |  |   |
|  | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  | 0             | 0                     | Bạch đàn cao >3m; Đk góc <5cm                             | cây   | 47,0                                   | 40.000                                      | 100%     | 80%     | 1.504.000                                | 0  | 0                | 1.504.000                          |  |  |   |
|  | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  | 0             | 0                     | Vượt mặt độ từ 100% trở lên Bạch đàn cao >3m; ĐK góc <5cm | cây   | 191                                    | 40.000                                      | 30%      | 80%     | 1.833.600                                | 0  | 0                | 1.833.600                          |  |  |   |
|  | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh  | Dầu                     | 57                     | 2            | 559,9                 | 559,9                  | 559,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 559,9  | 0,0           | LUK                   | 39.193.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 559,9    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 5.039.100        | 8.398.500                          | 195.965.000  | 248.595.600  |   |
|  | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh  | Dầu                     | 16                     | 4            | 436,2                 | 436,2                  | 436,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 436,2  | 0,0           | LUK                   | 30.534.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 436,2    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 3.925.800        | 6.543.000                          | 152.670.000  | 193.672.800  |   |
|  | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh  | Dầu                     | 28                     | 4            | 203,5                 | 203,5                  | 203,5               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 203,5  | 0,0           | LUK                   | 14.245.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 203,5    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.831.500        | 3.052.500                          | 71.225.000   | 90.354.000   |   |
|  | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh  | Dầu                     | 63                     | 4            | 203,9                 | 203,9                  | 203,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 203,9  | 0,0           | LUK                   | 14.273.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 203,9    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.835.100        | 3.058.500                          | 71.365.000   | 90.531.600   |   |
|  | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh  | Dầu                     | 16                     | 5            | 107,6                 | 107,6                  | 107,6               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 107,6  | 0,0           | LUK                   | 7.532.000   | 0   | Bạch đàn ĐK góc từ trên 13-<20cm       | cây   | 22,0     | 163.000 | 100%                                     | 80%  | 2.868.800        | 1.614.000                          | 37.660.000   | 49.674.800   |   |
|  | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Bạch đàn ĐK góc 13-20cm   | cây                                    | 5,0   | 163.000  | 50%     | 80%                                      | 326.000  | 0                | 0                                  | 326.000  |  |   |
|  | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Bạch đàn cao >3m; ĐK góc <5cm                                     | cây                                    | 6,0   | 40.000   | 50%     | 80%                                      | 96.000   | 0                | 0                                  | 96.000   |  |   |
|  | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh  | Dầu                     | 33                     | 5            | 55,1                  | 55,1                   | 55,1                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 55,1   | 0,0           | LUK                   | 3.857.000   | 0   | Bạch đàn ĐK góc từ trên 13-<20cm       | cây   | 9,0      | 163.000 | 100%                                     | 80%  | 1.173.600        | 826.500                            | 19.285.000   | 25.142.100   |   |
|  | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0   | Bạch đàn cao >3m; Đk góc <5cm   | cây                                    | 2,0   | 40.000   | 100%    | 80%                                      | 64.000   | 0                | 0                                  | 64.000   |  |   |
|  | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh  | Dầu                     | 5                      | 2            | 220,2                 | 220,2                  | 220,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 220,2  | 0,0           | LUK                   | 15.414.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 220,2    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.981.800        | 3.303.000                          | 77.070.000   | 97.768.800   |   |
| Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh  | Dầu  | 7                       | 2                      | 127,7        | 127,7                 | 127,7                  | 0,0                 | 0,0                 |                   |   | 127,7  | 0,0  | LUK           | 8.939.000             | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                         | 127,7                                       | 9.000    | 100%    | 100%                                     | 1.149.300  | 1.915.500        | 44.695.000                         | 56.698.800   |  |   |
| Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh  | Dầu  | 11                      | 2                      | 233,2        | 233,2                 | 233,2                  | 0,0                 | 0,0                 |                   |   | 233,2  | 0,0  | LUK           | 16.324.000            | 0   | Khoai tây   | m <sup>2</sup>                         | 233,2                                       | 26.900   | 100%    | 100%                                     | 6.273.080  | 3.498.000        | 81.620.000                         | 107.715.080  |  |   |
| Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh  | Dầu  | 21                      | 2                      | 175,4        | 175,4                 | 175,4                  | 0,0                 | 0,0                 |                   |   | 175,4  | 0,0  | LUK           | 12.278.000            | 0   | Khoai tây   | m <sup>2</sup>                         | 175,4                                       | 26.900   | 100%    | 100%                                     | 4.718.260  | 2.631.000        | 61.390.000                         | 81.017.260   |  |   |
| Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh  | Dầu  | 23                      | 1                      | 840,8        | 840,8                 | 840,8                  | 0,0                 | 0,0                 |                   |   | 840,8  | 0,0  | LUK           | 58.856.000            | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                         | 840,8                                       | 9.000    | 100%    | 100%                                     | 7.567.200  | 12.612.000       | 294.280.000                        | 373.315.200  |  |   |

| STT           | Họ và tên Chủ sử dụng đất                         | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                       |                        |                     |                     | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m2)                               |  |  |                |             | Loại đất                                     | Bồi thường đất: đ (Đất lúa: 70.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000đ/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 đ/m <sup>2</sup> ) | BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT |           |  |  |                  |            | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000đ/m2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: đ (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000đ/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từ thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |
|---------------|---|-------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|---------------------|-------------------|---|--|--|----------------|-------------|--|---|--|---|-----------|--|--|------------------|------------|------------------------------------|--|--|---|
|               |   |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m2) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi   |                     |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán thầu | Đơn vị tính |  |   |  | số lượng                                    | Đơn giá   | Tỷ lệ% của tài sản đúng hoặc vượt mặt độ | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích | Thành tiền: đồng |            |                                    |  |  |   |
|               |   |                         |                        |              |                       |                        | Trong chỉ giới (m2) | Ngoài chỉ giới (m2) |                   |   |  |  |                |             |  |   |  |   |           |  |  |                  |            |                                    |  |  |   |
|               | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh | Dầu                     | 25                     | 1            | 35,8                  | 35,8                   | 35,8                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 35,8   | 0,0            | LUK         | 2.506.000                                    | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 35,8      | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 322.200    | 537.000                            | 12.530.000   | 15.895.200   |   |
|               | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh | Dầu                     | 130                    | 2            | 270,7                 | 270,7                  | 270,7               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 270,7  | 0,0            | LUK         | 18.949.000                                   | 0   | Khoai lang                             | m <sup>2</sup>                              | 270,7     | 26.900                                   | 100%   | 100%             | 7.281.830  | 4.060.500                          | 94.745.000   | 125.036.330  |   |
|               | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh | Dầu                     | 106                    | 5            | 273,2                 | 273,2                  | 273,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 273,2  | 0,0            | LUK         | 19.124.000                                   | 0   | Hoa lay ơn                             | m <sup>2</sup>                              | 273,2     | 61.800                                   | 100%   | 100%             | 16.883.760 | 4.098.000                          | 95.620.000   | 135.725.760  |   |
| 38            | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh | Dầu                     | 21                     | 1            | 58,0                  | 58,0                   | 58,0                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 58,0   | 0,0            | LUK         | 4.060.000                                    | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 58,0      | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 522.000    | 870.000                            | 20.300.000   | 25.752.000   |   |
|               | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh | Dầu                     | 13                     | 2            | 191,2                 | 191,2                  | 191,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 191,2  | 0,0            | LUK         | 13.384.000                                   | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 191,2     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.720.800  | 2.868.000                          | 66.920.000   | 84.892.800   |   |
|               | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh | Dầu                     | 172                    | 4            | 169,9                 | 169,9                  | 169,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 169,9  | 0,0            | LUK         | 11.893.000                                   | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 169,9     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.529.100  | 2.548.500                          | 59.465.000   | 75.435.600   |   |
|               | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh | Dầu                     | 24                     | 1            | 68,6                  | 68,6                   | 68,6                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 68,6   | 0,0            | LUK         | 4.802.000                                    | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 68,6      | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 617.400    | 1.029.000                          | 24.010.000   | 30.458.400   |   |
|               | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh | Dầu                     | 23                     | 5            | 61,6                  | 61,6                   | 61,6                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 61,6   | 0,0            | LUK         | 4.312.000                                    | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 61,6      | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 554.400    | 924.000                            | 21.560.000   | 27.350.400   |   |
| 39            | Ngô Văn Nghĩa                                     | Dầu                     | 144                    | 5            | 81,9                  | 81,9                   | 81,9                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 81,9   | 0,0            | LUK         | 5.733.000                                    | 0   | khoai tây                              | m <sup>2</sup>                              | 81,9      | 26.900                                   | 100%   | 100%             | 2.203.110  | 1.228.500                          | 28.665.000   | 37.829.610   | 621.180.720   |
|               | Ngô Văn Nghĩa                                     | Dầu                     | 147                    | 5            | 60,8                  | 60,8                   | 60,8                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 60,8   | 0,0            | LUK         | 4.256.000                                    | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 60,8      | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 547.200    | 912.000                            | 21.280.000   | 26.995.200   |   |
|               | Ngô Văn Nghĩa                                     | Dầu                     | 161                    | 5            | 80,4                  | 80,4                   | 80,4                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 80,4   | 0,0            | LUK         | 5.628.000                                    | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 80,4      | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 723.600    | 1.206.000                          | 28.140.000   | 35.697.600   |   |
|               | Ngô Văn Nghĩa                                     | Dầu                     | 194                    | 5            | 326,8                 | 326,8                  | 326,8               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 326,8  | 0,0            | LUK         | 22.876.000                                   | 0   | Hoa lay ơn                             | m <sup>2</sup>                              | 326,8     | 61.800                                   | 100%   | 100%             | 20.196.240 | 4.902.000                          | 114.380.000  | 162.354.240  |   |
|               | Ngô Văn Nghĩa                                     | Dầu                     | 272                    | 5            | 178,9                 | 178,9                  | 178,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 178,9  | 0,0            | LUK         | 12.523.000                                   | 0   | Su hào                                 | m <sup>2</sup>                              | 178,9     | 66.100                                   | 100%   | 100%             | 11.825.290 | 2.683.500                          | 62.615.000   | 89.646.790   |   |
|               | Ngô Văn Nghĩa                                     | Dầu                     | 131                    | 5            | 204,2                 | 204,2                  | 204,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 204,2  | 0,0            | LUK         | 14.294.000                                   | 0   | Bạch đàn ĐK gốc 13-20cm                | cây   | 41,0      | 163.000                                  | 100%   | 80%              | 5.346.400  | 3.063.000                          | 71.470.000   | 94.173.400   |   |
|               | Ngô Văn Nghĩa                                     |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0           | 0  | Vượt mặt độ từ 100% trở lên Bạch đàn ĐK gốc 13-20cm                                     | cây                                    | 41,0  | 163.000   | 30%                                      | 80%  | 1.603.920        | 0          | 0                                  | 1.603.920  |  |   |
|               | Ngô Văn Nghĩa                                     |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0           | 0  | Vượt mặt độ từ 100% trở lên Bạch đàn ĐK gốc 13-20cm                                     | cây                                    | 8,0   | 163.000   | 30%                                      | 80%  | 312.960          | 0          | 0                                  | 312.960  |  |   |
|               | Ngô Văn Nghĩa                                     |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0           | 0  | Vượt mặt độ từ 100% trở lên Bạch đàn ĐK gốc từ trên 10-13cm                             | cây                                    | 41,0  | 123.000   | 30%                                      | 80%  | 1.210.320        | 0          | 0                                  | 1.210.320  |  |   |
|               | Ngô Văn Nghĩa                                     | Dầu                     | 37                     | 2            | 308,1                 | 308,1                  | 308,1               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 308,1  | 0,0            | LUK         | 21.567.000                                   | 0   | Hoa lay ơn                             | m <sup>2</sup>                              | 308,1     | 61.800                                   | 100%   | 100%             | 19.040.580 | 4.621.500                          | 107.835.000  | 153.064.080  |   |
|               | Ngô Văn Nghĩa                                     | Dầu                     | 173                    | 5            | 39,4                  | 39,4                   | 39,4                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 39,4   | 0,0            | LUK         | 2.758.000                                    | 0   | Bạch đàn ĐK gốc từ trên 10-13cm        | cây   | 8,0       | 123.000                                  | 100%   | 80%              | 787.200    | 591.000                            | 13.790.000   | 17.926.200   |   |
|               | Ngô Văn Nghĩa                                     |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0           | 0  | Vượt mặt độ dưới 100% Bạch đàn ĐK gốc 13-20cm   | cây                                    | 2,0   | 163.000   | 50%                                      | 80%  | 130.400          | 0          | 0                                  | 130.400  |  |   |
| Ngô Văn Nghĩa |   |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  | 0              | 0           | Vượt mặt độ dưới 100% Bạch đàn ĐK gốc 5-10cm | cây   | 5,0                                    | 118.000                                     | 50%       | 80%                                      | 236.000  | 0                | 0          | 236.000                            |  |  |   |
| 40            | Ngô Văn Sự  | Dầu                     | 3                      | 2            | 248,4                 | 248,4                  | 248,4               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 248,4  | 0,0            | LUK         | 17.388.000                                   | 0   | Táo ĐK gốc 17-20m                      | cây   | 1,0       | 2.245.000                                | 100%   | 80%              | 1.796.000  | 3.726.000                          | 86.940.000   | 109.850.000  | 1.135.400.810   |
|               | Ngô Văn Sự  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0           | 0  | Nhân ĐK gốc 30-35cm   | cây                                    | 6,0   | 2.750.000 | 100%                                     | 80%  | 13.200.000       | 0          | 0                                  | 13.200.000   |  |   |
|               | Ngô Văn Sự  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0           | 0  | Nhân ĐK gốc 25-30cm   | cây                                    | 4,0   | 2.370.000 | 100%                                     | 80%  | 7.584.000        | 0          | 0                                  | 7.584.000  |  |   |
|               | Ngô Văn Sự  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0           | 0  | Vượt mặt độ từ 100% đến dưới 200% Nhân ĐK gốc 10-15cm                                   | cây                                    | 17,0  | 930.000   | 90%                                      | 80%  | 11.383.200       | 0          | 0                                  | 11.383.200   |  |   |
|               | Ngô Văn Sự  | Dầu                     | 28                     | 2            | 120,9                 | 120,9                  | 120,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 120,9  | 0,0            | LUK         | 8.463.000                                    | 0   | Khoai tây                              | m <sup>2</sup>                              | 120,9     | 26.900                                   | 100%   | 100%             | 3.252.210  | 1.813.500                          | 42.315.000   | 55.843.710   |   |
|               | Ngô Văn Sự  | Dầu                     | 197                    | 4            | 458,9                 | 458,9                  | 458,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 458,9  | 0,0            | LUK         | 32.123.000                                   | 0   | Hoa lay ơn                             | m <sup>2</sup>                              | 458,9     | 61.800                                   | 100%   | 100%             | 28.360.020 | 6.883.500                          | 160.615.000  | 227.981.520  |   |
|               | Ngô Văn Sự  | Dầu                     | 476                    | 4            | 366,9                 | 366,9                  | 366,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 366,9  | 0,0            | LUK         | 25.683.000                                   | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 366,9     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 3.302.100  | 5.503.500                          | 128.415.000  | 162.903.600  |   |
|               | Ngô Văn Sự  | Dầu                     | 4                      | 5            | 150,2                 | 150,2                  | 150,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 78,2   | 72,0           | LUK         | 5.474.000                                    | 5.040.000   | Táo Đk > 20cm                          | Cây   | 4,0       | 2.565.000                                | 100%   | 80%              | 8.208.000  | 1.173.000                          | 27.370.000   | 47.265.000   |   |
|               | Ngô Văn Sự  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0           | 0  | Vượt mặt độ dưới 100% Táo Đk > 20cm   | Cây                                    | 5,0   | 2.565.000 | 100%                                     | 50%  | 6.412.500        | 0          | 0                                  | 6.412.500  |  |   |
|               | Ngô Văn Sự  | Dầu                     | 8                      | 5            | 152,4                 | 152,4                  | 152,4               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 152,4  | 0,0            | LUK         | 10.668.000                                   | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 152,4     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.371.600  | 2.286.000                          | 53.340.000   | 67.665.600   |   |
|               | Ngô Văn Sự  | Dầu                     | 9                      | 5            | 150,4                 | 150,4                  | 150,4               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 150,4  | 0,0            | LUK         | 10.528.000                                   | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 150,4     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.353.600  | 2.256.000                          | 52.640.000   | 66.777.600   |   |

| STT               | Họ và tên Chủ sử dụng đất                                    | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                       |                        |                     |                     | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m2)                               |  |  |                |                       | Loại đất   | Bồi thường đất: d (Đất lúa: 70.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000đ/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 đ/m <sup>2</sup> )               | BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT         |                |         |  |  |                  |            | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000đ/m2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: d (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000đ/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từ thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |
|-------------------|--|-------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|---------------------|-------------------|---|--|--|----------------|-----------------------|------------|---|--|---|----------------|---------|--|--|------------------|------------|------------------------------------|--|--|---|
|                   |  |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m2) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi   |                     |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán trâu |                       |            |   |  |   |                |         |  |  |                  |            |                                    |  |  |   |
|                   |  |                         |                        |              |                       |                        | Trong chỉ giới (m2) | Ngoài chỉ giới (m2) |                   |   |  |  |                | Loại tài sản trên đất |            |   |  | Đơn vị tính   | số lượng       | Đơn giá | Tỷ lệ% của tài sản đúng hoặc vượt mặt độ | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích | Thành tiền: đồng |            |                                    |  |  |   |
|                   | Ngô Văn Sự   | Dầu                     | 212                    | 5            | 305,2                 | 305,2                  | 305,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 305,2          | 0,0                   | LUK        | 21.364.000  | 0  | Cây Sưa ĐK gốc 5-10cm                               | cây            | 61,0    | 300.000                                  | 100%   | 80%              | 14.640.000 | 4.578.000                          | 106.820.000  | 147.402.000  |   |
|                   | Ngô Văn Sự   |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       |            | 0   | 0  | Vượt mặt độ từ 100% trở lên Cây Sưa ĐK gốc 5-10cm   | cây            | 147,0   | 300.000                                  | 30%  | 80%              | 10.584.000 | 0                                  | 0  | 10.584.000   |   |
|                   | Ngô Văn Sự   |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       |            | 0   | 0  | Vượt mặt độ từ 100% trở lên Bạch đàn ĐK gốc 13-20cm | cây            | 39,0    | 163.000                                  | 30%  | 80%              | 1.525.680  | 0                                  | 0  | 1.525.680  |   |
|                   | Ngô Văn Sự   | Dầu                     | 213                    | 5            | 170,2                 | 170,2                  | 170,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 170,2          | 0,0                   | LUK        | 11.914.000  | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 170,2   | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.531.800  | 2.553.000                          | 59.570.000   | 75.568.800   |   |
|                   | Ngô Văn Sự   | Dầu                     | 232                    | 5            | 214,0                 | 214,0                  | 214,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 214,0          | 0,0                   | LUK        | 14.980.000  | 0  | Hoa lay on  | m <sup>2</sup> | 214,0   | 61.800                                   | 100%   | 100%             | 13.225.200 | 3.210.000                          | 74.900.000   | 106.315.200  |   |
|                   | Ngô Văn Sự   | Dầu                     | 275                    | 5            | 38,6                  | 38,6                   | 16,4                | 22,2                | 0,0               |   |  |  | 38,6           | 0,0                   | LUK        | 2.702.000   | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 38,6    | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 347.400    | 579.000                            | 13.510.000   | 17.138.400   |   |
| 41                | Ngô Văn Vui  | Dầu                     | 262                    | 5            | 101,0                 | 101,0                  | 101,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 101,0          | 0,0                   | LUK        | 7.070.000   | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 101,0   | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 909.000    | 1.515.000                          | 35.350.000   | 44.844.000   |   |
|                   | Ngô Văn Vui  | Dầu                     | 233                    | 5            | 381,6                 | 381,6                  | 381,6               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 381,6          | 0,0                   | LUK        | 26.712.000  | 0  | Hoa lay on  | m <sup>2</sup> | 381,6   | 61.800                                   | 100%   | 100%             | 23.582.880 | 5.724.000                          | 133.560.000  | 189.578.880  |   |
|                   | Ngô Văn Vui  | Dầu                     | 51                     | 2            | 327,6                 | 327,6                  | 327,6               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 327,6          | 0,0                   | LUK        | 22.932.000  | 0  | Hoa lay on  | m <sup>2</sup> | 327,6   | 61.800                                   | 100%   | 100%             | 20.245.680 | 4.914.000                          | 114.660.000  | 162.751.680  |   |
|                   | Ngô Văn Vui  | Dầu                     | 10                     | 4            | 267,7                 | 267,7                  | 267,7               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 99,7           | 168,0                 | LUK        | 6.979.000   | 11.760.000   | Ôi Đk gốc 8-11cm                                    | cây            | 11,0    | 508.000                                  | 100%   | 80%              | 4.470.400  | 1.495.500                          | 34.895.000   | 59.599.900   |   |
|                   | Ngô Văn Vui  | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       |            | 0   | 0  | Táo ĐK gốc >20cm                                    | cây            | 4,0     | 2.565.000                                | 100%   | 50%              | 5.130.000  | 0                                  | 0  | 5.130.000  |   |
|                   | Ngô Văn Vui  | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       |            | 0   | 0  | Vượt mặt độ dưới 100% Táo ĐK gốc >20cm              | cây            | 7,0     | 2.565.000                                | 100%   | 50%              | 8.977.500  | 0                                  | 0  | 8.977.500  |   |
|                   | Ngô Văn Vui  | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       |            | 0   | 0  | Vượt mặt độ dưới 100% Mít ĐK gốc 5-10cm             | cây            | 2,0     | 285.000                                  | 100%   | 50%              | 285.000    | 0                                  | 0  | 285.000  |   |
|                   | Ngô Văn Vui  | Dầu                     | 25                     | 5            | 265,7                 | 265,7                  | 265,7               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 265,7          | 0,0                   | LUK        | 18.599.000  | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 265,7   | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 2.391.300  | 3.985.500                          | 92.995.000   | 117.970.800  |   |
|                   | Ngô Văn Vui  | Dầu                     | 67                     | 5            | 367,1                 | 367,1                  | 367,1               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 367,1          | 0,0                   | LUK        | 25.697.000  | 0  | Khoai lang  | m <sup>2</sup> | 367,1   | 26.900                                   | 100%   | 100%             | 9.874.990  | 5.506.500                          | 128.485.000  | 169.563.490  |   |
|                   | Ngô Văn Vui  | Dầu                     | 230                    | 5            | 153,5                 | 153,5                  | 153,5               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 153,5          | 0,0                   | LUK        | 10.745.000  | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 153,5   | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.381.500  | 2.302.500                          | 53.725.000   | 68.154.000   |   |
|                   | Ngô Văn Vui  | Dầu                     | 288                    | 5            | 247,8                 | 95,4                   | 95,4                | 0,0                 | 152,4             |   |  |  | 95,4           | 0,0                   | LUK        | 6.678.000   | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 95,4    | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 858.600    | 1.431.000                          | 33.390.000   | 42.357.600   |   |
| 42                | Ngô Xuân Hình bố là Ngô Văn Sáu (vợ ông Sáu là Đoàn Thị The) |                         |                        |              | 214,4                 | 214,4                  | 0,0                 | 0,0                 |                   |   |  | 214,4  | 0,0            | LUK                   | 15.008.000 | 0   | Mít ĐK gốc 10-15cm                                   | cây   | 9,0            | 440.000 | 100%                                     | 80%  | 3.168.000        | 3.216.000  | 75.040.000                         | 96.432.000   | 96.432.000   |   |
| 43                | Ngô Thị Chín   |                         | 100                    | 5            | 823,4                 | 244,0                  | 244,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 244,0          | 0,0                   | LUK        | 17.080.000  | 0  | Mít ĐK gốc 10-15cm                                  | cây            | 9,0     | 440.000                                  | 100%   | 80%              | 3.168.000  | 3.660.000                          | 85.400.000   | 109.308.000  | 109.308.000   |
| 44                | Nguyễn Văn Thương  |                         |                        |              | 365,0                 | 365,0                  | 0,0                 | 0,0                 |                   |   |  | 365,0  | 0,0            | LUK                   | 25.550.000 | 0   | Mít ĐK gốc 10-15cm                                   | cây   | 15,0           | 440.000 | 100%                                     | 80%  | 5.280.000        | 5.475.000  | 127.750.000                        | 164.055.000  | 476.557.380  |   |
|                   | Nguyễn Văn Thương  | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ từ 100% đến dưới 200% Mít ĐK gốc 10-15cm | cây   | 10,0           | 440.000 | 90%                                      | 80%  | 3.168.000        | 0          | 0                                  | 3.168.000  |  |   |
|                   | Nguyễn Văn Thương  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ từ 100% đến dưới 200% Ôi ĐK gốc 8-11cm   | cây   | 12,0           | 508.000 | 90%                                      | 80%  | 4.389.120        | 0          | 0                                  | 4.389.120  |  |   |
|                   | Nguyễn Văn Thương  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ từ 100% đến dưới 200% Ôi ĐK gốc 8-11cm   | cây   | 34,0           | 508.000 | 90%                                      | 80%  | 12.435.840       | 0          | 0                                  | 12.435.840   |  |   |
|                   | Nguyễn Văn Thương  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ từ 100% đến dưới 200% Chuối đã có quả    | khóm  | 3,0            | 132.500 | 90%                                      | 80%  | 286.200          | 0          | 0                                  | 286.200  |  |   |
|                   | Nguyễn Văn Thương  | Dầu                     | 41                     | 5            | 181,9                 | 181,9                  | 181,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 181,9          | 0,0                   | LUK        | 12.733.000  | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 181,9   | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.637.100  | 2.728.500                          | 63.665.000   |  | 80.763.600  |
| Nguyễn Văn Thương | Dầu  | 121                     | 5                      | 458,3        | 458,3                 | 458,3                  | 0,0                 | 0,0                 |                   |   |  | 458,3  | 0,0            | LUK                   | 32.081.000 | 0   | Cò voi   | m <sup>2</sup>                                      | 458,3          | 26.400  | 100%                                     | 100%   | 12.099.120       | 6.874.500  | 160.405.000                        | 211.459.620  |  |   |
| 45                | Nguyễn Thị Bé chồng là Lê Văn Minh                           | Dầu                     |                        |              | 54,6                  | 54,6                   | 0,0                 | 0,0                 |                   |   |  | 54,6   | 0,0            | LUK                   | 3.822.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                                      | 54,6           | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 491.400          | 819.000    | 19.110.000                         | 24.242.400   | 24.242.400   |   |
| 46                | Ngô Xuân Hình bố là Ngô Văn Sáu (vợ ông Sáu là Đoàn Thị The) | Dầu                     | 24                     | 5            | 220,7                 | 134,8                  | 134,8               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 134,8          |                       | LUK        | 9.436.000   | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 134,8   | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.213.200  | 2.022.000                          | 47.180.000   | 59.851.200   | 59.851.200  |
| 47                | Giáp Ngọc Thâm   |                         |                        |              | 31,3                  | 31,3                   | 0,0                 | 0,0                 |                   |   |  | 31,3   |                | LUK                   | 2.191.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                                      | 31,3           | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 281.700          | 469.500    | 10.955.000                         | 13.897.200   | 132.090.000  |   |
|                   | Giáp Ngọc Thâm   | Dầu                     | 40                     | 5            | 266,2                 | 266,2                  | 266,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 266,2          | 0,0                   | LUK        | 18.634.000  | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 266,2   | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 2.395.800  | 3.993.000                          | 93.170.000   |  | 118.192.800   |
|                   | Giáp Ngọc Thâm   | Dầu                     | 327                    | 5            | 96,3                  | 96,3                   | 96,3                | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 96,3           | 0,0                   | LUK        | 6.741.000   | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 96,3    | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 866.700    | 1.444.500                          | 33.705.000   |  | 42.757.200  |
|                   | Giáp Ngọc Thâm   | Dầu                     | 132                    | 2            | 358,0                 | 358,0                  | 358,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 358,0          | 0,0                   | LUK        | 25.060.000  | 0  | Hoa lay on  | m <sup>2</sup> | 358,0   | 61.800                                   | 100%   | 100%             | 22.124.400 | 5.370.000                          | 125.300.000  |  | 177.854.400   |

| STT                                    | Họ và tên Chủ sử dụng đất           | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                       |                        |                     |                     | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m2)                               |  |  |               |                       | Loại đất                            | Bồi thường đất: d (Đất lúa: 70.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000đ/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 đ/m <sup>2</sup> ) | BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT |           |           |  |  |                  | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000đ/m2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: d (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000đ/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từ thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |           |
|--|-------------------------------------|-------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|---------------------|-------------------|---|--|--|---------------|-----------------------|-------------------------------------|---|--|---|-----------|-----------|--|--|------------------|------------------------------------|--|--|---|-----------|
|  |                                     |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m2) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi   |                     |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán thả |                       |                                     |   |  |   |           |           |  |  |                  |                                    |  |  |   |           |
|  |                                     |                         |                        |              |                       |                        | Trong chỉ giới (m2) | Ngoài chỉ giới (m2) |                   |   |  |  |               | Loại tài sản trên đất |                                     |   |  | Đơn vị tính                                 | số lượng  | Đơn giá   | Tỷ lệ% của tài sản đúng hoặc vượt mặt độ | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích | Thành tiền: đồng |                                    |  |  |   |           |
|  | Giáp Ngọc Thâm                      | Dầu                     | 163                    | 5            | 433,3                 | 433,3                  | 433,3               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 433,3  | 0,0           | LUK                   | 30.331.000                          | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 433,3     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 3.899.700        | 6.499.500                          | 151.655.000  | 192.385.200  | 0   | 0         |
|  | Giáp Ngọc Thâm                      | Dầu                     | 177                    | 5            | 521,2                 | 521,2                  | 521,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 521,2  | 0,0           | LUK                   | 36.484.000                          | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 521,2     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 4.690.800        | 7.818.000                          | 182.420.000  | 231.412.800  | 0   | 0         |
| 48                                     | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm | Dầu                     | 186                    | 4            | 117,9                 | 117,9                  | 117,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 117,9  | 0,0           | LUK                   | 8.253.000                           | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 117,9     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 1.061.100        | 1.768.500                          | 0  | 11.082.600   | 0   | 0         |
|  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm | Dầu                     | 217                    | 4            | 380,6                 | 380,6                  | 380,6               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 380,6  | 0,0           | LUK                   | 26.642.000                          | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 380,6     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 3.425.400        | 5.709.000                          | 0  | 35.776.400   | 0   | 0         |
|  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm | Dầu                     | 221                    | 4            | 359,7                 | 359,7                  | 359,7               | 0,0                 | 0,0               | 359,7   | 0,0  | 0,0  | 0,0           | LUK                   | 25.179.000                          | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 359,7     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 3.237.300        | 5.395.500                          | 125.895.000  | 159.706.800  | 0   | 0         |
|  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm | Dầu                     | 264                    | 4            | 154,9                 | 154,9                  | 154,9               | 0,0                 | 0,0               | 154,9   | 0,0  | 0,0  | 0,0           | LUK                   | 10.843.000                          | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 154,9     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 1.394.100        | 2.323.500                          | 54.215.000   | 68.775.600   | 0   | 0         |
|  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm | Dầu                     | 270                    | 4            | 332,4                 | 332,4                  | 332,4               | 0,0                 | 0,0               | 332,4   | 0,0  | 0,0  | 0,0           | LUK                   | 23.268.000                          | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 332,4     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 2.991.600        | 4.986.000                          | 116.340.000  | 147.585.600  | 0   | 0         |
|  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm | Dầu                     | 281                    | 4            | 432,2                 | 432,2                  | 432,2               | 0,0                 | 0,0               | 432,2   | 0,0  | 0,0  | 0,0           | LUK                   | 30.254.000                          | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 432,2     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 3.889.800        | 6.483.000                          | 151.270.000  | 191.896.800  | 0   | 0         |
|  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm | Dầu                     | 301                    | 4            | 267,7                 | 267,7                  | 267,7               | 0,0                 | 0,0               | 267,7   | 0,0  | 0,0  | 0,0           | LUK                   | 18.739.000                          | 0   | Hoa lay on                             | m <sup>2</sup>                              | 267,7     | 61.800    | 100%                                     | 100%   | 16.543.860       | 4.015.500                          | 93.695.000   | 132.993.360  | 0   | 0         |
|  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm | Dầu                     | 307                    | 4            | 291,7                 | 291,7                  | 291,7               | 0,0                 | 0,0               |   | 291,7  |  | 0,0           | LUK                   | 20.419.000                          | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 291,7     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 2.625.300        | 4.375.500                          | 0  | 27.419.800   | 0   | 0         |
|  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm | Dầu                     | 308                    | 4            | 120,3                 | 120,3                  | 120,3               | 0,0                 | 0,0               | 120,3   | 0,0  | 0,0  | 0,0           | LUK                   | 8.421.000                           | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 120,3     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 1.082.700        | 1.804.500                          | 42.105.000   | 53.413.200   | 0   | 0         |
|  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm | Dầu                     | 549                    | 4            | 409,1                 | 409,1                  | 409,1               | 0,0                 | 0,0               | 409,1   | 0,0  | 0,0  | 0,0           | LUK                   | 28.637.000                          | 0   | Cây Bưởi ĐK gốc 14-18cm                | Cây   | 16,0      | 1.355.000 | 100%                                     | 80%  | 17.344.000       | 6.136.500                          | 143.185.000  | 195.302.500  | 0   | 0         |
|  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0                                   | Vượt mặt độ dưới 100% Bưởi ĐK gốc 14-18cm   | Cây                                    | 2,0   | 1.355.000 | 100%      | 80%                                      | 2.168.000  | 0                | 0                                  | 2.168.000  | 0  | 0   |           |
|  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0                                   | Vượt mặt độ dưới 100% Cây bưởi ĐK gốc 10-14cm   | Cây                                    | 1,0   | 965.000   | 100%      | 80%                                      | 772.000  | 0                | 0                                  | 772.000  | 0  | 0   |           |
|  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0                                   | Vượt mặt độ dưới 100% Cây Ôi ĐK gốc 13-15cm   | Cây                                    | 22,0  | 810.000   | 100%      | 80%                                      | 14.256.000   | 0                | 0                                  | 14.256.000   | 0  | 0   |           |
|  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0                                   | Vượt mặt độ dưới 100% Cây Ôi ĐK gốc 5-8cm   | Cây                                    | 2,0   | 357.000   | 100%      | 80%                                      | 571.200  | 0                | 0                                  | 571.200  | 0  | 0   |           |
|  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0                                   | Giếng khoan sâu 48m - trước ngày 01/7/2014  | m                                      | 48,0  | 205.000   | 100%      | 80%                                      | 7.872.000  | 0                | 0                                  | 7.872.000  | 0  | 0   |           |
|  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm | Dầu                     | 38                     | 9            | 197,9                 | 197,9                  | 197,9               | 0,0                 | 0,0               | 197,9   | 0,0  | 0,0  | 0,0           | LUK                   | 13.853.000                          | 0   | Cây bưởi ĐK gốc 10-14cm                | Cây   | 4,0       | 965.000   | 100%                                     | 80%  | 3.088.000        | 2.968.500                          | 69.265.000   | 89.174.500   | 0   | 0         |
|  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0                                   | Cây bưởi ĐK gốc 6-10cm  | Cây                                    | 4,0   | 575.000   | 100%      | 80%                                      | 1.840.000  | 0                | 0                                  | 1.840.000  | 0  | 0   |           |
|  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0                                   | Vượt mặt độ từ 100% đến dưới 200% Cây bưởi ĐK gốc 6-10cm                                | Cây                                    | 10,0  | 575.000   | 90%       | 80%                                      | 4.140.000  | 0                | 0                                  | 4.140.000  | 0  | 0   |           |
|  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm | Dầu                     | 39                     | 9            | 104,5                 | 104,5                  | 104,5               | 0,0                 | 0,0               |   | 104,5  | 0,0  | 0,0           | LUK                   | 7.315.000                           | 0   | Cây ôi ĐK gốc 8-11cm                   | Cây   | 12,0      | 508.000   | 100%                                     | 80%  | 4.876.800        | 1.567.500                          | 0  | 13.759.300   | 0   | 0         |
|  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0                                   | Vượt mặt độ dưới 100% Cây Ôi ĐK gốc 5-8cm   | Cây                                    | 5,0   | 357.000   | 100%      | 80%                                      | 1.428.000  | 0                | 0                                  | 1.428.000  | 0  | 0   |           |
| Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm    |                                     |                         |                        |              | 205,8                 | 205,8                  | 0,0                 | 0,0                 |                   | 205,8   |  |  | LUK           | 14.406.000            | 0                                   | Lúa   | m <sup>2</sup>                         | 205,8                                       | 9.000     | 100%      | 100%                                     | 1.852.200  | 3.087.000        | 0                                  | 19.345.200   | 0  | 0   |           |
| Phạm Thị Thơ chồng là Nguyễn Văn Cẩn   |                                     |                         | 313                    | 4            | 415,8                 | 105,0                  | 105,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 105,0  | 0,0           | LUK                   | 7.350.000                           | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 105,0     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 945.000          | 1.575.000                          | 0  | 9.870.000  | 0   | 9.870.000 |
| Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bốn | Dầu                                 |                         |                        |              | 105,0                 | 105,0                  | 0,0                 | 0,0                 |                   |   |  | 105,0  | 0,0           | LUK                   | 7.350.000                           | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 105,0     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 945.000          | 1.575.000                          | 0  | 9.870.000  | 0   | 9.870.000 |
| 49                                     | Nguyễn Sỹ Sơn                       | Dầu                     | 521                    | 4            | 88,9                  | 88,9                   | 88,9                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 88,9   | 0,0           | LUK                   | 6.223.000                           | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 88,9      | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 800.100          | 1.333.500                          | 0  | 8.356.600  | 0   | 8.356.600 |
| 50                                     | Nguyễn sỹ Trường vợ là Ngô Thị Oanh | Dầu                     | 518                    | 4            | 38,7                  | 38,7                   | 38,7                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 38,7   | 0,0           | LUK                   | 2.709.000                           | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 38,7      | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 348.300          | 580.500                            | 0  | 3.637.800  | 0   | 0         |
|  | Nguyễn sỹ Trường vợ là Ngô Thị Oanh | Dầu                     | 118                    | 2            | 446,2                 | 446,2                  | 446,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 446,2  | 0,0           | LUK                   | 31.234.000                          | 0   | Táo Đk > 20cm                          | Cây   | 27,0      | 2.565.000 | 100%                                     | 80%  | 55.404.000       | 6.693.000                          | 156.170.000  | 249.501.000  | 0   | 0         |
|  | Nguyễn sỹ Trường vợ là Ngô Thị Oanh |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0                                   | Táo ĐK gốc >20cm  | Cây                                    | 12,0  | 2.565.000 | 100%      | 80%                                      | 24.624.000   | 0                | 0                                  | 24.624.000   | 0  | 0   |           |
|  | Nguyễn sỹ Trường vợ là Ngô Thị Oanh |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0                                   | Mít ĐK gốc 5-10cm   | Cây                                    | 2,0   | 285.000   | 100%      | 80%                                      | 456.000  | 0                | 0                                  | 456.000  | 0  | 0   |           |
|  | Nguyễn sỹ Trường vợ là Ngô Thị Oanh |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |               | 0                     | 0                                   | Mít ĐK gốc 3-5cm  | Cây                                    | 1,0   | 170.000   | 100%      | 80%                                      | 136.000  | 0                | 0                                  | 136.000  | 0  | 0   |           |
| Nguyễn sỹ Trường vợ là Ngô Thị Oanh    |                                     |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  | 0             | 0                     | Vượt mặt độ dưới 100% Táo Đk > 20cm | Cây   | 11,0                                   | 2.565.000                                   | 100%      | 80%       | 22.572.000                               | 0  | 0                | 22.572.000                         | 0  | 0  |   |           |

| STT | Họ và tên Chủ sử dụng đất   | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                       |                        |                     |                     | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m2)                               |  |  |                |                       | Loại đất   | Bồi thường đất: đ (Đất lúa: 70.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000đ/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 đ/m <sup>2</sup> ) | BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT |          |         |  |  |                  | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000đ/m2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: đ (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000đ/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từ thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |
|-----|---|-------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|---------------------|-------------------|---|--|--|----------------|-----------------------|------------|---|--|---|----------|---------|--|--|------------------|------------------------------------|--|--|---|
|     |   |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m2) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi   |                     |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán trâu |                       |            |   |  |   |          |         |  |  |                  |                                    |  |  |   |
|     |   |                         |                        |              |                       |                        | Trong chỉ giới (m2) | Ngoài chỉ giới (m2) |                   |   |  |  |                | Loại tài sản trên đất |            |   |  | Đơn vị tính                                 | số lượng | Đơn giá | Tỷ lệ% của tài sản đúng hoặc vượt mặt độ | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích | Thành tiền: đồng |                                    |  |  |   |
|     | Nguyễn sỹ Trường vợ là Ngô Thị Oanh                                   | Dầu                     | 69                     | 2            | 502,2                 | 502,2                  | 502,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 502,2  | 0,0            | LUK                   | 35.154.000 | 0   | Hoa lay on                             | m <sup>2</sup>                              | 502,2    | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 31.035.960       | 7.533.000                          | 175.770.000  | 249.492.960  |   |
|     | Nguyễn sỹ Trường vợ là Ngô Thị Oanh                                   | Dầu                     | 92                     | 4            | 364,0                 | 364,0                  | 364,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 364,0  | 0,0            | LUK                   | 25.480.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 364,0    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 3.276.000        | 5.460.000                          | 127.400.000  | 161.616.000  |   |
|     | Nguyễn sỹ Trường vợ là Ngô Thị Oanh                                   | Dầu                     | 279                    | 4            | 316,7                 | 316,7                  | 316,7               | 0,0                 | 0,0               |   | 316,7  |  | 0,0            | LUK                   | 22.169.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 316,7    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 2.850.300        | 4.750.500                          | 0  | 29.769.800   |   |
|     | Nguyễn sỹ Trường vợ là Ngô Thị Oanh                                   | Dầu                     | 133                    | 5            | 449,4                 | 449,4                  | 449,4               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 449,4  | 0,0            | LUK                   | 31.458.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 449,4    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 4.044.600        | 6.741.000                          | 157.290.000  | 199.533.600  |   |
|     | Nguyễn sỹ Trường vợ là Ngô Thị Oanh                                   | Dầu                     | 316                    | 5            | 71,9                  | 71,9                   | 13,6                | 58,3                | 0,0               |   |  | 71,9   | 0,0            | LUK                   | 5.033.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 71,9     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 647.100          | 1.078.500                          | 25.165.000   | 31.923.600   |   |
| 51  | Nguyễn Thị Be chồng là Giáp Văn Ngõi                                  | Dầu                     | 30                     | 5            | 72,3                  | 72,3                   | 72,3                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 72,3   | 0,0            | LUK                   | 5.061.000  | 0   | Khoai lang                             | m <sup>2</sup>                              | 72,3     | 26.900  | 100%                                     | 100%   | 1.944.870        | 1.084.500                          | 25.305.000   | 33.395.370   |   |
|     | Nguyễn Thị Be chồng là Giáp Văn Ngõi                                  | Dầu                     | 31                     | 5            | 63,6                  | 63,6                   | 63,6                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 63,6   | 0,0            | LUK                   | 4.452.000  | 0   | Khoai lang                             | m <sup>2</sup>                              | 63,6     | 26.900  | 100%                                     | 100%   | 1.710.840        | 954.000                            | 22.260.000   | 29.376.840   | 211.514.130   |
|     | Nguyễn Thị Be chồng là Giáp Văn Ngõi; tài sản của ông Nguyễn Văn Hưng | Dầu                     | 63                     | 2            | 299,4                 | 299,4                  | 299,4               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 299,4  | 0,0            | LUK                   | 20.958.000 | 0   | Hoa lay on                             | m <sup>2</sup>                              | 299,4    | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 18.502.920       | 4.491.000                          | 104.790.000  | 148.741.920  |   |
| 52  | Nguyễn Thị Cảnh   | Dầu                     | 442                    | 4            | 112,2                 | 112,2                  | 112,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 112,2  | 0,0            | LUK                   | 7.854.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 112,2    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.009.800        | 1.683.000                          | 39.270.000   | 49.816.800   | 119.716.560   |
|     | Nguyễn Thị Cảnh; tài sản của ông Nguyễn Văn Hưng                      | Dầu                     | 75                     | 2            | 140,7                 | 140,7                  | 140,7               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 140,7  | 0,0            | LUK                   | 9.849.000  | 0   | Hoa lay on                             | m <sup>2</sup>                              | 140,7    | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 8.695.260        | 2.110.500                          | 49.245.000   | 69.899.760   |   |
| 53  | Nguyễn Thị Chuyển (chồng là Nguyễn Văn Độ)                            | Dầu                     | 274                    | 5            | 73,7                  | 73,7                   | 59,6                | 14,1                | 0,0               |   |  | 73,7   | 0,0            | LUK                   | 5.159.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 73,7     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 663.300          | 1.105.500                          | 25.795.000   | 32.722.800   |   |
|     | Nguyễn Thị Chuyển (chồng là Nguyễn Văn Độ)                            | Dầu                     | 415                    | 4            | 342,7                 | 342,7                  | 342,7               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 342,7  | 0,0            | LUK                   | 23.989.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 342,7    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 3.084.300        | 5.140.500                          | 119.945.000  | 152.158.800  |   |
|     | Nguyễn Thị Chuyển (chồng là Nguyễn Văn Độ)                            | Dầu                     | 23                     | 2            | 695,5                 | 695,5                  | 695,5               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 695,5  | 0,0            | LUK                   | 48.685.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 695,5    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 6.259.500        | 10.432.500                         | 243.425.000  | 308.802.000  |   |
|     | Nguyễn Thị Chuyển chồng là Nguyễn Văn Độ                              | Dầu                     | 31                     | 2            | 78,8                  | 78,8                   | 78,8                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 78,8   | 0,0            | LUK                   | 5.516.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 78,8     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 709.200          | 1.182.000                          | 27.580.000   | 34.987.200   |   |
|     | Nguyễn Thị Chuyển chồng là Nguyễn Văn Độ                              | Dầu                     | 70                     | 5            | 331,7                 | 331,7                  | 331,7               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 331,7  | 0,0            | LUK                   | 23.219.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 331,7    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 2.985.300        | 4.975.500                          | 116.095.000  | 147.274.800  |   |
|     | Nguyễn Thị Chuyển chồng là Nguyễn Văn Độ                              | Dầu                     | 76                     | 5            | 460,7                 | 460,7                  | 460,7               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 460,7  | 0,0            | LUK                   | 32.249.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 460,7    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 4.146.300        | 6.910.500                          | 161.245.000  | 204.550.800  | 1.547.098.580   |
|     | Nguyễn Thị Chuyển chồng là Nguyễn Văn Độ                              | Dầu                     | 108                    | 5            | 343,9                 | 343,9                  | 343,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 343,9  | 0,0            | LUK                   | 24.073.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 343,9    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 3.095.100        | 5.158.500                          | 120.365.000  | 152.691.600  |   |
|     | Nguyễn Thị Chuyển chồng là Nguyễn Văn Độ                              | Dầu                     | 128                    | 5            | 498,1                 | 498,1                  | 498,1               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 498,1  | 0,0            | LUK                   | 34.867.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 498,1    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 4.482.900        | 7.471.500                          | 174.335.000  | 221.156.400  |   |
|     | Nguyễn Thị Chuyển chồng là Nguyễn Văn Độ                              | Dầu                     | 245                    | 5            | 327,8                 | 327,8                  | 327,8               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 327,8  | 0,0            | LUK                   | 22.946.000 | 0   | Su hào                                 | m <sup>2</sup>                              | 327,8    | 66.100  | 100%                                     | 100%   | 21.667.580       | 4.917.000                          | 114.730.000  | 164.260.580  |   |
|     | Nguyễn Thị Chuyển chồng là Nguyễn Văn Độ                              | Dầu                     | 77                     | 5            | 193,4                 | 193,4                  | 193,4               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 193,4  | 0,0            | LUK                   | 13.538.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 193,4    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.740.600        | 2.901.000                          | 67.690.000   | 85.869.600   |   |
| 54  | Nguyễn Văn Lương  | Dầu                     | 84                     | 5            | 455,5                 | 96,0                   | 96,0                | 0,0                 | 0,0               | 0   |  | 96,0   | 0,0            | LUK                   | 6.720.000  | 0   | Ngô                                    | m <sup>2</sup>                              | 96,0     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 864.000          | 1.440.000                          | 33.600.000   | 42.624.000   |   |
| 55  | Nguyễn Thị Chuyển   | Dầu                     | 31                     | 1            | 322,8                 | 359,5                  | 359,5               | 0,0                 | 0,0               | 0   |  | 359,5  | 0,0            | LUK                   | 25.165.000 | 0   | Ngô                                    | m <sup>2</sup>                              | 359,5    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 3.235.500        | 5.392.500                          | 125.825.000  | 159.618.000  | 159.618.000   |
| 56  | Nguyễn Văn Lương  | Dầu                     | 31                     | 1            | 322,8                 | 84,8                   | 84,8                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 84,8   | 0,0            | LUK                   | 0          | 5.936.000   | Bạch đàn ĐK gốc từ trên 13-<20cm       | Cây   | 15,0     | 163.000 | 100%                                     | 50%  | 1.222.500        | 0                                  | 0  | 7.158.500  | 7.158.500   |
|     | Nguyễn Văn Lương  | Dầu                     | 31                     | 1            | 322,8                 | 98,0                   | 98,0                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 98,0   | 0,0            | LUK                   | 0          | 6.860.000   | Bạch đàn ĐK gốc từ trên 13-<20cm       | Cây   | 19,0     | 163.000 | 100%                                     | 50%  | 1.548.500        | 0                                  | 0  | 8.408.500  | 8.408.500   |
|     | Nguyễn Văn Lương  | Dầu                     | 31                     | 1            | 322,8                 | 140,0                  | 140,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 140,0  | 0,0            | LUK                   | 0          | 9.800.000   | Bạch đàn ĐK gốc từ trên 10-13cm        | Cây   | 28,0     | 123.000 | 100%                                     | 50%  | 1.722.000        | 0                                  | 0  | 11.522.000   |   |
|     | Nguyễn Văn Năng   |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0                     | 0          | Vượt mặt độ dưới 100% Bạch đàn cao >3m; ĐK gốc <5cm                                     | Cây                                    | 10,0  | 40.000   | 50%     | 50%                                      | 100.000  | 0                | 0                                  | 100.000  |  |   |
|     | Nguyễn Văn Năng   |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0                     | 0          | Vượt mặt độ dưới 100% Bạch đàn ĐK gốc 10-13cm   | Cây                                    | 9,0   | 123.000  | 50%     | 50%                                      | 276.750  | 0                | 0                                  | 276.750  |  |   |
|     | Nguyễn Văn Năng   |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0                     | 0          | Vượt mặt độ dưới 100% Bạch đàn ĐK gốc 13-20cm   | Cây                                    | 5,0   | 163.000  | 50%     | 50%                                      | 203.750  | 0                | 0                                  | 203.750  |  |   |
|     | Nguyễn Văn Năng   | Dầu                     | 234                    | 4            | 322,8                 | 322,8                  | 322,8               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 322,8  | 0,0            | LUK                   | 22.596.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 322,8    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 2.905.200        | 4.842.000                          | 112.980.000  | 143.323.200  |   |
|     | Nguyễn Văn Năng   | Dầu                     | 235                    | 4            | 51,8                  | 51,8                   | 51,8                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 51,8   | 0,0            | LUK                   | 3.626.000  | 0   | Tre già ĐK<7cm                         | Cây   | 32,0     | 32.000  | 100%                                     | 80%  | 819.200          | 777.000                            | 18.130.000   | 23.352.200   |   |
|     | Nguyễn Văn Năng   | Dầu                     | 260                    | 4            | 147,9                 | 147,9                  | 147,9               | 0,0                 | 0,0               |   | 147,9  | 0,0  | 0,0            | BHK                   | 10.353.000 | 0   | Bạch đàn ĐK gốc từ trên 13-<20cm       | Cây   | 6,0      | 163.000 | 100%                                     | 80%  | 782.400          | 2.218.500                          | 0  | 13.353.900   |   |
|     | Nguyễn Văn Năng   |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0                     | 0          | Bạch đàn ĐK gốc từ trên 13-<20cm  | Cây                                    | 16,0  | 163.000  | 100%    | 80%                                      | 2.086.400  | 0                | 0                                  | 2.086.400  |  |   |

| STT                                    | Họ và tên Chủ sử dụng đất                       | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                       |                        |                     | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m2)                               |  |  |                |          | Loại đất | Bồi thường đất: d (Đất lúa: 70.000 d/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000d/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 d/m <sup>2</sup> )                | BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT          |                |           |         |  |  | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000d/m2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: d (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 d/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000d/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từng thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |                  |                     |
|--|---|-------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|-------------------|---|--|--|----------------|----------|----------|---|---|--|----------------|-----------|---------|--|--|------------------------------------|--|--|---|------------------|---------------------|
|  |   |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m2) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi   |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán trâu | Loại đất |          |   |   | Loại tài sản trên đất                                | Đơn vị tính    | Số lượng  | Đơn giá | Tỷ lệ% của tài sản đúng hoặc vượt mặt độ | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích |                                    |  |  |   | Thành tiền: đồng |                     |
|  |   |                         |                        |              |                       |                        | Trong chỉ giới (m2) |                   |   |  |  |                |          |          |   |   |  |                |           |         |  |  |                                    |  |  |   |                  | Ngoài chỉ giới (m2) |
| 57                                     | Nguyễn Văn Năng                                 |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          | 0        | 0   | Bạch đàn ĐK gốc từ trên 10-13cm                       | Cây  | 8,0            | 123.000   | 100%    | 80%                                      | 787.200  | 0                                  | 0  | 787.200  | 517.855.240   |                  |                     |
|  | Nguyễn Văn Năng                                 |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          | 0        | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Bạch đàn ĐK gốc từ trên 10-13cm | Cây  | 17,0           | 123.000   | 50%     | 80%                                      | 836.400  | 0                                  | 0  | 836.400  |   |                  |                     |
|  | Nguyễn Văn Năng                                 |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          | 0        | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Bạch đàn cao >3m; ĐK gốc <5cm   | Cây  | 9,0            | 40.000    | 50%     | 80%                                      | 144.000  | 0                                  | 0  | 144.000  |   |                  |                     |
|  | Nguyễn Văn Năng                                 |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          | 0        | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Bạch đàn ĐK gốc <5cm, cao 1-2m  | Cây  | 4,0            | 25.000    | 50%     | 80%                                      | 40.000   | 0                                  | 0  | 40.000   |   |                  |                     |
|  | Nguyễn Văn Năng                                 |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          | 0        | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Bạch đàn ĐK gốc <5cm, cao 1-2m  | Cây  | 10,0           | 25.000    | 30%     | 80%                                      | 60.000   | 0                                  | 0  | 60.000   |   |                  |                     |
|  | Nguyễn Văn Năng                                 | Dầu                     | 290                    | 4            | 248,6                 | 248,6                  | 248,6               | 0,0               | 0,0   |  | 248,6  | 0,0            | 0,0      | BHK      | 17.402.000  | 0   | Bạch đàn cao >3m; ĐK gốc <5cm                        | Cây            | 47,0      | 40.000  | 100%                                     | 80%  | 1.504.000                          | 3.729.000  | 0  |   | 22.635.000       |                     |
|  | Nguyễn Văn Năng                                 |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          |          | 0   | 0   | Bạch đàn ĐK gốc <5cm, cao 1-2m                       | Cây            | 3,0       | 25.000  | 100%                                     | 80%  | 60.000                             | 0  | 0  |   | 60.000           |                     |
|  | Nguyễn Văn Năng                                 |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          |          | 0   | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Bạch đàn ĐK gốc <5cm, cao 1-2m | Cây            | 12,0      | 25.000  | 50%                                      | 80%  | 120.000                            | 0  | 0  |   | 120.000          |                     |
|  | Nguyễn Văn Năng                                 |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          |          | 0   | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Bạch đàn ĐK gốc <5cm, cao 2-3m | Cây            | 13,0      | 34.000  | 50%                                      | 80%  | 176.800                            | 0  | 0  |   | 176.800          |                     |
|  | Nguyễn Văn Năng                                 |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          |          | 0   | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Bạch đàn ĐK gốc <5cm, cao <1m  | Cây            | 12,0      | 15.000  | 50%                                      | 80%  | 72.000                             | 0  | 0  |   | 72.000           |                     |
|  | Nguyễn Văn Năng                                 | Dầu                     | 74                     | 5            | 127,2                 | 127,2                  | 127,2               | 0,0               | 0,0   |  | 127,2  | 0,0            | 0,0      | LUK      | 8.904.000   | 0   | Sà   | m <sup>2</sup> | 127,2     | 22.300  | 100%                                     | 100%   | 2.836.560                          | 1.908.000  | 44.520.000   |   | 58.168.560       |                     |
|  | Nguyễn Văn Năng                                 | Dầu                     | 118                    | 5            | 182,0                 | 182,0                  | 182,0               | 0,0               | 0,0   |  | 182,0  | 0,0            | 0,0      | LUK      | 12.740.000  | 0   | Bi đò  | m <sup>2</sup> | 182,0     | 41.000  | 100%                                     | 100%   | 7.462.000                          | 2.730.000  | 63.700.000   |   | 86.632.000       |                     |
| Nguyễn Văn Năng                        |   |                         | 217                    | 5            | 333,2                 | 333,2                  | 333,2               | 0,0               | 0,0   | 0  | 333,2  | 0,0            | 0,0      | LUK      | 23.324.000  | 0   | Khoai lang   | m <sup>2</sup> | 333,2     | 26.900  | 100%                                     | 100%   | 8.963.080                          | 4.998.000  | 116.620.000  | 153.905.080   |                  |                     |
| 58                                     | Nguyễn Thị Dăng (Răng)                          | Dầu                     | 29                     | 1            | 120,0                 | 120,0                  | 120,0               | 0,0               | 0,0   |  | 120,0  | 0,0            | 0,0      | LUK      | 8.400.000   | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup> | 120,0     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.080.000                          | 1.800.000  | 42.000.000   | 53.280.000  | 150.553.440      |                     |
|  | Nguyễn Thị Dăng (Răng) (Tài sản Nguyễn Thị Tựa) | Dầu                     | 120                    | 2            | 195,8                 | 195,8                  | 195,8               | 0,0               | 0,0   |  | 195,8  | 0,0            | 0,0      | LUK      | 13.706.000  | 0   | Hoa lay on   | m <sup>2</sup> | 195,8     | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 12.100.440                         | 2.937.000  | 68.530.000   | 97.273.440  |                  |                     |
| 59                                     | Nguyễn Thị Đưa (con là Ngô Văn Bảy)             | Dầu                     | 120                    | 5            | 156,5                 | 156,5                  | 156,5               | 0,0               | 0,0   |  | 156,5  | 0,0            | 0,0      | LUK      | 10.955.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup> | 156,5     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.408.500                          | 2.347.500  | 54.775.000   | 69.486.000  | 354.290.640      |                     |
|  | Nguyễn Thị Đưa (con là Ngô Văn Bảy)             | Dầu                     | 126                    | 5            | 161,1                 | 161,1                  | 161,1               | 0,0               | 0,0   |  | 161,1  | 0,0            | 0,0      | LUK      | 11.277.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup> | 161,1     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.449.900                          | 2.416.500  | 56.385.000   | 71.528.400  |                  |                     |
|  | Nguyễn Thị Đưa (con trai là Ngô Văn Bảy)        | Dầu                     | 61                     | 2            | 429,3                 | 429,3                  | 429,3               | 0,0               | 0,0   |  | 429,3  | 0,0            | 0,0      | LUK      | 30.051.000  | 0   | Hoa lay on   | m <sup>2</sup> | 429,3     | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 26.530.740                         | 6.439.500  | 150.255.000  | 213.276.240   |                  |                     |
| 60                                     | Nguyễn Thị Đưa chồng là Ngô Văn Châu            | Dầu                     | 14                     | 5            | 175,5                 | 175,5                  | 175,5               | 0,0               | 0,0   |  | 175,5  | 0,0            | 0,0      | LUK      | 12.285.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup> | 175,5     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.579.500                          | 2.632.500  | 61.425.000   | 77.922.000  | 160.950.000      |                     |
|  | Nguyễn Thị Đưa chồng là Ngô Văn Châu            | Dầu                     | 52                     | 5            | 187,0                 | 187,0                  | 187,0               | 0,0               | 0,0   |  | 187,0  | 0,0            | 0,0      | LUK      | 13.090.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup> | 187,0     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.683.000                          | 2.805.000  | 65.450.000   | 83.028.000  |                  |                     |
| 61                                     | Nguyễn Thị Hôn chồng là Giáp Văn Trắng          | Dầu                     | 62                     | 2            | 407,9                 | 407,9                  | 407,9               | 0,0               | 0,0   |  | 407,9  | 0,0            | 0,0      | LUK      | 28.553.000  | 0   | Hoa lay on   | m <sup>2</sup> | 407,9     | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 25.208.220                         | 6.118.500  | 142.765.000  | 202.644.720   | 423.120.640      |                     |
|  | Nguyễn Thị Hôn chồng là Giáp Văn Trắng          | Dầu                     | 76                     | 2            | 297,9                 | 297,9                  | 297,9               | 0,0               | 0,0   |  | 297,9  | 0,0            | 0,0      | LUK      | 20.853.000  | 0   | Hoa lay on   | m <sup>2</sup> | 297,9     | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 18.410.220                         | 4.468.500  | 104.265.000  | 147.996.720   |                  |                     |
|  | Nguyễn Thị Hôn chồng là Giáp Văn Trắng          | Dầu                     | 19                     | 5            | 125,6                 | 125,6                  | 125,6               | 0,0               | 0,0   |  | 125,6  | 0,0            | 0,0      | LUK      | 8.792.000   | 0   | Mít ĐK gốc 5-10cm                                    | Cây            | 1,0       | 285.000 | 100%                                     | 80%  | 228.000                            | 1.884.000  | 43.960.000   | 54.864.000  |                  |                     |
|  | Nguyễn Thị Hôn chồng là Giáp Văn Trắng          |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          | 0        | 0   | Táo ĐK gốc >20cm                                      | Cây  | 6,0            | 2.565.000 | 100%    | 80%                                      | 12.312.000   | 0                                  | 0  | 12.312.000   |   |                  |                     |
|  | Nguyễn Thị Hôn chồng là Giáp Văn Trắng          |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          | 0        | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Táo ĐK gốc >20cm                | Cây  | 1,0            | 2.565.000 | 100%    | 80%                                      | 2.052.000  | 0                                  | 0  | 2.052.000  |   |                  |                     |
| Nguyễn Thị Hôn chồng là Giáp Văn Trắng |   |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          | 0        | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Ôi Đk gốc 8-11cm                | Cây  | 8,0            | 508.000   | 100%    | 80%                                      | 3.251.200  | 0                                  | 0  | 3.251.200  |   |                  |                     |
| 62                                     | Nguyễn Thị Liễu chồng là Đoàn Văn Thêm          | Dầu                     | 71                     | 2            | 121,9                 | 121,9                  | 121,9               | 0,0               | 0,0   |  | 121,9  | 0,0            | 0,0      | LUK      | 8.533.000   | 0   | Hoa lay on   | m <sup>2</sup> | 121,9     | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 7.533.420                          | 1.828.500  | 42.665.000   | 60.559.920  | 602.683.920      |                     |
|  | Nguyễn Thị Liễu, chồng là Đoàn Văn Thêm         | Dầu                     | 28                     | 1            | 118,8                 | 118,8                  | 118,8               | 0,0               | 0,0   |  | 118,8  | 0,0            | 0,0      | LUK      | 8.316.000   | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup> | 118,8     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.069.200                          | 1.782.000  | 41.580.000   | 52.747.200  |                  |                     |
|  | Nguyễn Thị Liễu, chồng là Đoàn Văn Thêm         | Dầu                     | 53                     | 5            | 334,5                 | 334,5                  | 334,5               | 0,0               | 0,0   |  | 334,5  | 0,0            | 0,0      | LUK      | 23.415.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup> | 334,5     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 3.010.500                          | 5.017.500  | 117.075.000  | 148.518.000   |                  |                     |
|  | Nguyễn Thị Liễu, chồng là Đoàn Văn Thêm         | Dầu                     | 68                     | 5            | 451,5                 | 451,5                  | 451,5               | 0,0               | 0,0   |  | 451,5  | 0,0            | 0,0      | LUK      | 31.605.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup> | 451,5     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 4.063.500                          | 6.772.500  | 158.025.000  | 200.466.000   |                  |                     |
|  | Nguyễn Thị Liễu, chồng là Đoàn Văn Thêm         | Dầu                     | 41                     | 2            | 316,2                 | 316,2                  | 316,2               | 0,0               | 0,0   |  | 316,2  | 0,0            | 0,0      | LUK      | 22.134.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup> | 316,2     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 2.845.800                          | 4.743.000  | 110.670.000  | 140.392.800   |                  |                     |
| 63                                     | Nguyễn Thị Loan chồng là Giáp Văn Thuận         | Dầu                     | 86                     | 5            | 373,2                 | 373,2                  | 373,2               | 0,0               | 0,0   |  | 373,2  | 0,0            | 0,0      | LUK      | 26.124.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup> | 373,2     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 3.358.800                          | 5.598.000  | 130.620.000  | 165.700.800   | 750.504.800      |                     |

| STT                                    | Họ và tên Chủ sử dụng đất               | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                       |                        |                     |                     | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m2)                               |  |  |                |                       | Loại đất   | Bồi thường đất: đ (Đất lúa: 70.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000đ/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 đ/m <sup>2</sup> ) | BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT |          |         |  |  |                  | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000đ/m2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: đ (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000đ/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từ thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |
|--|---|-------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|---------------------|-------------------|---|--|--|----------------|-----------------------|------------|---|--|---|----------|---------|--|--|------------------|------------------------------------|--|--|---|
|  |   |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m2) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi   |                     |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán thầu | Loại tài sản trên đất |            |   |  | Đơn vị tính                                 | Số lượng | Đơn giá | Tỷ lệ% của tài sản đúng hoặc vượt mặt độ | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích | Thành tiền: đồng |                                    |  |  |   |
|  |   |                         |                        |              |                       |                        | Trong chỉ giới (m2) | Ngoài chỉ giới (m2) |                   |   |  |  |                |                       |            |   |  |   |          |         |  |  |                  |                                    |  |  |   |
|  | Nguyễn Thị Loan chồng là Giáp Văn Thuận | Dầu                     | 196                    | 5            | 191,0                 | 191,0                  | 191,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 191,0  | 0,0            | LUK                   | 13.370.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 191,0    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.719.000        | 2.865.000                          | 66.850.000   | 84.804.000   | 256.504.000   |
| 64                                     | Giáp Văn Quang (Loan)                   | Dầu                     | 297                    | 4            | 169,9                 | 169,9                  | 169,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 169,9  | 0,0            | LUK                   | 11.893.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 169,9    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.529.100        | 2.548.500                          | 0  | 15.970.600   | 35.024.400  |
|  | Giáp Văn Quang (Loan)                   | Dầu                     | 332                    | 4            | 202,7                 | 202,7                  | 202,7               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 202,7  | 0,0            | LUK                   | 14.189.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 202,7    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.824.300        | 3.040.500                          | 0  | 19.053.800   |   |
| 65                                     | Nguyễn Thị Minh chồng là Giáp Văn Quang | Dầu                     | 43                     | 5            | 120,6                 | 120,6                  | 120,6               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |                | LUK                   | 8.442.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 120,6    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.085.400        | 1.809.000                          | 42.210.000   | 53.546.400   | 258.541.200   |
|  | Nguyễn Thị Minh chồng là Giáp Văn Quang | Dầu                     | 149                    | 5            | 48,5                  | 48,5                   | 48,5                | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |                | LUK                   | 3.395.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 48,5     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 436.500          | 727.500                            | 16.975.000   | 21.534.000   |   |
|  | Nguyễn Thị Minh chồng là Giáp Văn Quang | Dầu                     | 162                    | 5            | 248,6                 | 248,6                  | 248,6               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |                | LUK                   | 17.402.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 248,6    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 2.237.400        | 3.729.000                          | 87.010.000   | 110.378.400  |   |
|  | Nguyễn Thị Minh chồng là Giáp Văn Quang | Dầu                     | 175                    | 5            | 75,5                  | 75,5                   | 75,5                | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |                | LUK                   | 5.285.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 75,5     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 679.500          | 1.132.500                          | 26.425.000   | 33.522.000   |   |
|  | Nguyễn Thị Minh chồng là Giáp Văn Quang | Dầu                     | 176                    | 5            | 89,1                  | 89,1                   | 89,1                | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |                | LUK                   | 6.237.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 89,1     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 801.900          | 1.336.500                          | 31.185.000   | 39.560.400   |   |
| 66                                     | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bón  | Dầu                     | 291                    | 4            | 263,7                 | 263,7                  | 263,7               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 263,7  | 0,0            | LUK                   | 18.459.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 263,7    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 2.373.300        | 3.955.500                          | 0  | 24.787.800   | 1.013.601.890   |
|  | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bón  | Dầu                     | 240                    | 3            | 68,8                  | 68,8                   | 68,8                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 68,8   | 0,0            | LUK                   | 4.816.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 68,8     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 619.200          | 1.032.000                          | 0  | 6.467.200  |   |
|  | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bón  | Dầu                     | 256                    | 3            | 87,2                  | 87,2                   | 78,8                | 8,4                 | 0,0               |   |  | 87,2   | 0,0            | LUK                   | 6.104.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 87,2     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 784.800          | 1.308.000                          | 0  | 8.196.800  |   |
|  | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bón  | Dầu                     | 263                    | 3            | 153,1                 | 153,1                  | 153,1               | 0,0                 | 0,0               | 120   |  | 33,1   | 0,0            | LUK                   | 10.717.000 | 0   | Cây Ôi ĐK gốc 5-8cm                    | Cây   | 2,0      | 357.000 | 100%                                     | 80%  | 571.200          | 2.296.500                          | 42.000.000   | 55.584.700   |   |
|  | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bón  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Cây ôi ĐK gốc 15-17cm                  | Cây   | 6,0      | 961.000 | 100%                                     | 80%  | 4.612.800        | 0                                  | 0  | 4.612.800  |   |
|  | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bón  | Dầu                     | 267                    | 3            | 334,6                 | 334,6                  | 334,6               | 0,0                 | 0,0               | 334,6   |  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 23.422.000 | 0   | Cây bưởi ĐK gốc 10-14cm                | Cây   | 8,0      | 965.000 | 100%                                     | 80%  | 6.176.000        | 5.019.000                          | 117.110.000  | 151.727.000  |   |
|  | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bón  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Cây bưởi ĐK gốc 10-14cm                | Cây   | 2,0      | 965.000 | 100%                                     | 80%  | 1.544.000        | 0                                  | 0  | 1.544.000  |   |
|  | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bón  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Cây Ôi ĐK gốc 11-13cm                  | Cây   | 9,0      | 659.000 | 100%                                     | 80%  | 4.744.800        | 0                                  | 0  | 4.744.800  |   |
|  | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bón  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Ôi ĐK 11-13cm    | Cây   | 14,0     | 659.000 | 100%                                     | 80%  | 7.380.800        | 0                                  | 0  | 7.380.800  |   |
|  | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bón  | Dầu                     | 112                    | 4            | 125,5                 | 125,5                  | 125,5               | 0,0                 | 0,0               | 0   |  | 125,5  | 0,0            | LUK                   | 8.785.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 125,5    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.129.500        | 1.882.500                          | 0  | 11.797.000   |   |
|  | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bón  | Dầu                     | 125                    | 4            | 542,3                 | 542,3                  | 542,3               | 0,0                 | 0,0               | 456,0   |  | 86,3   | 0,0            | LUK                   | 37.961.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 542,3    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 4.880.700        | 8.134.500                          | 159.600.000  | 210.576.200  |   |
|  | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bón  | Dầu                     | 214                    | 4            | 221,8                 | 221,8                  | 221,8               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 221,8  | 0,0            | LUK                   | 15.526.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 221,8    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.996.200        | 3.327.000                          | 0  | 20.849.200   |   |
|  | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bón  | Dầu                     | 222                    | 4            | 505,2                 | 505,2                  | 505,2               | 0,0                 | 0,0               | 505,2   |  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 35.364.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 505,2    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 4.546.800        | 7.578.000                          | 176.820.000  | 224.308.800  |   |
|  | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bón  | Dầu                     | 242                    | 4            | 235,0                 | 235,0                  | 235,0               | 0,0                 | 0,0               | 235   |  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 16.450.000 | 0   | Hoa lay on                             | m <sup>2</sup>                              | 235,0    | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 14.523.000       | 3.525.000                          | 82.250.000   | 116.748.000  |   |
|  | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bón  | Dầu                     | 243                    | 4            | 223,3                 | 223,3                  | 223,3               | 0,0                 | 0,0               | 223,3   |  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 15.631.000 | 0   | Hoa lay on                             | m <sup>2</sup>                              | 223,3    | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 13.799.940       | 3.349.500                          | 78.155.000   | 110.935.440  |   |
|  | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bón  | Dầu                     | 293                    | 4            | 215,9                 | 215,9                  | 215,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 215,9  | 0,0            | LUK                   | 15.113.000 | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 215,9    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.943.100        | 3.238.500                          | 0  | 20.294.600   |   |
| Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bón | Dầu                                     | 498                     | 4                      | 80,0         | 80,0                  | 80,0                   | 0,0                 | 0,0                 |                   |   | 80,0   | 0,0  | BHK            | 5.600.000             | 0          | Lúa   | m <sup>2</sup>                         | 80,0  | 9.000    | 100%    | 100%                                     | 720.000  | 1.200.000        | 0                                  | 7.520.000  |  |   |
| Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bón | Dầu                                     | 530                     | 4                      | 116,3        | 116,3                 | 116,3                  | 0,0                 | 0,0                 |                   |   | 116,3  | 0,0  | LUK            | 8.141.000             | 0          | Rau họ đậu  | m <sup>2</sup>                         | 116,3                                       | 37.500   | 100%    | 100%                                     | 4.361.250  | 1.744.500        | 0                                  | 14.246.750   |  |   |
| 67                                     | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bón  | Dầu                     | 159                    | 4            | 377,3                 | 120,0                  | 120,0               | 0,0                 | 0,0               | 0   |  | 120,0  | 0,0            | LUK                   | 8.400.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 120,0    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.080.000        | 1.800.000                          | 0  | 11.280.000   | 24.186.200  |
| 68                                     | Nguyễn Văn Hường                        |                         |                        |              | 257,3                 | 257,3                  | 0,0                 | 0,0                 | 0                 |   | 257,3  | 0,0  | LUK            | 18.011.000            | 0          | Lúa   | m <sup>2</sup>                         | 257,3                                       | 9.000    | 100%    | 100%                                     | 2.315.700  | 3.859.500        | 0                                  | 24.186.200   |  |   |
| 69                                     | Nguyễn Thị Thanh chồng là Ngô Văn Chung | Dầu                     | 13                     | 5            | 116,0                 | 116,0                  | 116,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |                | LUK                   | 8.120.000  | 0   | Lúa                                    | m <sup>2</sup>                              | 116,0    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.044.000        | 1.740.000                          | 40.600.000   | 51.504.000   | 169.841.760   |
|  | Nguyễn Thị Thanh chồng là Ngô Văn Chung | Dầu                     | 131                    | 2            | 238,2                 | 238,2                  | 238,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |                | LUK                   | 16.674.000 | 0   | Hoa lay on                             | m <sup>2</sup>                              | 238,2    | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 14.720.760       | 3.573.000                          | 83.370.000   | 118.337.760  |   |
|  | Nguyễn Thị Tựa chồng là Ngô Văn Sỹ      | Dầu                     | 47                     | 2            | 304,4                 | 304,4                  | 304,4               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |                | LUK                   | 21.308.000 | 0   | Hoa lay on                             | m <sup>2</sup>                              | 304,4    | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 18.811.920       | 4.566.000                          | 106.540.000  | 151.225.920  |   |
|  | Nguyễn Thị Tựa chồng là Ngô Văn Sỹ      | Dầu                     | 119                    | 2            | 245,5                 | 245,5                  | 245,5               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  |                | LUK                   | 17.185.000 | 0   | Cây mộc hương cao từ 50cm đến 150cm    | Cây   | 90,0     | 85.000  | 100%                                     | 80%  | 6.120.000        | 3.682.500                          | 85.925.000   | 112.912.500  |   |

| STT                                | Họ và tên Chủ sử dụng đất              | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                       |                        |                     |                     | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m2)                               |  |  |                | Loại đất  | Bồi thường đất: đ (Đất lúa: 70.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000đ/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 đ/m <sup>2</sup> )  | BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT               |                |          |         |  |  | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000đ/m2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: đ (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000đ/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từng thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |                  |
|------------------------------------|--|-------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|---------------------|-------------------|---|--|--|----------------|-----------|---|---|---|----------------|----------|---------|--|--|------------------------------------|--|--|---|------------------|
|                                    |  |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m2) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi   |                     |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán trâu |           |   |   |   |                |          |         |  |  |                                    |  |  |   |                  |
|                                    |  |                         |                        |              |                       |                        | Trong chỉ giới (m2) | Ngoài chỉ giới (m2) |                   |   |  |  |                |           |   |   | Loại tài sản trên đất                                     | Đơn vị tính    | số lượng | Đơn giá | Tỷ lệ% của tài sản đúng hoặc vượt mặt độ | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích |                                    |  |  |   | Thành tiền: đồng |
| 70                                 | Nguyễn Thị Tựa chồng là Ngô Văn Sỹ     | Dầu                     | 478                    | 4            | 192,4                 | 192,4                  | 192,4               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 192,4  | 0,0            | LUK       | 13.468.000  | 0                                       | Lúa   | m <sup>2</sup> | 192,4    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.731.600                          | 2.886.000  | 67.340.000   | 85.425.600  | 1.225.245.320    |
|                                    | Nguyễn Thị Tựa chồng là Ngô Văn Sỹ     | Dầu                     | 129                    | 5            | 625,6                 | 625,6                  | 625,6               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 625,6  | 0,0            | LUK       | 43.792.000  | 0                                       | Lúa   | m <sup>2</sup> | 625,6    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 5.630.400                          | 9.384.000  | 218.960.000  | 277.766.400   |                  |
|                                    | Nguyễn Thị Tựa chồng là Ngô Văn Sỹ     | Dầu                     | 132                    | 5            | 529,9                 | 529,9                  | 529,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 529,9  | 0,0            | LUK       | 37.093.000  | 0                                       | Lúa   | m <sup>2</sup> | 529,9    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 4.769.100                          | 7.948.500  | 185.465.000  | 235.275.600   |                  |
|                                    | Nguyễn Thị Tựa chồng là Ngô Văn Sỹ     | Dầu                     | 68                     | 2            | 515,5                 | 515,5                  | 515,5               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 515,5  | 0,0            | LUK       | 36.085.000  | 0                                       | Lúa   | m <sup>2</sup> | 515,5    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 4.639.500                          | 7.732.500  | 180.425.000  | 228.882.000   |                  |
|                                    | Nguyễn Thị Tựa chồng là Ngô Văn Sỹ     | Dầu                     | 9                      | 1            | 79,2                  | 79,2                   | 79,2                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 79,2   | 0,0            | LUK       | 5.544.000   | 0                                       | Bạch đàn cao >3m; Đk góc <5cm                             | Cây            | 16,0     | 40.000  | 100%                                     | 80%  | 512.000                            | 1.188.000  | 27.720.000   | 34.964.000  |                  |
|                                    | Nguyễn Thị Tựa chồng là Ngô Văn Sỹ     |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |           | 0   | 0                                       | Vượt mặt độ dưới 100% Bạch đàn cao >3m; ĐK góc <5cm       | Cây            | 14,0     | 40.000  | 50%                                      | 80%  | 224.000                            | 0  | 0  | 224.000   |                  |
|                                    | Nguyễn Thị Tựa chồng là Ngô Văn Sỹ     | Dầu                     | 43                     | 2            | 118,8                 | 118,8                  | 118,8               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 118,8  | 0,0            | LUK       | 8.316.000   | 0                                       | Bạch đàn cao >3m; Đk góc <5cm                             | Cây            | 23,0     | 40.000  | 100%                                     | 80%  | 736.000                            | 1.782.000  | 41.580.000   | 52.414.000  |                  |
|                                    | Nguyễn Thị Tựa chồng là Ngô Văn Sỹ     |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |           | 0   | 0                                       | Vượt mặt độ từ 100% trở lên Bạch đàn cao >3m; ĐK góc <5cm | Cây            | 27,0     | 40.000  | 30%                                      | 80%  | 259.200                            | 0  | 0  | 259.200   |                  |
|                                    | Nguyễn Thị Tựa chồng là Ngô Văn Sỹ     | Dầu                     | 45                     | 2            | 80,4                  | 80,4                   | 80,4                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 80,4   | 0,0            | LUK       | 5.628.000   | 0                                       | Bạch đàn cao >3m; Đk góc <5cm                             | Cây            | 16,0     | 40.000  | 100%                                     | 80%  | 512.000                            | 1.206.000  | 28.140.000   | 35.486.000  |                  |
|                                    | Nguyễn Thị Tựa chồng là Ngô Văn Sỹ     |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |           | 0   | 0                                       | Vượt mặt độ từ 100% trở lên Bạch đàn cao >3m; Đk góc <5cm | Cây            | 21,0     | 40.000  | 30%                                      | 80%  | 201.600                            | 0  | 0  | 201.600   |                  |
| Nguyễn Thị Tựa chồng là Ngô Văn Sỹ | Dầu                                    | 30                      | 1                      | 23,1         | 23,1                  | 23,1                   | 0,0                 | 0,0                 |                   |   | 23,1   | 0,0  | LUK            | 1.617.000 | 0   | Bạch đàn cao >3m; Đk góc <5cm           | Cây   | 5              | 40.000   | 100%    | 80%                                      | 160.000  | 346.500                            | 8.085.000  | 10.208.500   |   |                  |
| 71                                 | Nguyễn Văn Chính                       | Dầu                     | 145                    | 5            | 315,4                 | 315,4                  | 315,4               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 315,4  | 0,0            | LUK       | 22.078.000  | 0                                       | Khoai lang  | m <sup>2</sup> | 315,4    | 26.900  | 100%                                     | 100%   | 8.484.260                          | 4.731.000  | 110.390.000  | 145.683.260   | 145.683.260      |
| 72                                 | Nguyễn Văn Chung (vợ là Ngô Thị Chín)  | Dầu                     | 11                     | 5            | 256,0                 | 256,0                  | 256,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 256,0  | 0,0            | LUK       | 17.920.000  | 0                                       | Lúa   | m <sup>2</sup> | 256,0    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 2.304.000                          | 3.840.000  | 89.600.000   | 113.664.000   | 113.664.000      |
| 73                                 | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch    | Dầu                     | 190                    | 4            | 354,3                 | 236,3                  | 236,3               | 0,0                 | 0,0               | 192   | 44,3   | 0,0  | 0,0            | LUK       | 16.541.000  | 0                                       | Lúa   | m <sup>2</sup> | 236,3    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 2.126.700                          | 3.544.500  | 67.200.000   | 89.412.200  | 89.412.200       |
|                                    | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bốn |                         |                        |              |                       | 118,0                  | 118,0               | 0,0                 | 0,0               | 0   | 118,0  | 0,0  | 0,0            | LUK       | 8.260.000   | 0                                       | Lúa   | m <sup>2</sup> | 236,3    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 2.126.700                          | 1.770.000  | 0  | 12.156.700  | 12.156.700       |
| 74                                 | Nguyễn Thị Sáu chồng là Nguyễn Văn Bốn | Dầu                     | 263                    | 4            | 232,2                 | 77,4                   | 77,4                | 0,0                 | 0,0               | 0   | 77,4   | 0,0  | 0,0            | LUK       | 5.418.000   | 0                                       | Lúa   | m <sup>2</sup> | 77,4     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 696.600                            | 1.161.000  | 0  | 7.275.600   | 7.275.600        |
|                                    | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch    | Dầu                     |                        |              |                       | 77,4                   | 77,4                | 0,0                 | 0,0               | 0   | 77,4   | 0,0  | 0,0            | LUK       | 5.418.000   | 0                                       | Lúa   | m <sup>2</sup> | 77,4     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 696.600                            | 1.161.000  | 0  | 7.275.600   | 7.275.600        |
| 75                                 | Nguyễn Đức Viện, vợ là Giáp Thị Nêm    | Dầu                     | 263                    | 4            | 232,2                 | 77,4                   | 77,4                | 0,0                 | 0,0               | 0   | 77,4   | 0,0  | 0,0            | LUK       | 5.418.000   | 0                                       | Lúa   | m <sup>2</sup> | 77,4     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 696.600                            | 1.161.000  | 0  | 7.275.600   | 7.275.600        |
| 76                                 | Nguyễn Văn Hường                       | Dầu                     | 248                    | 3            | 133,1                 | 133,1                  | 133,1               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 133,1  | 0,0            | LUK       | 9.317.000   | 0                                       | Lúa   | m <sup>2</sup> | 133,1    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.197.900                          | 1.996.500  | 0  | 12.511.400  | 826.387.200      |
|                                    | Nguyễn Văn Hường                       | Dầu                     | 262                    | 3            | 383,0                 | 383,0                  | 383,0               | 0,0                 | 0,0               | 383   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK       | 26.810.000  | 0                                       | Cây ổi ĐK góc 15-17cm                                     | Cây            | 39,0     | 961.000 | 100%                                     | 80%  | 29.983.200                         | 5.745.000  | 134.050.000  | 196.588.200   |                  |
|                                    | Nguyễn Văn Hường                       | Dầu                     | 145                    | 4            | 308,5                 | 308,5                  | 308,5               | 0,0                 | 0,0               | 308,5   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK       | 21.595.000  | 0                                       | Lúa   | m <sup>2</sup> | 308,5    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 2.776.500                          | 4.627.500  | 107.975.000  | 136.974.000   |                  |
|                                    | Nguyễn Văn Hường                       | Dầu                     | 213                    | 4            | 91,1                  | 91,1                   | 91,1                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 91,1   | 0,0            | LUK       | 6.377.000   | 0                                       | Lúa   | m <sup>2</sup> | 91,1     | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 819.900                            | 1.366.500  | 0  | 8.563.400   |                  |
|                                    | Nguyễn Văn Hường                       | Dầu                     | 223                    | 4            | 486,5                 | 486,5                  | 486,5               | 0,0                 | 0,0               | 486,5   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK       | 34.055.000  | 0                                       | Lúa   | m <sup>2</sup> | 486,5    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 4.378.500                          | 7.297.500  | 170.275.000  | 216.006.000   |                  |
|                                    | Nguyễn Văn Hường                       | Dầu                     | 336                    | 4            | 297,8                 | 297,8                  | 297,8               | 0,0                 | 0,0               | 297,8   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK       | 20.846.000  | 0                                       | Lúa   | m <sup>2</sup> | 297,8    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 2.680.200                          | 4.467.000  | 104.230.000  | 132.223.200   |                  |
|                                    | Nguyễn Văn Hường                       | Dầu                     | 407                    | 4            | 457,7                 | 457,7                  | 457,7               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 457,7  | 0,0            | LUK       | 32.039.000  | 0                                       | Lúa   | m <sup>2</sup> | 457,7    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 4.119.300                          | 6.865.500  | 0  | 43.023.800  |                  |
|                                    | Nguyễn Văn Hường                       | Dầu                     | 509                    | 4            | 181,3                 | 181,3                  | 181,3               | 0,0                 | 0,0               | 181,3   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK       | 12.691.000  | 0                                       | Lúa   | m <sup>2</sup> | 181,3    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.631.700                          | 2.719.500  | 63.455.000   | 80.497.200  |                  |
| 78                                 | Lê Thị Thái (con trai Nguyễn Văn Ngọc) | Dầu                     | 52                     | 2            | 280,0                 | 280,0                  | 280,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 280,0  | 0,0            | LUK       | 19.600.000  | 0                                       | Hoa lay on  | m <sup>2</sup> | 280,0    | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 17.304.000                         | 4.200.000  | 98.000.000   | 139.104.000   | 182.674.800      |
|                                    | Lê Thị Thái (con trai Nguyễn Văn Ngọc) | Dầu                     | 78                     | 2            | 193,5                 | 193,5                  | 193,5               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 49,5   | 144,0          | LUK       | 3.465.000   | 10.080.000                              | Hoa lay on  | m <sup>2</sup> | 193,5    | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 11.958.300                         | 742.500  | 17.325.000   | 43.570.800  |                  |
| 79                                 | Lê Thị Thái (Con trai Nguyễn Văn Ngọc) | Dầu                     | 60                     | 2            | 171,0                 | 171,0                  | 171,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 171,0  | 0,0            | LUK       | 11.970.000  | 0                                       | Hoa lay on  | m <sup>2</sup> | 171,0    | 61.800  | 100%                                     | 100%   | 10.567.800                         | 2.565.000  | 59.850.000   | 84.952.800  | 145.692.000      |
|                                    | Lê Thị Thái (Con trai Nguyễn Văn Ngọc) | Dầu                     | 475                    | 4            | 136,8                 | 136,8                  | 136,8               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 136,8  | 0,0            | LUK       | 9.576.000   | 0                                       | Lúa   | m <sup>2</sup> | 136,8    | 9.000   | 100%                                     | 100%   | 1.231.200                          | 2.052.000  | 47.880.000   | 60.739.200  |                  |
|                                    | Nguyễn Văn Quyển (Nguyễn Đức Khuyển)   | Dầu                     | 245                    | 3            | 138,2                 | 138,2                  | 138,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 138,2  | 0,0            | LUK       | 9.674.000   | 0                                       | Ổi ĐK góc 15-17cm   | Cây            | 15,0     | 961.000 | 100%                                     | 80%  | 11.532.000                         | 2.073.000  | 0  | 23.279.000  |                  |
|                                    | Nguyễn Văn Quyển (Nguyễn Đức Khuyển)   |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0         | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Ổi ĐK góc 15-17cm | Cây   | 6,0            | 961.000  | 100%    | 80%                                      | 4.612.800  | 0                                  | 0  | 4.612.800  |   |                  |

| STT | Họ và tên Chủ sử dụng đất                                 | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                       |                        |                     | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m2)                               |  |  |                |                       | Loại đất   | Bồi thường đất: d (Đất lúa: 70.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000đ/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 đ/m <sup>2</sup> )    | BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT |                |           |  |  |                  | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000đ/m2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: d (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000đ/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từng thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |                     |
|-----|---|-------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|-------------------|---|--|--|----------------|-----------------------|------------|---|---|---|----------------|-----------|--|--|------------------|------------------------------------|--|--|---|---------------------|
|     |   |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m2) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi   |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán trâu | Loại tài sản trên đất |            |   |   | Đơn vị tính                                 | Số lượng       | Đơn giá   | Tỷ lệ% của tài sản đúng hoặc vượt mặt độ | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích | Thành tiền: đồng |                                    |  |  |   |                     |
|     |   |                         |                        |              |                       |                        | Trong chỉ giới (m2) |                   |   |  |  |                |                       |            |   |   |   |                |           |  |  |                  |                                    |  |  |   | Ngoài chỉ giới (m2) |
| 80  | Nguyễn Văn Quyển (Nguyễn Đức Khuyến)                      |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Ôi ĐK gốc 11-13cm   | Cây   | 3,0            | 659.000   | 100%                                     | 80%  | 1.581.600        | 0                                  | 0  | 1.581.600  | 1.243.462.200   |                     |
|     | Nguyễn Văn Quyển (Nguyễn Đức Khuyến)                      | Dầu                     | 164                    | 4            | 583,0                 | 583,0                  | 583,0               | 0,0               | 0,0   | 456  | 127,0  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 40.810.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 583,0     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 5.247.000                          | 8.745.000  | 159.600.000  |   | 214.402.000         |
|     | Nguyễn Văn Quyển (Nguyễn Đức Khuyến)                      | Dầu                     | 167                    | 4            | 135,3                 | 135,3                  | 135,3               | 0,0               | 0,0   |  | 135,3  |                | 0,0                   | LUK        | 9.471.000   | 0   | Cà chua                                     | m <sup>2</sup> | 135,3     | 41.000                                   | 100%   | 100%             | 5.547.300                          | 2.029.500  | 0  |   | 17.047.800          |
|     | Nguyễn Văn Quyển (Nguyễn Đức Khuyến)                      | Dầu                     | 188                    | 4            | 225,5                 | 225,5                  | 225,5               | 0,0               | 0,0   |  | 225,5  |                | 0,0                   | LUK        | 15.785.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 225,5     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 2.029.500                          | 3.382.500  | 0  |   | 21.197.000          |
|     | Nguyễn Văn Quyển (Nguyễn Đức Khuyến)                      | Dầu                     | 239                    | 4            | 295,5                 | 295,5                  | 295,5               | 0,0               | 0,0   | 295,5  | 0,0  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 20.685.000  | 0   | Hoa lay on                                  | m <sup>2</sup> | 295,5     | 61.800                                   | 100%   | 100%             | 18.261.900                         | 4.432.500  | 103.425.000  |   | 146.804.400         |
|     | Nguyễn Văn Quyển (Nguyễn Đức Khuyến)                      | Dầu                     | 303                    | 4            | 298,8                 | 298,8                  | 298,8               | 0,0               | 0,0   | 192  | 106,8  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 20.916.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 298,8     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 2.689.200                          | 4.482.000  | 67.200.000   |   | 95.287.200          |
|     | Nguyễn Văn Quyển (Nguyễn Đức Khuyến)                      | Dầu                     | 406                    | 4            | 851,5                 | 851,5                  | 851,5               | 0,0               | 0,0   | 792  | 59,5   | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 59.605.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 851,5     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 7.663.500                          | 12.772.500   | 277.200.000  |   | 357.241.000         |
|     | Nguyễn Văn Quyển (Nguyễn Đức Khuyến)                      | Dầu                     | 543                    | 4            | 49,1                  | 49,1                   | 49,1                | 0,0               | 0,0   |  | 49,1   | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 3.437.000   | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 49,1      | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 441.900                            | 736.500  | 0  |   | 4.615.400           |
|     | Nguyễn Văn Quyển (Nguyễn Đức Khuyến)                      | Dầu                     | 652                    | 4            | 325,2                 | 325,2                  | 325,2               | 0,0               | 0,0   | 325,2  | 0,0  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 22.764.000  | 0   | Bưởi ĐK gốc từ 6-10cm                       | Cây            | 13,0      | 575.000                                  | 100%   | 80%              | 5.980.000                          | 4.878.000  | 113.820.000  |   | 147.442.000         |
|     | Nguyễn Văn Quyển (Nguyễn Đức Khuyến)                      | Dầu                     | 272                    | 3            | 507,6                 | 360,0                  | 360,0               | 0,0               | 0,0   | 360  | 0,0  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 25.200.000  | 0   | Cây Táo ĐK gốc > 20cm                       | Cây            | 26,0      | 2.565.000                                | 100%   | 80%              | 53.352.000                         | 5.400.000  | 126.000.000  |   | 209.952.000         |
| 81  | Phạm Thị Hương, anh trai là Phạm Văn Hưng (Phan Văn Hưng) |                         |                        |              | 147,6                 | 147,6                  | 0,0                 | 0,0               | 147,6   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 10.332.000 | 0   | Cây Táo Đk gốc 13-15cm                    | Cây   | 3,0            | 1.605.000 | 100%                                     | 80%  | 3.852.000        | 2.214.000                          | 51.660.000   | 68.058.000   | 68.058.000  |                     |
| 82  | Nguyễn Văn Quyển (Nguyễn Đức Khuyến)                      | Dầu                     | 120                    | 4            | 307,6                 | 192,0                  | 192,0               | 0,0               | 0,0   | 0  | 192,0  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 13.440.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 192,0     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.728.000                          | 2.880.000  | 0  | 18.048.000  | 18.048.000          |
| 83  | Nguyễn Đức Viên, vợ là Giáp Thị Nêm                       |                         |                        |              | 115,6                 | 115,6                  | 0,0                 | 0,0               | 0   | 115,6  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 8.092.000  | 0   | Lúa                                       | m <sup>2</sup>                              | 115,6          | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 1.040.400        | 1.734.000                          | 0  | 10.866.400   | 10.866.400  |                     |
| 84  | Nguyễn Văn Tâm  | Dầu                     | 18                     | 1            | 136,5                 | 136,5                  | 136,5               | 0,0               | 0,0   |  | 136,5  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 9.555.000   | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 136,5     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.228.500                          | 2.047.500  | 47.775.000   | 60.606.000  | 348.086.050         |
|     | Nguyễn Văn Tâm  | Dầu                     | 6                      | 5            | 297,6                 | 297,6                  | 297,6               | 0,0               | 0,0   |  | 297,6  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 20.832.000  | 0   | Hoa lay on                                  | m <sup>2</sup> | 297,6     | 61.800                                   | 100%   | 100%             | 18.391.680                         | 4.464.000  | 104.160.000  | 147.847.680   |                     |
|     | Nguyễn Văn Tâm  | Dầu                     | 143                    | 5            | 302,3                 | 302,3                  | 302,3               | 0,0               | 0,0   |  | 302,3  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 21.161.000  | 0   | Khoai lang                                  | m <sup>2</sup> | 302,3     | 26.900                                   | 100%   | 100%             | 8.131.870                          | 4.534.500  | 105.805.000  | 139.632.370   |                     |
| 85  | Phạm Thị Lan chồng là Phạm Quang Luyện                    | Dầu                     | 150                    | 4            | 86,3                  | 86,3                   | 86,3                | 0,0               | 0,0   |  | 86,3   | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 6.041.000   | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 86,3      | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 776.700                            | 1.294.500  | 0  | 8.112.200   | 37.083.000          |
|     | Phạm Thị Lan chồng là Phạm Quang Luyện                    | Dầu                     | 218                    | 4            | 308,2                 | 308,2                  | 308,2               | 0,0               | 0,0   |  | 308,2  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 21.574.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 308,2     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 2.773.800                          | 4.623.000  | 0  | 28.970.800  |                     |
| 86  | Phạm Thị Thơ (chồng là Nguyễn Văn Cấn)                    | Dầu                     | 144                    | 4            | 296,8                 | 296,8                  | 296,8               | 0,0               | 0,0   | 296,8  | 0,0  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 20.776.000  | 0   | Hoa lay on                                  | m <sup>2</sup> | 296,8     | 61.800                                   | 100%   | 100%             | 18.342.240                         | 4.452.000  | 103.880.000  | 147.450.240   | 1.746.805.900       |
|     | Phạm Thị Thơ (chồng là Nguyễn Văn Cấn)                    | Dầu                     | 20                     | 9            | 639,8                 | 639,8                  | 639,8               | 0,0               | 0,0   | 639,8  | 0,0  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 44.786.000  | 0   | Hoa lay on                                  | m <sup>2</sup> | 639,8     | 61.800                                   | 100%   | 100%             | 39.539.640                         | 9.597.000  | 223.930.000  | 317.852.640   |                     |
|     | Phạm Thị Thơ chồng là Nguyễn Văn Cấn                      | Dầu                     | 246                    | 3            | 85,5                  | 85,5                   | 85,5                | 0,0               | 0,0   |  | 85,5   | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 5.985.000   | 0   | Ôi ĐK gốc từ 8-11cm                         | Cây            | 10        | 508.000                                  | 100%   | 80%              | 4.064.000                          | 1.282.500  | 0  | 11.331.500  |                     |
|     | Phạm Thị Thơ chồng là Nguyễn Văn Cấn                      | Dầu                     | 104                    | 4            | 256,7                 | 256,7                  | 256,7               | 0,0               | 0,0   | 256,7  | 0,0  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 17.969.000  | 0   | Hoa lay on                                  | m <sup>2</sup> | 256,7     | 61.800                                   | 100%   | 100%             | 15.864.060                         | 3.850.500  | 89.845.000   | 127.528.560   |                     |
|     | Phạm Thị Thơ chồng là Nguyễn Văn Cấn                      | Dầu                     | 250                    | 4            | 292,9                 | 292,9                  | 292,9               | 0,0               | 0,0   | 292,9  | 0,0  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 20.503.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 292,9     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 2.636.100                          | 4.393.500  | 102.515.000  | 130.047.600   |                     |
|     | Phạm Thị Thơ chồng là Nguyễn Văn Cấn                      | Dầu                     | 251                    | 4            | 923,8                 | 923,8                  | 923,8               | 0,0               | 0,0   | 923,8  | 0,0  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 64.666.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 923,8     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 8.314.200                          | 13.857.000   | 323.330.000  | 410.167.200   |                     |
|     | Phạm Thị Thơ chồng là Nguyễn Văn Cấn                      | Dầu                     | 275                    | 4            | 366,2                 | 366,2                  | 366,2               | 0,0               | 0,0   | 366,2  | 0,0  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 25.634.000  | 0   | Hoa lay on                                  | m <sup>2</sup> | 366,2     | 61.800                                   | 100%   | 100%             | 22.631.160                         | 5.493.000  | 128.170.000  | 181.928.160   |                     |
|     | Phạm Thị Thơ chồng là Nguyễn Văn Cấn                      | Dầu                     | 276                    | 4            | 154,8                 | 154,8                  | 154,8               | 0,0               | 0,0   | 154,8  | 0,0  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 10.836.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 154,8     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.393.200                          | 2.322.000  | 54.180.000   | 68.731.200  |                     |
|     | Phạm Thị Thơ chồng là Nguyễn Văn Cấn                      | Dầu                     | 280                    | 4            | 227,3                 | 227,3                  | 227,3               | 0,0               | 0,0   |  | 227,3  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 15.911.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 227,3     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 2.045.700                          | 3.409.500  | 0  | 21.366.200  |                     |
|     | Phạm Thị Thơ chồng là Nguyễn Văn Cấn                      | Dầu                     | 305                    | 4            | 207,3                 | 207,3                  | 207,3               | 0,0               | 0,0   | 207,3  | 0,0  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 14.511.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 207,3     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.865.700                          | 3.109.500  | 72.555.000   | 92.041.200  |                     |
|     | Phạm Thị Thơ chồng là Nguyễn Văn Cấn                      | Dầu                     | 371                    | 4            | 151,6                 | 151,6                  | 151,6               | 0,0               | 0,0   |  | 151,6  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 10.612.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 151,6     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.364.400                          | 2.274.000  | 0  | 14.250.400  |                     |
|     | Phạm Thị Thơ chồng là Nguyễn Văn Cấn                      | Dầu                     | 465                    | 4            | 108,6                 | 108,6                  | 108,6               | 0,0               | 0,0   |  | 108,6  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 7.602.000   | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup> | 108,6     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 977.400                            | 1.629.000  | 0  | 10.208.400  |                     |
|     | Phạm Thị Thơ chồng là Nguyễn Văn Cấn                      | Dầu                     | 579                    | 4            | 122,0                 | 122,0                  | 122,0               | 0,0               | 0,0   | 122  | 0,0  | 0,0            | 0,0                   | LUK        | 8.540.000   | 0   | Cây Bưởi ĐK gốc 14-18cm                     | Cây            | 5,0       | 1.355.000                                | 100%   | 80%              | 5.420.000                          | 1.830.000  | 42.700.000   | 58.490.000  |                     |
|     | Phạm Thị Thơ chồng là Nguyễn Văn Cấn                      |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Bưởi ĐK gốc 14-18cm | Cây   | 1,0            | 1.355.000 | 100%                                     | 80%  | 1.084.000        | 0                                  | 0  | 1.084.000  |   |                     |

| STT          | Họ và tên Chủ sử dụng đất                                  | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                       |                        |                     | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m2)                               |  |  |               |                       | Loại đất   | Bồi thường đất: d (Đất lúa: 70.000 d/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000d/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 d/m <sup>2</sup> )             | BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT |                |           |  |  |                  | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000d/m2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: d (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 d/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000d/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từ thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |                     |
|--------------|--|-------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|-------------------|---|--|--|---------------|-----------------------|------------|---|--|---|----------------|-----------|--|--|------------------|------------------------------------|--|--|---|---------------------|
|              |  |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m2) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi   |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán thả | Loại tài sản trên đất |            |   |  | Đơn vị tính                                 | Số lượng       | Đơn giá   | Tỷ lệ% của tài sản đúng hoặc vượt mặt độ | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích | Thành tiền: đồng |                                    |  |  |   |                     |
|              |  |                         |                        |              |                       |                        | Trong chỉ giới (m2) |                   |   |  |  |               |                       |            |   |  |   |                |           |  |  |                  |                                    |  |  |   | Ngoài chỉ giới (m2) |
|              | Phạm Thị Thơ chồng là Nguyễn Văn Cấn                       |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |               |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Cây Ôi ĐK gốc 13-15cm        | Cây   | 3,0            | 810.000   | 100%                                     | 80%  | 1.944.000        | 0                                  | 0  | 1.944.000  |   |                     |
|              | Phạm Thị Thơ chồng là Nguyễn Văn Cấn                       | Dầu                     | 328                    | 4            | 278,7                 | 278,7                  | 278,7               | 0,0               | 0,0   | 278,7  | 0,0  | 0,0           | 0,0                   | LUK        | 19.509.000  | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 278,7     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 2.508.300                          | 4.180.500  | 97.545.000   | 123.742.800   |                     |
|              | Phạm Thị Thơ (chồng là Nguyễn Văn Cấn)                     | Dầu                     | 377                    | 4            | 304,7                 | 304,7                  | 304,7               | 0,0               | 0,0   |  | 304,7  | 0,0           | 0,0                   | LUK        | 21.329.000  | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 304,7     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 2.742.300                          | 4.570.500  | 0  | 28.641.800  |                     |
| 87           | Phạm Thị Thuận (Lư Thị Thuận)                              | Dầu                     | 183                    | 4            | 264,6                 | 264,6                  | 264,6               | 0,0               | 0,0   | 264,6  | 0,0  | 0,0           | 0,0                   | LUK        | 18.522.000  | 0  | Hoa lay on                                  | m <sup>2</sup> | 264,6     | 61.800                                   | 100%   | 100%             | 16.352.280                         | 3.969.000  | 92.610.000   | 131.453.280   |                     |
|              | Phạm Thị Thuận (Lư Thị Thuận)                              | Dầu                     | 306                    | 4            | 206,9                 | 206,9                  | 206,9               | 0,0               | 0,0   | 206,9  | 0,0  | 0,0           | 0,0                   | LUK        | 14.483.000  | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 206,9     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.862.100                          | 3.103.500  | 72.415.000   | 91.863.600  |                     |
|              | Phạm Thị Thuận (Lư Thị Thuận)                              | Dầu                     | 40                     | 9            | 207,2                 | 207,2                  | 207,2               | 0,0               | 0,0   | 207,2  | 0,0  | 0,0           | 0,0                   | LUK        | 14.504.000  | 0  | Táo ĐK gốc >20cm                            | Cây            | 13        | 2.565.000                                | 100%   | 80%              | 26.676.000                         | 3.108.000  | 72.520.000   | 116.808.000   | 512.672.880         |
|              | Phạm Thị Thuận (Lư Thị Thuận)                              |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |               |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Táo ĐK gốc >20cm             | Cây   | 1              | 2.565.000 | 100%                                     | 80%  | 2.052.000        | 0                                  | 0  | 2.052.000  |   |                     |
|              | Phạm Thị Thuận (Lư Thị Thuận)                              | Dầu                     | 375                    | 4            | 635,4                 | 384,0                  | 384,0               | 0,0               | 0,0   | 384  | 0,0  | 0,0           | 0,0                   | LUK        | 26.880.000  | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 384,0     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 3.456.000                          | 5.760.000  | 134.400.000  | 170.496.000   |                     |
| 88           | Phạm Thị Thơ chồng là Nguyễn Văn Cấn                       |                         |                        |              | 251,4                 | 251,4                  | 0,0                 | 0,0               | 0   | 251,4  | 0,0  | 0,0           | LUK                   | 17.598.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 251,4          | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 2.262.600        | 3.771.000                          | 0  | 23.631.600   | 23.631.600  |                     |
| 89           | Phạm Thị Tinh Chồng là Giáp Văn Xuân mẹ là Giáp Thị Khương | Dầu                     | 51                     | 5            | 379,5                 | 379,5                  | 379,5               | 0,0               | 0,0   |  |  | 379,5         | 0,0                   | LUK        | 26.565.000  | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 379,5     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 3.415.500                          | 5.692.500  | 132.825.000  | 168.498.000   | 168.498.000         |
| 90           | Phạm Văn Dũng  | Dầu                     | 79                     | 2            | 123,2                 | 123,2                  | 123,2               | 0,0               | 0,0   |  |  | 123,2         | 0,0                   | LUK        | 8.624.000   | 0  | Hoa lay on                                  | m <sup>2</sup> | 123,2     | 61.800                                   | 100%   | 100%             | 7.613.760                          | 1.848.000  | 43.120.000   | 61.205.760  | 61.205.760          |
|              | Phạm Văn Dũng  | Dầu                     | 84                     | 2            | 192,1                 | 192,1                  | 192,1               | 0,0               | 0,0   |  |  | 192,1         | 0,0                   | LUK        | 13.447.000  | 0  | Hoa lay on                                  | m <sup>2</sup> | 192,1     | 61.800                                   | 100%   | 100%             | 11.871.780                         | 2.881.500  | 67.235.000   | 95.435.280  | 163.855.680         |
|              | Phạm Văn Dũng  | Dầu                     | 123                    | 2            | 154,1                 | 154,1                  | 154,1               | 0,0               | 0,0   |  |  | 154,1         | 0,0                   | LUK        | 10.787.000  | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 154,1     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.386.900                          | 2.311.500  | 53.935.000   | 68.420.400  |                     |
| 91           | Phạm Văn Sơn   | Dầu                     | 94                     | 5            | 180,1                 | 180,1                  | 180,1               | 0,0               | 0,0   |  |  | 180,1         | 0,0                   | LUK        | 12.607.000  | 0  | Ngô   | m <sup>2</sup> | 180,1     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.620.900                          | 2.701.500  | 63.035.000   | 79.964.400  |                     |
|              | Phạm Văn Sơn   | Dầu                     | 32                     | 1            | 98,4                  | 98,4                   | 98,4                | 0,0               | 0,0   |  |  | 0,0           | 98,4                  | LUK        | 0   | 6.888.000  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 98,4      | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 885.600                            | 0  | 0  | 7.773.600   |                     |
|              | Phạm Văn Sơn   | Dầu                     | 22                     | 2            | 243,7                 | 243,7                  | 243,7               | 0,0               | 0,0   |  |  | 243,7         | 0,0                   | LUK        | 17.059.000  | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 243,7     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 2.193.300                          | 3.655.500  | 85.295.000   | 108.202.800   |                     |
|              | Phạm Văn Sơn   | Dầu                     | 126                    | 2            | 102,5                 | 102,5                  | 102,5               | 0,0               | 0,0   |  |  | 102,5         | 0,0                   | LUK        | 7.175.000   | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 102,5     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 922.500                            | 1.537.500  | 35.875.000   | 45.510.000  |                     |
|              | Phạm Văn Sơn   | Dầu                     | 134                    | 5            | 102,7                 | 102,7                  | 102,7               | 0,0               | 0,0   |  |  | 102,7         | 0,0                   | LUK        | 7.189.000   | 0  | Bạch đàn ĐK gốc từ trên 13-<20cm            | Cây            | 21        | 163.000                                  | 100%   | 80%              | 2.738.400                          | 1.540.500  | 35.945.000   | 47.412.900  |                     |
|              | Phạm Văn Sơn   | Dầu                     | 135                    | 5            | 126,1                 | 126,1                  | 126,1               | 0,0               | 0,0   |  |  | 126,1         | 0,0                   | LUK        | 8.827.000   | 0  | Bạch đàn ĐK gốc từ trên 13-<20cm            | Cây            | 25        | 163.000                                  | 100%   | 80%              | 3.260.000                          | 1.891.500  | 44.135.000   | 58.113.500  |                     |
|              | Phạm Văn Sơn   |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |               |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Bạch đàn đk gốc 5-10cm       | Cây   | 11             | 118.000   | 30%                                      | 80%  | 311.520          | 0                                  | 0  | 311.520  |   |                     |
|              | Phạm Văn Sơn   |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |               |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Bạch đàn đk gốc 13-20cm      | Cây   | 3              | 163.000   | 30%                                      | 80%  | 117.360          | 0                                  | 0  | 117.360  |   |                     |
|              | Phạm Văn Sơn   | Dầu                     | 154                    | 5            | 115,3                 | 115,3                  | 115,3               | 0,0               | 0,0   |  |  | 115,3         | 0,0                   | LUK        | 8.071.000   | 0  | Bạch đàn ĐK gốc từ trên 13-<20cm            | Cây            | 23        | 163.000                                  | 100%   | 80%              | 2.999.200                          | 1.729.500  | 40.355.000   | 53.154.700  |                     |
|              | Phạm Văn Sơn   |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |               |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ từ 100% trở lên Bạch đàn đk gốc 5-10cm | Cây   | 26             | 118.000   | 30%                                      | 80%  | 736.320          | 0                                  | 0  | 736.320  |   |                     |
|              | Phạm Văn Sơn   | Dầu                     | 153                    | 5            | 177,7                 | 177,7                  | 177,7               | 0,0               | 0,0   |  |  | 177,7         | 0,0                   | LUK        | 12.439.000  | 0  | Bạch đàn ĐK gốc từ trên 13-<20cm            | Cây            | 15,0      | 163.000                                  | 100%   | 80%              | 1.956.000                          | 2.665.500  | 62.195.000   | 79.255.500  |                     |
|              | Phạm Văn Sơn   | Dầu                     | 260                    | 5            | 360,4                 | 360,4                  | 360,4               | 0,0               | 0,0   |  |  | 360,4         | 0,0                   | LUK        | 25.228.000  | 0  | Khoai lang                                  | m <sup>2</sup> | 360,4     | 26.900                                   | 100%   | 100%             | 9.694.760                          | 5.406.000  | 126.140.000  | 166.468.760   |                     |
|              | Phạm Văn Sơn   | Dầu                     | 39                     | 2            | 307,7                 | 307,7                  | 307,7               | 0,0               | 0,0   |  |  | 307,7         | 0,0                   | LUK        | 21.539.000  | 0  | Hoa lay on                                  | m <sup>2</sup> | 307,7     | 61.800                                   | 100%   | 100%             | 19.015.860                         | 4.615.500  | 107.695.000  | 152.865.360   |                     |
| Phạm Văn Sơn | Dầu  | 64                      | 2                      | 134,0        | 134,0                 | 134,0                  | 0,0                 | 0,0               |   |  | 134,0  | 0,0           | LUK                   | 9.380.000  | 0   | Hoa lay on   | m <sup>2</sup>                              | 134,0          | 61.800    | 100%                                     | 100%   | 8.281.200        | 2.010.000                          | 46.900.000   | 66.571.200   |   |                     |
| 92           | Phan Thị Tư chồng là Giáp Văn Thường con là Giáp Văn Sơn   | Dầu                     | 380                    | 4            | 287,7                 | 287,7                  | 287,7               | 0,0               | 0,0   |  |  | 287,7         | 0,0                   | LUK        | 20.139.000  | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 287,7     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 2.589.300                          | 4.315.500  | 100.695.000  | 127.738.800   | 127.738.800         |
|              | Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh)       | Dầu                     | 228                    | 3            | 126,6                 | 126,6                  | 126,6               | 0,0               | 0,0   |  |  | 126,6         | 0,0                   | LUK        | 8.862.000   | 0  | Lúa   | m <sup>2</sup> | 126,6     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.139.400                          | 1.899.000  | 0  | 11.900.400  |                     |
|              | Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh)       | Dầu                     | 278                    | 3            | 289,2                 | 289,2                  | 289,2               | 0,0               | 0,0   |  |  | 289,2         | 0,0                   | LUK        | 20.244.000  | 0  | Nhãn ĐK gốc từ 15-20cm                      | Cây            | 4         | 1.610.000                                | 100%   | 80%              | 5.152.000                          | 4.338.000  | 0  | 29.734.000  |                     |
|              | Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh)       |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |               |                       | 0          | 0   | Nhãn ĐK gốc từ 10-15cm                             | Cây   | 7              | 930.000   | 100%                                     | 80%  | 5.208.000        | 0                                  | 0  | 5.208.000  |   |                     |
|              | Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh)       |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |               |                       | 0          | 0   | Ôi ĐK từ 13-15cm                                   | Cây   | 2              | 810.000   | 100%                                     | 80%  | 1.296.000        | 0                                  | 0  | 1.296.000  |   |                     |

| STT  | Họ và tên Chủ sử dụng đất                            | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                       |                        |                     |                     | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m2)                               |  |  |                |             | Loại đất   | Bồi thường đất: đ (Đất lúa: 70.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000đ/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 đ/m <sup>2</sup> )             | BÔI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT |           |  |  |                  |                       | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000đ/m2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: đ (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000đ/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từ thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |
|--|--|-------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|---------------------|-------------------|---|--|--|----------------|-------------|------------|---|--|---|-----------|--|--|------------------|-----------------------|------------------------------------|--|--|---|
|  |  |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m2) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi   |                     |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán trâu | Đơn vị tính |            |   |  | số lượng                                    | Đơn giá   | Tỷ lệ% của tài sản đúng hoặc vượt mặt độ | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích | Thành tiền: đồng |                       |                                    |  |  |   |
|  |  |                         |                        |              |                       |                        | Trong chỉ giới (m2) | Ngoài chỉ giới (m2) |                   |   |  |  |                |             |            |   |  |   |           |  |  |                  | Loại tài sản trên đất |                                    |  |  |   |
| 94   | Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh) | Dầu                     | 141                    | 4            | 306,4                 | 306,4                  | 306,4               | 0,0                 | 0,0               | 306,4   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 21.448.000 | 0   | Cỏ voi   | m <sup>2</sup>                              | 306,4     | 26.400                                   | 100%   | 100%             | 8.088.960             | 4.596.000                          | 107.240.000  | 141.372.960  | 1.102.910.900   |
|  | Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh) | Dầu                     | 148                    | 4            | 140,5                 | 140,5                  | 140,5               | 0,0                 | 0,0               |   | 140,5  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 9.835.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 140,5     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.264.500             | 2.107.500                          | 0  | 13.207.000   |   |
|  | Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh) | Dầu                     | 220                    | 4            | 620,5                 | 620,5                  | 620,5               | 0,0                 | 0,0               | 620,5   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 43.435.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 620,5     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 5.584.500             | 9.307.500                          | 217.175.000  | 275.502.000  |   |
|  | Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh) | Dầu                     | 252                    | 4            | 396,3                 | 396,3                  | 396,3               | 0,0                 | 0,0               | 396,3   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 27.741.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 396,3     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 3.566.700             | 5.944.500                          | 138.705.000  | 175.957.200  |   |
|  | Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh) | Dầu                     | 329                    | 4            | 132,4                 | 132,4                  | 132,4               | 0,0                 | 0,0               |   | 132,4  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 9.268.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 132,4     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.191.600             | 1.986.000                          | 0  | 12.445.600   |   |
|  | Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh) | Dầu                     | 330                    | 4            | 30,0                  | 30,0                   | 30,0                | 0,0                 | 0,0               |   | 30,0   | 0,0  | 0,0            | LUK         | 2.100.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 30,0      | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 270.000               | 450.000                            | 0  | 2.820.000  |   |
|  | Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh) | Dầu                     | 331                    | 4            | 110,9                 | 110,9                  | 110,9               | 0,0                 | 0,0               |   | 110,9  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 7.763.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 110,9     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 998.100               | 1.663.500                          | 0  | 10.424.600   |   |
|  | Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh) | Dầu                     | 337                    | 4            | 168,9                 | 168,9                  | 168,9               | 0,0                 | 0,0               |   | 168,9  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 11.823.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 168,9     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.520.100             | 2.533.500                          | 0  | 15.876.600   |   |
|  | Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh) | Dầu                     | 339                    | 4            | 376,4                 | 376,4                  | 376,4               | 0,0                 | 0,0               | 376,4   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 26.348.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 376,4     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 3.387.600             | 5.646.000                          | 131.740.000  | 167.121.600  |   |
|  | Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh) | Dầu                     | 376                    | 4            | 293,0                 | 293,0                  | 293,0               | 0,0                 | 0,0               |   | 293,0  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 20.510.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 293,0     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 2.637.000             | 4.395.000                          | 0  | 27.542.000   |   |
|  | Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh) | Dầu                     | 513                    | 4            | 142,3                 | 142,3                  | 142,3               | 0,0                 | 0,0               |   | 142,3  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 9.961.000  | 0   | Hoa lay on   | m <sup>2</sup>                              | 142,3     | 61.800                                   | 100%   | 100%             | 8.794.140             | 2.134.500                          | 0  | 20.889.640   |   |
|  | Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh) | Dầu                     | 607                    | 4            | 212,9                 | 212,9                  | 212,9               | 0,0                 | 0,0               | 212,9   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 14.903.000 | 0   | Nhân ĐK gốc từ 10-20cm                             | Cây   | 9,0       | 1.610.000                                | 100%   | 80%              | 11.592.000            | 3.193.500                          | 74.515.000   | 104.203.500  |   |
|  | Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh) |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |             | 0          | 0   | Vượt mặt độ từ 300% trở lên Nhân ĐK gốc từ 10-20cm | Cây   | 16,0      | 1.610.000                                | 50%  | 80%              | 10.304.000            | 0                                  | 0  | 10.304.000   |   |
|  | Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh) |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |             | 0          | 0   | Vượt mặt độ từ 300% trở lên Ôi ĐK gốc từ 8-11cm    | cây   | 20,0      | 508.000                                  | 50%  | 80%              | 4.064.000             | 0                                  | 0  | 4.064.000  |   |
| Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh) |  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0           | 0          | Vượt mặt độ từ 300% trở lên Chuối đã có quả   | Khóm   | 1,0   | 132.500   | 50%                                      | 80%  | 53.000           | 0                     | 0                                  | 53.000   |  |   |
| Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh) |  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0           | 0          | Khối xây tường gạch cay xi 110mm (124*1,4*0,11), + Khối xây tường gạch cay xi           | m <sup>3</sup>                                     | 22,0  | 1.140.000 | 100%                                     | 80%  | 20.064.000       | 0                     | 0                                  | 20.064.000   |  |   |
| Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh) | Dầu  | 609                     | 4                      | 119,2        | 119,2                 | 119,2                  | 0,0                 | 0,0                 | 119,2             | 0,0   | 0,0  | 0,0  | LUK            | 8.344.000   | 0          | Lúa   | m <sup>2</sup>                                     | 119,2                                       | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 1.072.800        | 1.788.000             | 41.720.000                         | 52.924.800   |  |   |
| 94   | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch                  | Dầu                     | 610                    | 4            | 320,9                 | 320,9                  | 320,9               | 0,0                 | 0,0               | 320,9   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 22.463.000 | 0   | Ôi ĐK gốc từ 8-11cm                                | Cây   | 30        | 508.000                                  | 100%   | 80%              | 12.192.000            | 4.813.500                          | 112.315.000  | 151.783.500  | 2.229.816.690   |
|  | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch                  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0           | 0          | Ôi ĐK gốc từ 5-8cm  | Cây  | 4   | 357.000   | 100%                                     | 80%  | 1.142.400        | 0                     | 0                                  | 1.142.400  |  |   |
|  | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch                  | Dầu                     | 523                    | 4            | 29,5                  | 29,5                   | 29,5                | 0,0                 | 0,0               |   | 29,5   | 0,0  | 0,0            | LUK         | 2.065.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 29,5      | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 265.500               | 442.500                            | 0  | 2.773.000  |   |
|  | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch                  | Dầu                     | 258                    | 3            | 132,7                 | 132,7                  | 132,7               | 0,0                 | 0,0               |   | 132,7  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 9.289.000  | 0   | Ôi ĐK gốc 11-13cm                                  | Cây   | 7         | 659.000                                  | 100%   | 80%              | 3.690.400             | 1.990.500                          | 0  | 14.969.900   |   |
|  | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch                  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0           | 0          | Ôi ĐK gốc 5-8cm   | Cây  | 8   | 357.000   | 100%                                     | 80%  | 2.284.800        | 0                     | 0                                  | 2.284.800  |  |   |
|  | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch                  |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                | 0           | 0          | Vượt mặt độ dưới 100% Ôi ĐK gốc 5-8cm   | Cây  | 2   | 357.000   | 100%                                     | 80%  | 571.200          | 0                     | 0                                  | 571.200  |  |   |
|  | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch                  | Dầu                     | 143                    | 4            | 474,8                 | 474,8                  | 474,8               | 0,0                 | 0,0               | 474,8   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 33.236.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 474,8     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 4.273.200             | 7.122.000                          | 166.180.000  | 210.811.200  |   |
|  | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch                  | Dầu                     | 215                    | 4            | 100,3                 | 100,3                  | 100,3               | 0,0                 | 0,0               |   | 100,3  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 7.021.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 100,3     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 902.700               | 1.504.500                          | 0  | 9.428.200  |   |
|  | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch                  | Dầu                     | 225                    | 4            | 1.029,9               | 1.029,9                | 1.029,9             | 0,0                 | 0,0               | 1029,9  | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 72.093.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 1.029,9   | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 9.269.100             | 15.448.500                         | 360.465.000  | 457.275.600  |   |
|  | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch                  | Dầu                     | 248                    | 4            | 269,2                 | 269,2                  | 269,2               | 0,0                 | 0,0               |   | 269,2  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 18.844.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 269,2     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 2.422.800             | 4.038.000                          | 0  | 25.304.800   |   |
|  | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch                  | Dầu                     | 265                    | 4            | 123,3                 | 123,3                  | 123,3               | 0,0                 | 0,0               | 123,3   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 8.631.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 123,3     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 1.109.700             | 1.849.500                          | 43.155.000   | 54.745.200   |   |
|  | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch                  | Dầu                     | 267                    | 4            | 346,3                 | 346,3                  | 346,3               | 0,0                 | 0,0               |   | 346,3  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 24.241.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 346,3     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 3.116.700             | 5.194.500                          | 0  | 32.552.200   |   |
|  | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch                  | Dầu                     | 272                    | 4            | 329,1                 | 329,1                  | 329,1               | 0,0                 | 0,0               | 329,1   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 23.037.000 | 0   | Bắp cải  | m <sup>2</sup>                              | 329,1     | 33.900                                   | 100%   | 100%             | 11.156.490            | 4.936.500                          | 115.185.000  | 154.314.990  |   |
|  | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch                  | Dầu                     | 277                    | 4            | 360,5                 | 360,5                  | 360,5               | 0,0                 | 0,0               | 240   | 120,5  | 0,0  | 0,0            | LUK         | 25.235.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 360,5     | 9.000                                    | 100%   | 100%             | 3.244.500             | 5.407.500                          | 84.000.000   | 117.887.000  |   |
| Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch                  | Dầu  | 296                     | 4                      | 307,4        | 307,4                 | 307,4                  | 0,0                 | 0,0                 |                   | 307,4   | 0,0  | 0,0  | LUK            | 21.518.000  | 0          | Lúa   | m <sup>2</sup>                                     | 307,4                                       | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 2.766.600        | 4.611.000             | 0                                  | 28.895.600   |  |   |

| STT | Họ và tên Chủ sử dụng đất   | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                       |                        |                     |                     | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m2)                               |  |  |                |                       | Loại đất   | Bồi thường đất: d (Đất lúa: 70.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000đ/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 đ/m <sup>2</sup> )     | BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT |          |           |  |  |                  | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000đ/m2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: d (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000đ/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từng thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |
|-----|---|-------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|---------------------|-------------------|---|--|--|----------------|-----------------------|------------|---|--|---|----------|-----------|--|--|------------------|------------------------------------|--|--|---|
|     |   |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m2) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi   |                     |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán trâu |                       |            |   |  |   |          |           |  |  |                  |                                    |  |  |   |
|     |   |                         |                        |              |                       |                        | Trong chỉ giới (m2) | Ngoài chỉ giới (m2) |                   |   |  |  |                | Loại tài sản trên đất |            |   |  | Đơn vị tính                                 | số lượng | Đơn giá   | Tỷ lệ% của tài sản đúng hoặc vượt mặt độ | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích | Thành tiền: đồng |                                    |  |  |   |
|     | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch   | Dầu                     | 333                    | 4            | 349,5                 | 349,5                  | 349,5               | 0,0                 | 0,0               | 349,5   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 24.465.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 349,5    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 3.145.500        | 5.242.500                          | 122.325.000  | 155.178.000  |   |
|     | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch   | Dầu                     | 340                    | 4            | 430,1                 | 430,1                  | 430,1               | 0,0                 | 0,0               | 360   | 70,1   | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 30.107.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 430,1    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 3.870.900        | 6.451.500                          | 126.000.000  | 166.429.400  |   |
|     | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch   | Dầu                     | 461                    | 4            | 434,7                 | 434,7                  | 434,7               | 0,0                 | 0,0               | 434,7   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 30.429.000 | 0   | Rau họ đậu                                 | m <sup>2</sup>                              | 434,7    | 37.500    | 100%                                     | 100%   | 16.301.250       | 6.520.500                          | 152.145.000  | 205.395.750  |   |
|     | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch   | Dầu                     | 529                    | 4            | 78,8                  | 78,8                   | 78,8                | 0,0                 | 0,0               |   | 78,8   | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 5.516.000  | 0   | Rau họ đậu                                 | m <sup>2</sup>                              | 78,8     | 37.500    | 100%                                     | 100%   | 2.955.000        | 1.182.000                          | 0  | 9.653.000  |   |
|     | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch   | Dầu                     | 531                    | 4            | 20,3                  | 20,3                   | 20,3                | 0,0                 | 0,0               |   | 20,3   | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 1.421.000  | 0   | Rau họ đậu                                 | m <sup>2</sup>                              | 20,3     | 37.500    | 100%                                     | 100%   | 761.250          | 304.500                            | 0  | 2.486.750  |   |
|     | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch   | Dầu                     | 632                    | 4            | 226,5                 | 226,5                  | 226,5               | 0,0                 | 0,0               | 226,5   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 15.855.000 | 0   | Ôi ĐK gốc từ 5-8cm                         | Cây   | 25       | 357.000   | 100%                                     | 80%  | 7.140.000        | 3.397.500                          | 79.275.000   | 105.667.500  |   |
|     | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch   |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Ôi ĐK gốc từ 5-8cm   | Cây   | 2        | 357.000   | 100%                                     | 80%  | 571.200          | 0                                  | 0  | 571.200  |   |
|     | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch   | Dầu                     | 651                    | 4            | 195,5                 | 195,5                  | 195,5               | 0,0                 | 0,0               | 195,5   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 13.685.000 | 0   | Bưởi ĐK gốc từ 18-22cm                     | Cây   | 7        | 1.745.000 | 100%                                     | 80%  | 9.772.000        | 2.932.500                          | 68.425.000   | 94.814.500   |   |
|     | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch   |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Ôi ĐK từ 13-15cm                           | Cây   | 3        | 810.000   | 100%                                     | 80%  | 1.944.000        | 0                                  | 0  | 1.944.000  |   |
|     | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch   |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Ôi ĐK từ 13-15cm     | Cây   | 9        | 810.000   | 100%                                     | 80%  | 5.832.000        | 0                                  | 0  | 5.832.000  |   |
|     | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch   | Dầu                     | 670                    | 4            | 451,0                 | 451,0                  | 451,0               | 0,0                 | 0,0               | 451   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 31.570.000 | 0   | Ôi ĐK gốc từ 8-10cm                        | Cây   | 50,0     | 508.000   | 100%                                     | 80%  | 20.320.000       | 6.765.000                          | 157.850.000  | 216.505.000  |   |
|     | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch   |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     | 0,0               |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Nhân ĐK < 3cm        | Cây   | 2,0      | 90.000    | 100%                                     | 80%  | 144.000          | 0                                  | 0  | 144.000  |   |
|     | Nguyễn Văn Gậy, vợ là Phạm Thị Mạch   |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     | 0,0               |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Mít ĐK gốc từ 5-10cm | Cây   | 2,0      | 285.000   | 100%                                     | 80%  | 456.000          | 0                                  | 0  | 456.000  |   |
| 96  | Nguyễn Thị Oanh   | Dầu                     | 216                    | 3            | 72,6                  | 72,6                   | 72,6                | 0,0                 | 0,0               |   | 72,6   |  |                | LUK                   | 5.082.000  | 0   | Bạch đàn ĐK gốc từ 10-13cm                 | Cây   | 13,0     | 123.000   | 100%                                     | 80%  | 1.279.200        | 1.089.000                          | 0  | 7.450.200  |   |
|     | Nguyễn Văn Tám, vợ là Nguyễn Thị Tâm  | Dầu                     | 182                    | 4            | 441,8                 | 441,8                  | 441,8               | 0,0                 | 0,0               | 441,8   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 30.926.000 | 0   | Hoa lay on                                 | m <sup>2</sup>                              | 441,8    | 61.800    | 100%                                     | 100%   | 27.303.240       | 6.627.000                          | 154.630.000  | 219.486.240  |   |
|     | Nguyễn Văn Tám, vợ là Nguyễn Thị Tâm  | Dầu                     | 166                    | 4            | 235,1                 | 235,1                  | 235,1               | 0,0                 | 0,0               |   | 235,1  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 16.457.000 | 0   | Cà chua                                    | m <sup>2</sup>                              | 235,1    | 41.000    | 100%                                     | 100%   | 9.639.100        | 3.526.500                          | 0  | 29.622.600   |   |
|     | Nguyễn Văn Tám, vợ là Nguyễn Thị Tâm  | Dầu                     | 244                    | 4            | 313,1                 | 313,1                  | 313,1               | 0,0                 | 0,0               | 313,1   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 21.917.000 | 0   | Dưa lấy quả                                | m <sup>2</sup>                              | 313,1    | 53.500    | 100%                                     | 100%   | 16.750.850       | 4.696.500                          | 109.585.000  | 152.949.350  |   |
|     | Nguyễn Văn Tám, vợ là Nguyễn Thị Tâm  | Dầu                     | 253                    | 4            | 603,9                 | 603,9                  | 603,9               | 0,0                 | 0,0               | 603,9   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 42.273.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 603,9    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 5.435.100        | 9.058.500                          | 211.365.000  | 268.131.600  |   |
|     | Nguyễn Văn Tám, vợ là Nguyễn Thị Tâm  | Dầu                     | 254                    | 4            | 164,9                 | 164,9                  | 164,9               | 0,0                 | 0,0               | 164,9   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 11.543.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 164,9    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 1.484.100        | 2.473.500                          | 57.715.000   | 73.215.600   |   |
|     | Nguyễn Văn Tám, vợ là Nguyễn Thị Tâm  | Dầu                     | 268                    | 4            | 53,3                  | 53,3                   | 53,3                | 0,0                 | 0,0               |   | 53,3   | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 3.731.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 53,3     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 479.700          | 799.500                            | 0  | 5.010.200  |   |
| 97  | Nguyễn Văn Tám, vợ là Nguyễn Thị Tâm  | Dầu                     | 311                    | 4            | 381,8                 | 381,8                  | 381,8               | 0,0                 | 0,0               |   | 381,8  |  | 0,0            | LUK                   | 26.726.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 381,8    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 3.436.200        | 5.727.000                          | 0  | 35.889.200   |   |
|     | Nguyễn Văn Tám, vợ là Nguyễn Thị Tâm  | Dầu                     | 335                    | 4            | 303,5                 | 303,5                  | 303,5               | 0,0                 | 0,0               | 120   | 183,5  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 21.245.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 303,5    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 2.731.500        | 4.552.500                          | 42.000.000   | 70.529.000   |   |
|     | Nguyễn Văn Tám, vợ là Nguyễn Thị Tâm  | Dầu                     | 501                    | 4            | 259,6                 | 259,6                  | 259,6               | 0,0                 | 0,0               | 259,6   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 18.172.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 259,6    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 2.336.400        | 3.894.000                          | 90.860.000   | 115.262.400  |   |
|     | Nguyễn Văn Tám, vợ là Nguyễn Thị Tâm  | Dầu                     | 532                    | 4            | 234,6                 | 234,6                  | 234,6               | 0,0                 | 0,0               |   | 234,6  |  | 0,0            | LUK                   | 16.422.000 | 0   | Hoa lay on                                 | m <sup>2</sup>                              | 234,6    | 61.800    | 100%                                     | 100%   | 14.498.280       | 3.519.000                          | 0  | 34.439.280   |   |
|     | Nguyễn Văn Tám, vợ là Nguyễn Thị Tâm  | Dầu                     | 542                    | 4            | 40,1                  | 40,1                   | 40,1                | 0,0                 | 0,0               |   | 40,1   | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 2.807.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 40,1     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 360.900          | 601.500                            | 0  | 3.769.400  |   |
|     | Nguyễn Văn Tám, vợ là Nguyễn Thị Tâm  | Dầu                     | 545                    | 4            | 616,6                 | 616,6                  | 616,6               | 0,0                 | 0,0               | 480   | 136,6  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 43.162.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 616,6    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 5.549.400        | 9.249.000                          | 168.000.000  | 225.960.400  |   |
|     | Nguyễn Văn Tám, vợ là Nguyễn Thị Tâm  | Dầu                     | 554                    | 4            | 250,7                 | 250,7                  | 250,7               | 0,0                 | 0,0               | 168   | 82,7   | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 17.549.000 | 0   | Đậu cove                                   | m <sup>2</sup>                              | 250,7    | 37.500    | 100%                                     | 100%   | 9.401.250        | 3.760.500                          | 58.800.000   | 89.510.750   |   |
| 97  | Nguyễn Văn Tám, vợ là Nguyễn Thị Tâm  | Dầu                     | 533                    | 4            | 174,6                 | 116,4                  | 116,4               | 0,0                 | 58,2              | 0   | 116,4  | 0,0  | 0,0            | BHK                   | 8.148.000  | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 116,4    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 1.047.600        | 1.746.000                          | 0  | 10.941.600   |   |
|     | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Cán và Nguyễn Văn Viên | Dầu                     | 146                    | 4            | 196,6                 | 196,6                  | 196,6               | 0,0                 | 0,0               | 196,6   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 13.762.000 | 0   | Lúa  | m <sup>2</sup>                              | 196,6    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 1.769.400        | 2.949.000                          | 68.810.000   | 87.290.400   |   |
|     | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Cán và Nguyễn Văn Viên | Dầu                     | 185                    | 4            | 233,5                 | 233,5                  | 233,5               | 0,0                 | 0,0               | 233,5   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 16.345.000 | 0   | Hoa lay on                                 | m <sup>2</sup>                              | 233,5    | 61.800    | 100%                                     | 100%   | 14.430.300       | 3.502.500                          | 81.725.000   | 116.002.800  |   |
|     | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Cán và Nguyễn Văn Viên | Dầu                     | 209                    | 4            | 305,4                 | 305,4                  | 305,4               | 0,0                 | 0,0               | 305,4   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 21.378.000 | 0   | Hoa lay on                                 | m <sup>2</sup>                              | 305,4    | 61.800    | 100%                                     | 100%   | 18.873.720       | 4.581.000                          | 106.890.000  | 151.722.720  |   |
|     | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Cán và Nguyễn Văn Viên | Dầu                     | 211                    | 4            | 162,1                 | 162,1                  | 162,1               | 0,0                 | 0,0               | 162,1   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 11.347.000 | 0   | Hoa lay on                                 | m <sup>2</sup>                              | 162,1    | 61.800    | 100%                                     | 100%   | 10.017.780       | 2.431.500                          | 56.735.000   | 80.531.280   |   |

| STT   | Họ và tên Chủ sử dụng đất   | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                       |                        |                     |                     | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m2)                               |  |  |                |                       | Loại đất   | Bồi thường đất: d (Đất lúa: 70.000 d/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000d/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 d/m <sup>2</sup> )    | BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT |          |           |  |  |                  | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000d/m2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: d (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 d/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000d/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từng thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |
|---|---|-------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|---------------------|-------------------|---|--|--|----------------|-----------------------|------------|---|---|---|----------|-----------|--|--|------------------|------------------------------------|--|--|---|
|   |   |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m2) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi   |                     |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán trâu | Loại tài sản trên đất |            |   |   | Đơn vị tính                                 | Số lượng | Đơn giá   | Tỷ lệ% của tài sản đúng hoặc vượt mặt độ | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích | Thành tiền: đồng |                                    |  |  |   |
|   |   |                         |                        |              |                       |                        | Trong chi giới (m2) | Ngoài chi giới (m2) |                   |   |  |  |                |                       |            |   |   |   |          |           |  |  |                  |                                    |  |  |   |
| 98  | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên | Dầu                     | 292                    | 4            | 270,1                 | 270,1                  | 270,1               | 0,0                 | 0,0               | 270,1   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 18.907.000 | 0   | Lúa                                       | m <sup>2</sup>                              | 270,1    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 2.430.900        | 4.051.500                          | 94.535.000   | 119.924.400  | 1.833.006.860   |
|   | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên | Dầu                     | 309                    | 4            | 314,8                 | 314,8                  | 314,8               | 0,0                 | 0,0               | 314,8   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 22.036.000 | 0   | Lúa                                       | m <sup>2</sup>                              | 314,8    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 2.833.200        | 4.722.000                          | 110.180.000  | 139.771.200  |   |
|   | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên | Dầu                     | 342                    | 4            | 882,4                 | 882,4                  | 882,4               | 0,0                 | 0,0               | 882,4   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 61.768.000 | 0   | Lúa                                       | m <sup>2</sup>                              | 882,4    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 7.941.600        | 13.236.000                         | 308.840.000  | 391.785.600  |   |
|   | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên | Dầu                     | 552                    | 4            | 179,7                 | 179,7                  | 179,7               | 0,0                 | 0,0               | 168   | 11,7   | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 12.579.000 | 0   | Hoa lay on                                | m <sup>2</sup>                              | 179,7    | 61.800    | 100%                                     | 100%   | 11.105.460       | 2.695.500                          | 58.800.000   | 85.179.960   |   |
|   | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên | Dầu                     | 630                    | 4            | 220,2                 | 220,2                  | 220,2               | 0,0                 | 0,0               | 220,2   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 15.414.000 | 0   | Táo ĐK gốc >20cm                          | Cây   | 13       | 2.565.000 | 100%                                     | 80%  | 26.676.000       | 3.303.000                          | 77.070.000   | 122.463.000  |   |
|   | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Táo ĐK gốc >20cm    | Cây   | 5        | 2.565.000 | 100%                                     | 80%  | 10.260.000       | 0                                  | 0  | 10.260.000   |   |
|   | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Ôi ĐK gốc 5-8cm     | Cây   | 6        | 357.000   | 100%                                     | 80%  | 1.713.600        | 0                                  | 0  | 1.713.600  |   |
|   | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Nhân ĐK gốc 5-10cm  | Cây   | 3        | 550.000   | 100%                                     | 80%  | 1.320.000        | 0                                  | 0  | 1.320.000  |   |
|   | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên | Dầu                     | 18                     | 9            | 186,9                 | 186,9                  | 186,9               | 0,0                 | 0,0               | 186,9   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 13.083.000 | 0   | Táo ĐK gốc >20cm                          | Cây   | 11,0     | 2.565.000 | 100%                                     | 80%  | 22.572.000       | 2.803.500                          | 65.415.000   | 103.873.500  |   |
|   | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Bưởi ĐK gốc 14-18cm | Cây   | 2,0      | 1.355.000 | 100%                                     | 80%  | 2.168.000        | 0                                  | 0  | 2.168.000  |   |
|   | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Táo ĐK gốc >20cm    | Cây   | 7,0      | 2.565.000 | 100%                                     | 80%  | 14.364.000       | 0                                  | 0  | 14.364.000   |   |
|   | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên | Dầu                     | 225                    | 3            | 123,6                 | 123,6                  | 123,6               | 0,0                 | 0,0               |   | 123,6  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 8.652.000  | 0   | Cây Ôi ĐK gốc 11-13cm                     | Cây   | 7,0      | 659.000   | 100%                                     | 80%  | 3.690.400        | 1.854.000                          | 0  | 14.196.400   |   |
|   | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên | Dầu                     | 260                    | 3            | 51,1                  | 51,1                   | 51,1                | 0,0                 | 0,0               |   | 51,1   | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 3.577.000  | 0   | Lúa                                       | m <sup>2</sup>                              | 51,1     | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 459.900          | 766.500                            | 0  | 4.803.400  |   |
|   | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên | Dầu                     | 157                    | 4            | 246,6                 | 246,6                  | 246,6               | 0,0                 | 0,0               |   | 246,6  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 17.262.000 | 0   | Lúa                                       | m <sup>2</sup>                              | 246,6    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 2.219.400        | 3.699.000                          | 0  | 23.180.400   |   |
|   | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên | Dầu                     | 295                    | 4            | 329,6                 | 329,6                  | 329,6               | 0,0                 | 0,0               |   | 329,6  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 23.072.000 | 0   | Lúa                                       | m <sup>2</sup>                              | 329,6    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 2.966.400        | 4.944.000                          | 0  | 30.982.400   |   |
|   | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên | Dầu                     | 345                    | 4            | 283,6                 | 283,6                  | 283,6               | 0,0                 | 0,0               |   | 283,6  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 19.852.000 | 0   | Lúa                                       | m <sup>2</sup>                              | 283,6    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 2.552.400        | 4.254.000                          | 0  | 26.658.400   |   |
|   | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên | Dầu                     | 515                    | 4            | 174,0                 | 174,0                  | 174,0               | 0,0                 | 0,0               |   | 174,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 12.180.000 | 0   | Hoa lay on                                | m <sup>2</sup>                              | 174,0    | 61.800    | 100%                                     | 100%   | 10.753.200       | 2.610.000                          | 0  | 25.543.200   |   |
|   | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên | Dầu                     | 517                    | 4            | 180,4                 | 180,4                  | 180,4               | 0,0                 | 0,0               |   | 180,4  | 0,0  | 0,0            | BHK                   | 12.628.000 | 0   | Táo ĐK gốc 13-15cm                        | Cây   | 7,0      | 1.605.000 | 100%                                     | 80%  | 8.988.000        | 2.706.000                          | 0  | 24.322.000   |   |
|   | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Táo ĐK gốc 13-15cm  | Cây   | 5,0      | 1.605.000 | 100%                                     | 80%  | 6.420.000        | 0                                  | 0  | 6.420.000  |   |
|   | Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Nhân ĐK gốc 10-15cm | Cây   | 5,0      | 930.000   | 100%                                     | 80%  | 3.720.000        | 0                                  | 0  | 3.720.000  |   |
| Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên | Dầu   | 152                     | 4                      | 148,1        | 148,1                 | 148,1                  | 0,0                 | 0,0                 |                   | 148,1   | 0,0  | 0,0  | LUK            | 10.367.000            | 0          | Lúa   | m <sup>2</sup>                            | 148,1                                       | 9.000    | 100%      | 100%                                     | 1.332.900  | 2.221.500        | 0                                  | 13.921.400   |  |   |
| Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên | Dầu   | 299                     | 4                      | 404,6        | 404,6                 | 404,6                  | 0,0                 | 0,0                 | 0                 | 404,6   | 0,0  | 0,0  | LUK            | 28.322.000            | 0          | Lúa   | m <sup>2</sup>                            | 404,6                                       | 9.000    | 100%      | 100%                                     | 3.641.400  | 6.069.000        | 0                                  | 38.032.400   |  |   |
| Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên | Dầu   | 344                     | 4                      | 476,1        | 476,1                 | 476,1                  | 0,0                 | 0,0                 | 336               | 140,1   | 0,0  | 0,0  | LUK            | 33.327.000            | 0          | Lúa   | m <sup>2</sup>                            | 476,1                                       | 9.000    | 100%      | 100%                                     | 4.284.900  | 7.141.500        | 117.600.000                        | 162.353.400  |  |   |
| Nguyễn Văn Thịnh, các con là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Văn Căn và Nguyễn Văn Viên | Dầu   | 249                     | 4                      | 324,5        | 324,5                 | 324,5                  | 0,0                 | 0,0                 |                   | 324,5   | 0,0  | 0,0  | LUK            | 22.715.000            | 0          | Lúa   | m <sup>2</sup>                            | 324,5                                       | 9.000    | 100%      | 100%                                     | 2.920.500  | 4.867.500        | 0                                  | 30.503.000   |  |   |
| 100   | Phạm Thị Hương, anh trai là Phạm Văn Hưng (Phan Văn Hưng)                       | Dầu                     | 631                    | 4            | 379,5                 | 379,5                  | 379,5               | 0,0                 | 0,0               | 379,5   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 26.565.000 | 0   | Lúa                                       | m <sup>2</sup>                              | 379,5    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 3.415.500        | 5.692.500                          | 132.825.000  | 168.498.000  | 1.011.602.500   |
|   | Phạm Thị Hương, anh trai là Phạm Văn Hưng (Phan Văn Hưng)                       | Dầu                     | 22                     | 9            | 313,8                 | 313,8                  | 313,8               | 0,0                 | 0,0               | 313,8   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 21.966.000 | 0   | Cây Táo ĐK gốc > 20cm                     | Cây   | 9,0      | 2.565.000 | 100%                                     | 80%  | 18.468.000       | 4.707.000                          | 109.830.000  | 154.971.000  |   |
|   | Phạm Thị Hương, anh trai là Phạm Văn Hưng (Phan Văn Hưng)                       | Dầu                     | 142                    | 4            | 128,2                 | 128,2                  | 128,2               | 0,0                 | 0,0               | 128,2   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 8.974.000  | 0   | Lúa                                       | m <sup>2</sup>                              | 128,2    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 1.153.800        | 1.923.000                          | 44.870.000   | 56.920.800   |   |
|   | Phạm Thị Hương, anh trai là Phạm Văn Hưng (Phan Văn Hưng)                       | Dầu                     | 195                    | 4            | 108,3                 | 108,3                  | 108,3               | 0,0                 | 0,0               |   | 108,3  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 7.581.000  | 0   | Cà chua                                   | m <sup>2</sup>                              | 108,3    | 41.000    | 100%                                     | 100%   | 4.440.300        | 1.624.500                          | 0  | 13.645.800   |   |
|   | Phạm Thị Hương, anh trai là Phạm Văn Hưng (Phan Văn Hưng)                       | Dầu                     | 219                    | 4            | 449,5                 | 449,5                  | 449,5               | 0,0                 | 0,0               | 449,5   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 31.465.000 | 0   | Lúa                                       | m <sup>2</sup>                              | 449,5    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 4.045.500        | 6.742.500                          | 157.325.000  | 199.578.000  |   |
|   | Phạm Thị Hương, anh trai là Phạm Văn Hưng (Phan Văn Hưng)                       | Dầu                     | 245                    | 4            | 365,7                 | 365,7                  | 365,7               | 0,0                 | 0,0               | 365,7   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 25.599.000 | 0   | Lúa                                       | m <sup>2</sup>                              | 365,7    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 3.291.300        | 5.485.500                          | 127.995.000  | 162.370.800  |   |
|   | Phạm Thị Hương, anh trai là Phạm Văn Hưng (Phan Văn Hưng)                       | Dầu                     | 334                    | 4            | 396,9                 | 396,9                  | 396,9               | 0,0                 | 0,0               | 396,9   | 0,0  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 27.783.000 | 0   | Lúa                                       | m <sup>2</sup>                              | 396,9    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 3.572.100        | 5.953.500                          | 138.915.000  | 176.223.600  |   |
| Phạm Thị Hương, anh trai là Phạm Văn Hưng (Phan Văn Hưng)                       | Dầu   | 535                     | 4                      | 440,1        | 440,1                 | 440,1                  | 0,0                 | 0,0                 |                   | 440,1   | 0,0  | 0,0  | LUK            | 30.807.000            | 0          | Nhân ĐK gốc 10-15cm   | Cây                                       | 5,0   | 930.000  | 100%      | 80%                                      | 3.720.000  | 6.601.500        | 0                                  | 41.128.500   |  |   |

| STT                                    | Họ và tên Chủ sử dụng đất                                 | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                       |                        |                     |                     | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m2)                               |  |  |                |                       | Loại đất   | Bồi thường đất: đ (Đất lúa: 70.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000đ/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 đ/m <sup>2</sup> )              | BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT |          |                |  |  |                  | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000đ/m2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: đ (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000đ/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từ thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |           |           |
|--|---|-------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|---------------------|-------------------|---|--|--|----------------|-----------------------|------------|---|---|---|----------|----------------|--|--|------------------|------------------------------------|--|--|---|-----------|-----------|
|  |   |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m2) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi   |                     |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán trâu |                       |            |   |   |   |          |                |  |  |                  |                                    |  |  |   |           |           |
|  |   |                         |                        |              |                       |                        | Trong chỉ giới (m2) | Ngoài chỉ giới (m2) |                   |   |  |  |                | Loại tài sản trên đất |            |   |   | Đơn vị tính                                 | số lượng | Đơn giá        | Tỷ lệ% của tài sản đúng hoặc vượt mặt độ | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích | Thành tiền: đồng |                                    |  |  |   |           |           |
|  | Phạm Thị Hương, anh trai là Phạm Văn Hưng (Phan Văn Hưng) | Dầu                     | 538                    | 4            | 54,5                  | 54,5                   | 54,5                | 0,0                 | 0,0               |   | 54,5   | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 3.815.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                              | 54,5     | 9.000          | 100%                                     | 100%   | 490.500          | 817.500                            | 0  | 5.123.000  |   |           |           |
|  | Phạm Thị Hương, anh trai là Phạm Văn Hưng (Phan Văn Hưng) | Dầu                     | 212                    | 4            | 84,5                  | 84,5                   | 84,5                | 0,0                 | 0,0               | 72  | 12,5   | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 5.915.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                              | 84,5     | 9.000          | 100%                                     | 100%   | 760.500          | 1.267.500                          | 25.200.000   | 33.143.000   |   |           |           |
| 101                                    | Phạm Thị Thơ chồng là Nguyễn Văn Cẩn                      | Dầu                     | 261                    | 4            | 303,6                 | 103,6                  | 103,6               | 0,0                 | 0,0               | 0   | 103,6  | 0,0  | 0,0            | LUK                   | 7.252.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                              | 103,6    | 9.000          | 100%                                     | 100%   | 932.400          | 1.554.000                          | 0  | 9.738.400  | 9.738.400   |           |           |
| 102                                    | Nguyễn Văn Tâm, vợ là Nguyễn Thị Tâm                      | Dầu                     |                        |              |                       | 100,0                  | 100,0               | 0,0                 | 0,0               | 0   | 100,0  | 0,0  | 0,0            | 100,0                 | 0,0        | LUK   | 7.000.000   | 0   | Lúa      | m <sup>2</sup> | 100,0                                    | 9.000  | 100%             | 100%                               | 900.000  | 1.500.000  | 0   | 9.400.000 | 9.400.000 |
| 103                                    | Giáp Văn Thái, vợ là Nguyễn Thị Minh (Giáp Thị Minh)      | Dầu                     |                        |              |                       | 100,0                  | 100,0               | 0,0                 | 0,0               | 0   | 100,0  | 0,0  | 0,0            | 100,0                 | 0,0        | LUK   | 7.000.000   | 0   | Lúa      | m <sup>2</sup> | 100,0                                    | 9.000  | 100%             | 100%                               | 900.000  | 1.500.000  | 0   | 9.400.000 | 9.400.000 |
| 104                                    | Nguyễn Thị Chuyên   | Dầu                     | 64                     | 5            | 216,7                 | 216,7                  | 216,7               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 216,7  | 0,0            | LUK                   | 15.169.000 | 0   | Hoa lay on  | m <sup>2</sup>                              | 216,7    | 61.800         | 100%                                     | 100%   | 13.392.060       | 3.250.500                          | 75.845.000   | 107.656.560  |   |           |           |
|  | Nguyễn Thị Chuyên   | Dầu                     | 222                    | 5            | 1.252,7               | 1.252,7                | 1.252,7             | 0,0                 | 0,0               |   |  | 1.252,7  | 0,0            | LUK                   | 87.689.000 | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                              | 1.252,7  | 9.000          | 100%                                     | 100%   | 11.274.300       | 18.790.500                         | 438.445.000  | 556.198.800  |   |           |           |
|  | Nguyễn Thị Chuyên   | Dầu                     | 242                    | 5            | 155,1                 | 155,1                  | 155,1               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 155,1  | 0,0            | LUK                   | 10.857.000 | 0   | Bạch đàn DK gốc từ trên 10-13cm                     | Cây   | 30,0     | 123.000        | 100%                                     | 80%  | 2.952.000        | 2.326.500                          | 54.285.000   | 70.420.500   |   |           |           |
|  | Nguyễn Thị Chuyên   | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Bạch đàn DK gốc 13-20cm       | Cây   | 1,0      | 163.000        | 50%                                      | 80%  | 65.200           | 0                                  | 0  | 65.200   |   |           |           |
|  | Nguyễn Thị Chuyên   | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Vượt mặt độ dưới 100% Bạch đàn cao >3m; DK gốc <5cm | Cây   | 11,0     | 40.000         | 50%                                      | 80%  | 176.000          | 0                                  | 0  | 176.000  |   |           |           |
|  | Nguyễn Thị Chuyên   | Dầu                     | 257                    | 5            | 27,9                  | 27,9                   | 27,9                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 27,9   | 0,0            | LUK                   | 1.953.000  | 0   | Bạch đàn DK gốc từ trên 10-13cm                     | Cây   | 6        | 123.000        | 100%                                     | 80%  | 590.400          | 418.500                            | 9.765.000  | 12.726.900   |   |           |           |
|  | Nguyễn Thị Chuyên   | Dầu                     | 125                    | 5            | 88,2                  | 88,2                   | 88,2                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 88,2   | 0,0            | LUK                   | 6.174.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                              | 88,2     | 9.000          | 100%                                     | 100%   | 793.800          | 1.323.000                          | 30.870.000   | 39.160.800   |   |           |           |
| Nguyễn Thị Chuyên                      | Dầu   | 317                     | 4                      | 474,8        | 474,8                 | 474,8                  | 0,0                 | 0,0                 |                   |   | 474,8  | 0,0  | LUK            | 33.236.000            | 0          | Lúa   | m <sup>2</sup>                                      | 474,8                                       | 9.000    | 100%           | 100%                                     | 4.273.200  | 7.122.000        | 166.180.000                        | 210.811.200  |  |   |           |           |
| 105                                    | Nguyễn Thị Đình chồng là Giáp Việt Bảo                    | Dầu                     | 66                     | 4            | 158,0                 | 158,0                  | 158,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 158,0  | 0,0            | LUK                   | 11.060.000 | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                              | 158,0    | 9.000          | 100%                                     | 100%   | 1.422.000        | 2.370.000                          | 55.300.000   | 70.152.000   |   |           |           |
|  | Nguyễn Thị Đình chồng là Giáp Việt Bảo                    | Dầu                     | 67                     | 4            | 191,9                 | 191,9                  | 191,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 191,9  | 0,0            | LUK                   | 13.433.000 | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                              | 191,9    | 9.000          | 100%                                     | 100%   | 1.727.100        | 2.878.500                          | 67.165.000   | 85.203.600   |   |           |           |
|  | Nguyễn Thị Đình chồng là Giáp Việt Bảo                    | Dầu                     | 68                     | 4            | 99,2                  | 99,2                   | 99,2                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 99,2   | 0,0            | LUK                   | 6.944.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                              | 99,2     | 9.000          | 100%                                     | 100%   | 892.800          | 1.488.000                          | 34.720.000   | 44.044.800   |   |           |           |
|  | Nguyễn Thị Đình chồng là Giáp Việt Bảo                    | Dầu                     | 5                      | 4            | 420,2                 | 420,2                  | 420,2               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 420,2  | 0,0            | LUK                   | 29.414.000 | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                              | 420,2    | 9.000          | 100%                                     | 100%   | 3.781.800        | 6.303.000                          | 147.070.000  | 186.568.800  |   |           |           |
|  | Nguyễn Thị Đình chồng là Giáp Việt Bảo                    | Dầu                     | 15                     | 4            | 78,5                  | 78,5                   | 78,5                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 78,5   | 0,0            | LUK                   | 5.495.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                              | 78,5     | 9.000          | 100%                                     | 100%   | 706.500          | 1.177.500                          | 27.475.000   | 34.854.000   |   |           |           |
|  | Nguyễn Thị Đình chồng là Giáp Việt Bảo                    | Dầu                     | 26                     | 4            | 135,4                 | 135,4                  | 135,4               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 135,4  | 0,0            | LUK                   | 9.478.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                              | 135,4    | 9.000          | 100%                                     | 100%   | 1.218.600        | 2.031.000                          | 47.390.000   | 60.117.600   |   |           |           |
|  | Nguyễn Thị Đình chồng là Giáp Việt Bảo                    | Dầu                     | 130                    | 4            | 371,5                 | 371,5                  | 371,5               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 371,5  | 0,0            | LUK                   | 26.005.000 | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                              | 371,5    | 9.000          | 100%                                     | 100%   | 3.343.500        | 5.572.500                          | 130.025.000  | 164.946.000  |   |           |           |
|  | Nguyễn Thị Đình chồng là Giáp Việt Bảo                    | Dầu                     | 72                     | 5            | 212,3                 | 212,3                  | 212,3               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 212,3  | 0,0            | LUK                   | 14.861.000 | 0   | Cây Bưởi DK gốc 14-18cm                             | Cây   | 2,0      | 1.355.000      | 100%                                     | 80%  | 2.168.000        | 3.184.500                          | 74.305.000   | 94.518.500   |   |           |           |
|  | Nguyễn Thị Đình chồng là Giáp Việt Bảo                    | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |                       | 0          | 0   | Ôi DK gốc 11-13cm                                   | Cây   | 15,0     | 659.000        | 100%                                     | 80%  | 7.908.000        | 0                                  | 0  | 7.908.000  |   |           |           |
| Nguyễn Thị Đình chồng là Giáp Việt Bảo | Dầu   | 85                      | 2                      | 267,3        | 267,3                 | 267,3                  | 0,0                 | 0,0                 |                   |   | 267,3  | 0,0  | LUK            | 18.711.000            | 0          | Hoa lay on  | m <sup>2</sup>                                      | 267,3                                       | 61.800   | 100%           | 100%                                     | 16.519.140   | 4.009.500        | 93.555.000                         | 132.794.640  |  |   |           |           |
| 106                                    | Ngô Văn Lục và Dương Thị Nguyệt                           | Dầu                     | 100                    | 2            | 149,7                 | 149,7                  | 149,7               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 149,7  | 0,0            | LUK                   | 10.479.000 | 0   | Hoa lay on  | m <sup>2</sup>                              | 149,7    | 61.800         | 100%                                     | 100%   | 9.251.460        | 2.245.500                          | 52.395.000   | 74.370.960   |   |           |           |
|  | Ngô Văn Lục và Dương Thị Nguyệt                           | Dầu                     | 9                      | 4            | 149,0                 | 149,0                  | 149,0               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 77,0   | 72,0           | LUK                   | 5.390.000  | 5.040.000   | Lúa   | m <sup>2</sup>                              | 149,0    | 9.000          | 100%                                     | 100%   | 1.341.000        | 1.155.000                          | 26.950.000   | 39.876.000   |   |           |           |
|  | Ngô Văn Lục và Dương Thị Nguyệt                           | Dầu                     | 7                      | 5            | 235,6                 | 235,6                  | 235,6               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 235,6  | 0,0            | LUK                   | 16.492.000 | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                              | 235,6    | 9.000          | 100%                                     | 100%   | 2.120.400        | 3.534.000                          | 82.460.000   | 104.606.400  |   |           |           |
|  | Ngô Văn Lục và Dương Thị Nguyệt                           | Dầu                     | 75                     | 5            | 400,9                 | 400,9                  | 400,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 400,9  | 0,0            | LUK                   | 28.063.000 | 0   | Khoai lang  | m <sup>2</sup>                              | 400,9    | 26.900         | 100%                                     | 100%   | 10.784.210       | 6.013.500                          | 140.315.000  | 185.175.710  |   |           |           |
|  | Ngô Văn Lục và Dương Thị Nguyệt                           | Dầu                     | 107                    | 5            | 202,4                 | 202,4                  | 202,4               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 202,4  | 0,0            | LUK                   | 14.168.000 | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                              | 202,4    | 9.000          | 100%                                     | 100%   | 1.821.600        | 3.036.000                          | 70.840.000   | 89.865.600   |   |           |           |
|  | Ngô Văn Lục và Dương Thị Nguyệt                           | Dầu                     | 124                    | 5            | 417,9                 | 417,9                  | 417,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  | 417,9  | 0,0            | LUK                   | 29.253.000 | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                              | 417,9    | 9.000          | 100%                                     | 100%   | 3.761.100        | 6.268.500                          | 146.265.000  | 185.547.600  |   |           |           |
|  | Ngô Văn Lục và Dương Thị Nguyệt                           | Dầu                     | 150                    | 5            | 89,8                  | 89,8                   | 89,8                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 89,8   | 0,0            | LUK                   | 6.286.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                              | 89,8     | 9.000          | 100%                                     | 100%   | 808.200          | 1.347.000                          | 31.430.000   | 39.871.200   |   |           |           |
|  | Ngô Văn Lục và Dương Thị Nguyệt                           | Dầu                     | 214                    | 5            | 86,2                  | 86,2                   | 86,2                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 86,2   | 0,0            | LUK                   | 6.034.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                              | 86,2     | 9.000          | 100%                                     | 100%   | 775.800          | 1.293.000                          | 30.170.000   | 38.272.800   |   |           |           |
|  | Ngô Văn Lục và Dương Thị Nguyệt                           | Dầu                     | 219                    | 5            | 84,2                  | 84,2                   | 84,2                | 0,0                 | 0,0               |   |  | 84,2   | 0,0            | LUK                   | 5.894.000  | 0   | Lúa   | m <sup>2</sup>                              | 84,2     | 9.000          | 100%                                     | 100%   | 757.800          | 1.263.000                          | 29.470.000   | 37.384.800   |   |           |           |

| STT              | Họ và tên Chủ sử dụng đất        | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                       |                        |                     |                     | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m2)                               |  |  |                | Loại đất | Bồi thường đất: đ (Đất lúa: 70.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000đ/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 đ/m <sup>2</sup> ) | BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT    |  |                |  |  |                  | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000đ/m2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: đ (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000đ/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từ thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |             |
|------------------|----------------------------------|-------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|---------------------|-------------------|---|--|--|----------------|----------|---|--|--|--|----------------|--|--|------------------|------------------------------------|--|--|---|-------------|
|                  |                                  |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m2) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi   |                     |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán trâu |          |   |  | Đơn vị tính                                    | số lượng   | Đơn giá        | Tỷ lệ% của tài sản đúng hoặc vượt mặt độ | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích | Thành tiền: đồng |                                    |  |  |   |             |
|                  |                                  |                         |                        |              |                       |                        | Trong chỉ giới (m2) | Ngoài chỉ giới (m2) |                   |   |  |  |                |          |   |  |  |  |                |  |  |                  |                                    |  |  |   |             |
|                  | Ngô Văn Lạc và Dương Thị Nguyệt  | Dầu                     | 235                    | 5            | 330,5                 | 330,5                  | 330,5               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 330,5          | 0,0      | LUK   | 23.135.000                             | 0  | Lúa  | m <sup>2</sup> | 330,5                                    | 9.000  | 100%             | 100%                               | 2.974.500  | 4.957.500  | 115.675.000   | 146.742.000 |
|                  | Ngô Văn Lạc và Dương Thị Nguyệt  | Dầu                     | 248                    | 5            | 864,7                 | 864,7                  | 864,7               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 864,7          | 0,0      | LUK   | 60.529.000                             | 0  | Lúa  | m <sup>2</sup> | 864,7                                    | 9.000  | 100%             | 100%                               | 7.782.300  | 12.970.500   | 302.645.000   | 383.926.800 |
|                  | Ngô Văn Lạc và Dương Thị Nguyệt  | Dầu                     | 220                    | 5            | 228,9                 | 228,9                  | 228,9               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 228,9          | 0,0      | LUK   | 16.023.000                             | 0  | Khoai lang   | m <sup>2</sup> | 228,9                                    | 26.900   | 100%             | 100%                               | 6.157.410  | 3.433.500  | 80.115.000  | 105.728.910 |
|                  | Ngô Văn Lạc và Dương Thị Nguyệt  | Dầu                     | 203                    | 5            | 378,6                 | 378,6                  | 378,6               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 378,6          | 0,0      | LUK   | 26.502.000                             | 0  | Khoai lang   | m <sup>2</sup> | 378,6                                    | 26.900   | 100%             | 100%                               | 10.184.340   | 5.679.000  | 132.510.000   | 174.875.340 |
|                  | Ngô Văn Lạc và Dương Thị Nguyệt; | Dầu                     | 266                    | 5            | 132,1                 | 132,1                  | 132,1               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 132,1          | 0,0      | LUK   | 9.247.000                              | 0  | Lúa  | m <sup>2</sup> | 132,1                                    | 9.000  | 100%             | 100%                               | 1.188.900  | 1.981.500  | 46.235.000  | 58.652.400  |
| 107              | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     | 87                     | 5            | 161,6                 | 161,6                  | 161,6               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 161,6          | 0,0      | LUK   | 11.312.000                             | 0  | Chuối trồng từ 6 tháng đến khi có quả  | Khóm           | 12,0                                     | 95.000   | 100%             | 80%                                | 912.000  | 2.424.000  | 56.560.000  | 71.208.000  |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     | 116                    | 5            | 248,6                 | 248,6                  | 248,6               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 248,6          | 0,0      | BHK   | 17.402.000                             | 0  | Nhãn ĐK gốc 10-15cm  | Cây            | 5,0                                      | 930.000  | 100%             | 80%                                | 3.720.000  | 3.729.000  | 87.010.000  | 111.861.000 |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          |   | 0                                      | 0  | Nhãn ĐK gốc 10-15cm  | Cây            | 2,0                                      | 930.000  | 100%             | 80%                                | 1.488.000  | 0  | 0   | 1.488.000   |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          |   | 0                                      | 0  | Cây Na ĐK gốc 2-5cm  | Cây            | 8,0                                      | 115.000  | 100%             | 80%                                | 736.000  | 0  | 0   | 736.000     |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          |   | 0                                      | 0  | Vượt mặt độ từ 100% đến dưới 200% Na ĐK gốc 2-5cm                                | Cây            | 3,0                                      | 115.000  | 90%              | 80%                                | 248.400  | 0  | 0   | 248.400     |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          |   | 0                                      | 0  | Vượt mặt độ dưới 100% Mít ĐK gốc 10-15cm   | Cây            | 4,0                                      | 440.000  | 100%             | 80%                                | 1.408.000  | 0  | 0   | 1.408.000   |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          |   | 0                                      | 0  | Vượt mặt độ từ 100% đến dưới 200% Mít ĐK gốc 20-25cm                             | Cây            | 1,0                                      | 750.000  | 90%              | 80%                                | 540.000  | 0  | 0   | 540.000     |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          |   | 0                                      | 0  | Vượt mặt độ từ 100% đến dưới 200% Mít ĐK gốc 5-10cm                              | Cây            | 3,0                                      | 285.000  | 90%              | 80%                                | 615.600  | 0  | 0   | 615.600     |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          |   | 0                                      | 0  | Vượt mặt độ dưới 100% Dừa ĐK gốc 25-30cm   | Cây            | 1,0                                      | 255.000  | 90%              | 80%                                | 183.600  | 0  | 0   | 183.600     |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          |   | 0                                      | 0  | Vượt mặt độ từ 100% đến dưới 200% Ôi ĐK gốc 2-5cm                                | Cây            | 3,0                                      | 206.000  | 90%              | 80%                                | 444.960  | 0  | 0   | 444.960     |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          |   | 0                                      | 0  | Khối xây tường gạch cay xi 110mm (33m*0,4m)+(43m*1,1m), xây trước ngày 01/7/2014 | m <sup>3</sup> | 6,7                                      | 1.140.000  | 100%             | 80%                                | 6.069.360  | 0  | 0   | 6.069.360   |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     | 117                    | 5            | 489,8                 | 489,8                  | 489,8               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 489,8          | 0,0      | BHK   | 34.286.000                             | 0  | Nhãn ĐK gốc 10-15cm  | Cây            | 7,0                                      | 930.000  | 100%             | 80%                                | 5.208.000  | 7.347.000  | 171.430.000   | 218.271.000 |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          |   | 0                                      | 0  | Nhãn ĐK gốc 10-15cm  | Cây            | 4,0                                      | 930.000  | 100%             | 80%                                | 2.976.000  | 0  | 0   | 2.976.000   |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          |   | 0                                      | 0  | Mít ĐK gốc 10-15cm   | Cây            | 5,0                                      | 440.000  | 100%             | 80%                                | 1.760.000  | 0  | 0   | 1.760.000   |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          |   | 0                                      | 0  | Mít ĐK gốc 20-25cm   | Cây            | 1,0                                      | 750.000  | 100%             | 80%                                | 600.000  | 0  | 0   | 600.000     |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          |   | 0                                      | 0  | Mít ĐK gốc 5-10cm  | Cây            | 2,0                                      | 285.000  | 100%             | 80%                                | 456.000  | 0  | 0   | 456.000     |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          |   | 0                                      | 0  | Vượt mặt độ dưới 100% Na ĐK gốc 2-5cm  | Cây            | 25,0                                     | 115.000  | 100%             | 80%                                | 2.300.000  | 0  | 0   | 2.300.000   |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          |   | 0                                      | 0  | Vượt mặt độ dưới 100% Mít ĐK gốc 5-10cm  | Cây            | 4,0                                      | 285.000  | 100%             | 80%                                | 912.000  | 0  | 0   | 912.000     |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          |   | 0                                      | 0  | Vượt mặt độ dưới 100% Dừa ĐK gốc 25-30cm   | Cây            | 2,0                                      | 255.000  | 100%             | 80%                                | 408.000  | 0  | 0   | 408.000     |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          |   | 0                                      | 0  | Vượt mặt độ dưới 100% Ôi ĐK gốc 2-5cm  | Cây            | 4,0                                      | 206.000  | 100%             | 80%                                | 659.200  | 0  | 0   | 659.200     |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          |   | 0                                      | 0  | Khối xây tường gạch cay xi 220mm (72m*1,2m), xây trước ngày 01/7/2014            | m <sup>3</sup> | 19,0                                     | 1.140.000  | 100%             | 80%                                | 17.335.296   | 0  | 0   | 17.335.296  |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     | 123                    | 5            | 377,1                 | 377,1                  | 377,1               | 0,0                 | 0,0               |   |  |  | 377,1          | 0,0      | LUK   | 26.397.000                             | 0  | Nhãn ĐK gốc 10-15cm  | Cây            | 7,0                                      | 930.000  | 100%             | 80%                                | 5.208.000  | 5.656.500  | 131.985.000   | 169.246.500 |
|                  | Nguyễn Văn Lương                 | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          |   | 0                                      | 0  | Nhãn ĐK gốc 10-15cm  | Cây            | 4,0                                      | 930.000  | 100%             | 80%                                | 2.976.000  | 0  | 0   | 2.976.000   |
| Nguyễn Văn Lương | Dầu                              |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          | 0   | 0                                      | Mít ĐK gốc 10-15cm                             | Cây  | 4,0            | 440.000                                  | 100%   | 80%              | 1.408.000                          | 0  | 0  | 1.408.000   |             |
| Nguyễn Văn Lương | Dầu                              |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          | 0   | 0                                      | Vượt mặt độ từ 300% trở lên Mít ĐK gốc 10-15cm | Cây  | 1,0            | 440.000                                  | 50%  | 80%              | 176.000                            | 0  | 0  | 176.000   |             |
| Nguyễn Văn Lương | Dầu                              |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          | 0   | 0                                      | Vượt mặt độ từ 300% trở lên Mít ĐK gốc 20-25cm | Cây  | 2,0            | 750.000                                  | 50%  | 80%              | 600.000                            | 0  | 0  | 600.000   |             |
| Nguyễn Văn Lương | Dầu                              |                         |                        |              |                       |                        |                     |                     |                   |   |  |  |                |          | 0   | 0                                      | Vượt mặt độ từ 300% trở lên Mít ĐK gốc 5-10cm  | Cây  | 6,0            | 285.000                                  | 50%  | 80%              | 684.000                            | 0  | 0  | 684.000   |             |

| STT | Họ và tên Chủ sử dụng đất                         | Địa chỉ thửa đất (thôn) | BẢN ĐỒ ĐO ĐẠC NĂM 2009 |              |                       |                        |                     | Diện tích còn lại | HÌNH THỨC GIAO (m2)                               |  |  |                | Loại đất | Bồi thường đất: đ (Đất lúa: 70.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST: 30.000đ/m <sup>2</sup> ) | Hỗ trợ khác (70.000 đ/m <sup>2</sup> ) | BÔI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN GẮN LIÊN VỚI ĐẤT    |                                     |          |           |  |  | Hỗ trợ ổn định đời sống 15.000đ/m2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: đ (CHN đơn giá 5 lần giá đất lúa = 350.000 đ/m <sup>2</sup> ; Đất RST đơn 5 lần giá đất = 150.000đ/m <sup>2</sup> ) | Số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận từ thửa đất: đồng | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được nhận: đồng |                  |                     |
|-----|---|-------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|-------------------|---|--|--|----------------|----------|---|--|--|-------------------------------------|----------|-----------|--|--|------------------------------------|--|--|---|------------------|---------------------|
|     |   |                         | Số thửa                | Số tờ bản đồ | Đo vẽ hiện trạng (m2) | Tổng diện tích thu hồi | Diện tích thu hồi   |                   | Đất nông nghiệp giao lâu dài đã được cấp GCNQSD Đ | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định không đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất nông nghiệp sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy GCNQSD đất | Đất khoán thầu |          |   |  | Loại tài sản trên đất                          | Đơn vị tính                         | Số lượng | Đơn giá   | Tỷ lệ% của tài sản đúng hoặc vượt mặt độ | Tỷ lệ% do việc sử dụng đất đúng hoặc không đúng mục đích |                                    |  |  |   | Thành tiền: đồng |                     |
|     |   |                         |                        |              |                       |                        | Trong chỉ giới (m2) |                   |   |  |  |                |          |   |  |  |                                     |          |           |  |  |                                    |  |  |   |                  | Ngoài chỉ giới (m2) |
|     | Nguyễn Văn Lương                                  | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          | 0   | 0                                      | Vượt mặt độ từ 300% trở lên Đừa ĐK góc 25-30cm | Cây                                 | 3,0      | 255.000   | 50%                                      | 80%  | 306.000                            | 0  | 0  | 306.000   |                  |                     |
|     | Nguyễn Văn Lương                                  | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          | 0   | 0                                      | Vượt mặt độ từ 300% trở lên Ôi ĐK góc 2-5cm    | Cây                                 | 4,0      | 206.000   | 50%                                      | 80%  | 329.600                            | 0  | 0  | 329.600   |                  |                     |
|     | Nguyễn Văn Lương                                  | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          | 0   | 0                                      | Vượt mặt độ từ 300% trở lên Na ĐK góc 2-5cm    | Cây                                 | 5,0      | 115.000   | 50%                                      | 80%  | 230.000                            | 0  | 0  | 230.000   |                  |                     |
|     | Nguyễn Văn Lương                                  | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          | 0   | 0                                      | Vượt mặt độ từ 300% trở lên Na ĐK góc 2-5cm    | Cây                                 | 20,0     | 115.000   | 50%                                      | 80%  | 920.000                            | 0  | 0  | 920.000   |                  |                     |
|     | Nguyễn Văn Lương                                  | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          | 0   | 0                                      | Vượt mặt độ từ 300% trở lên Chuối đã có quả    | khóm                                | 48,0     | 132.500   | 50%                                      | 80%  | 2.544.000                          | 0  | 0  | 2.544.000   |                  |                     |
|     | Nguyễn Văn Lương                                  | Dầu                     |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          | 0   | 0                                      | Vượt mặt độ từ 300% trở lên Chuối đã có quả    | khóm                                | 24,0     | 132.500   | 50%                                      | 80%  | 1.272.000                          | 0  | 0  | 1.272.000   |                  |                     |
|     | Nguyễn Văn Lương                                  | Dầu                     | 127                    | 5            | 627,3                 | 627,3                  | 627,3               | 0,0               | 0,0   |  |  |                | LUK      | 43.911.000  | 0                                      | Lúa  | m <sup>2</sup>                      | 627,3    | 9.000     | 100%                                     | 100%   | 5.645.700                          | 9.409.500  | 219.555.000  | 278.521.200   |                  |                     |
|     | Nguyễn Văn Lương                                  | Dầu                     | 28                     | 5            | 82,5                  | 82,5                   | 82,5                | 0,0               | 0,0   |  |  |                | LUK      | 5.775.000   | 0                                      | Khoai lang                                     | m <sup>2</sup>                      | 82,5     | 26.900    | 100%                                     | 100%   | 2.219.250                          | 1.237.500  | 28.875.000   | 38.106.750  |                  |                     |
|     | Nguyễn Văn Lương                                  | Dầu                     | 48                     | 2            | 204,4                 | 204,4                  | 204,4               | 0,0               | 0,0   |  |  |                | LUK      | 14.308.000  | 0                                      | Hoa lay ơn                                     | m <sup>2</sup>                      | 204,4    | 61.800    | 100%                                     | 100%   | 12.631.920                         | 3.066.000  | 71.540.000   | 101.545.920   |                  |                     |
| 109 | Nguyễn Thị Chuyên                                 | Dầu                     | 17                     | 9            | 10.192,5              | 4.174,2                | 4.174,2             | 0,0               | 1.546,5   |  |  |                | RST      | 125.226.000   |  | Bạch đàn ĐK góc 5-10cm                         | Cây                                 | 834,0    | 118.000   | 100%                                     | 100%   | 98.412.000                         | 62.613.000   | 626.130.000  | 912.381.000   | 961.469.000      |                     |
|     | Nguyễn Thị Chuyên                                 |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          |   |  |  | Vượt mặt độ dưới 100% ĐK góc 5-10cm | Cây      | 832,0     | 118.000                                  | 50%  | 100%                               | 49.088.000   | 0  | 0   |                  | 49.088.000          |
| 110 | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh | Dầu                     | 17                     | 9            | 10.192,5              | 4.471,8                | 4.471,8             | 0,0               |   |  |  |                | RST      | 134.154.000   |  | Bạch đàn ĐK góc 5-10cm                         | Cây                                 | 895,0    | 118.000   | 100%                                     | 100%   | 105.610.000                        | 67.077.000   | 670.770.000  | 977.611.000   | 1.015.076.000    |                     |
|     | Ngô Văn Khoa (Ngô Đăng Khoa) vợ là Giáp Thị Thỉnh |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          |   |  |  | Vượt mặt độ dưới 100% ĐK góc 5-10cm | Cây      | 635,0     | 118.000                                  | 50%  | 100%                               | 37.465.000   | 0  | 0   |                  | 37.465.000          |
| 111 | Nguyễn Văn Lực                                    | Dầu                     | 606                    | 4            | 3.565,3               | 3.565,3                | 3.565,3             | 0,0               | 0,0   |  |  |                | RST      | 106.959.000   |  | Bạch đàn ĐK góc 5-10cm                         | Cây                                 | 713,0    | 118.000   | 100%                                     | 100%   | 84.134.000                         | 53.479.500   | 534.795.000  | 779.367.500   | 821.316.500      |                     |
|     | Nguyễn Văn Lực                                    |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          |   | Vượt mặt độ dưới 100% ĐK góc 5-10cm    | Cây  | 711,0                               | 118.000  | 50%       | 100%                                     | 41.949.000   | 0                                  | 0  | 41.949.000   |   |                  |                     |
| 112 | Nguyễn Thị Chuyên                                 | Dầu                     | 629                    | 4            | 2.590,1               | 2.590,1                | 2.590,1             |                   | 0,0   | 2.590,1  |  |                | RST      | 77.703.000  |  | Cây vải ĐK góc từ 15-20cm                      | Cây                                 | 10,0     | 1.850.000 | 100%                                     | 100%   | 18.500.000                         | 38.851.500   | 388.515.000  | 523.569.500   | 609.237.500      |                     |
|     | Nguyễn Thị Chuyên                                 |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          |   | Bạch đàn ĐK góc 5-10cm                 | Cây  | 468,0                               | 118.000  | 100%      | 100%                                     | 55.224.000   | 0                                  | 0  | 55.224.000   |   |                  |                     |
|     | Nguyễn Thị Chuyên                                 |                         |                        |              |                       |                        |                     |                   |   |  |  |                |          |   | Vượt mặt độ dưới 100% ĐK góc 5-10cm    | Cây  | 516,0                               | 118.000  | 50%       | 100%                                     | 30.444.000   | 0                                  | 0  | 30.444.000   |   |                  |                     |